

AN
T
N



thuongmaitruongkua.vn

Văn 9

TẬP HAI



81075.4)
NG 5272

NGUYỄN LỘC - ĐỖ QUANG LƯU

VĂN 9

TẬP HAI

thuongmaitruongxua.vn



06/06/2011
M.N.V. 5402/99



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC - 1989

CÁC KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH	
Nội dung	Kí hiệu
I - Chỗ giải	I-
II - Hướng dẫn đọc	II-
III - Tín hiệu bài	III
IV - Luyện tập	IV

PHẦN MỘT
VĂN HỌC VIỆT NAM
(Tiếp theo)

CHƯƠNG II
VĂN THƠ HIỆN ĐẠI

BÀI 27
ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi

Hát rằng: Cá bạc biển Đông lặng
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng

Cá nhụ cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng

Bình soạn NGUYỄN LỘC
ĐỒ QUANG LƯU
Biên tập NGUYỄN QUỐC TUYÊN
Minh họa TẠ THỨC BÌNH
Biên tập mỹ thuật TẠ TRONG TRÍ
Biên tập kỹ thuật TRẦN THU NGÀ
Sửa bản in PHAN TỰ TRANG



Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc
Đêm thơ: sao lùn nước Hạ Long.

Ta hát bài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự thuở nào

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vảy bạc đuôi vàng lóe rạng đông
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng

Câu hát căng buồm với gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mặt cá huy hoàng muôn dặm phơi

HUY CẬN

(Trời mới ngày lại sáng - 1958)

I - Cho giải

Bài thơ làm ở Hồng Gai năm 1953, nhân một chuyến đi thực tế giữa lúc miền Bắc nước ta phấn khởi chuyển lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

II - Hướng dẫn đọc

Bài thơ chia thành nhiều khổ, các khổ đều kết câu theo thể tứ tuyệt rất đỉnh đạc. Đọc chậm rãi, tùy theo nội dung mà giọng lúc trầm lắng, lúc sôi nổi, hứng khởi. Nhịp điệu bài thơ khỏe, giọng đọc nói chung cần rõ và khỏe.

III - Tìm hiểu bài

1. Tìm bố cục của bài thơ
2. Bài thơ có những đoạn nào làm em thích thú? Hãy chọn một đoạn, tập phân tích cách xây dựng hình ảnh, sử dụng nhịp điệu để ca ngợi cái đẹp của cảnh và người lao động trên biển? Nghệ thuật xây dựng hình ảnh, biểu hiện cảm xúc của bài thơ có đặc điểm gì nổi bật về bút pháp?
3. Qua bức tranh thơ về đoàn thuyền đánh cá, em có cảm nghĩ gì về cách tác giả nhìn công việc lao động và người lao động Việt Nam đã được giải phóng trong công cuộc xây dựng đất nước?

IV - Luyện tập

Tập đọc diễn cảm bài thơ và viết một đoạn văn phân tích 4 câu mở đầu bài

BÀI 28

MÙA XUÂN NHỎ NHỎ

Mọc giữa dòng sông xanh,
Một bông hoa tím biếc
Ơi! con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng

Mùa xuân người cầm súng
Lộc⁽¹⁾ giắt đầy quanh lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao.

Đất nước bốn nghìn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nhỏ nhỏ
Lặng lẽ đang cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc

Mùa xuân — ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình⁽²⁾
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế

thuongmaitruongxua.vn

11 - 1980
THANH HẢI

I - (1) Lộc: chồi non. (2) Nam ai, Nam bình: Hai điệu ca Huế.

II - Khổ 1 và 2: đọc giọng say sưa, hờ hởi, phần còn lại: giọng nhỏ nhẹ, thiết tha.

III - 1. Tìm bố cục của bài thơ.

2. Hình ảnh mùa xuân trong bài thơ được dùng theo mấy nghĩa? Phân tích cách tác giả miêu tả cái đẹp của mùa xuân thiên nhiên và mùa xuân chiến đấu.

3. Phân tích đoạn thơ (Ta làm con chim hót... Ta là khi tóc bạc) để tìm ra ý nghĩa của nhan đề (Mùa xuân nhỏ nhỏ) và chủ đề của bài thơ. Nhạc điệu của bài thơ có gợi cảm không? Cách đặt câu gieo vần như thế nào mà đạt được sức gợi cảm đó?

IV - 1. Tập đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ.

2. Dùng từ "mùa xuân" đặt một số câu theo những nghĩa khác nhau của từ ấy.

BÀI 29

LÊN NÚI ĐÀ VÌ⁽¹⁾

Ô hay núi cũ ba hôn nhĩ
Cứ kết liên nhau đến lạ kì
Đã có Tam Thanh⁽²⁾ còn Tam Diệp⁽³⁾
Đã xanh Tam Đảo⁽⁴⁾ lại Đà Vĩ

Ý thiên nhiên hẳn giống y người
Núi tựa đỉnh ba⁽⁵⁾ chọc giữa trời
Mấy phen thăng giáng ta leo thử
Đất cứ bình yên, sông cứ xuôi.

Cái thế chân kiềng núi cũ ba
Trụ trời trụ đất đứng nguy nga
Dưới chân núi ấy nhà em ở
Khỏi vẫn bình yên thung lũng xa.

PHẠM TIẾN DUẬT

I - (1) Ba Vì: một dãy núi ở tỉnh Sơn Tây cũ, nay thuộc tỉnh Hà Sơn Bình. (2) Tam Thanh: một dãy núi ở Lạng Sơn. (3) Tam Điệp: một dãy núi giữa Ninh Bình (thuộc tỉnh Hà Nam Ninh ngày nay) và Thanh Hóa. (4) Tam Đảo: một dãy núi ở Vĩnh Phú. (5) Đinh bạc: một công cụ, một vũ khí đầu (cờn) thanh búa mới nhọn.

II - Khổ 1: giọng ngao nhiên, khổ 2 và 3: giọng trầm, suy tư, tự hào nhưng cũng có những câu đầy khí thế, đọc giọng sôi nổi (câu 6, 8).

III - 1. Nhà thơ có phát hiện gì mới về đất nước Việt Nam làm em hứng thú không? Phân tích cách tác giả biểu hiện trong khổ 1 của bài thơ niềm hứng thú trước một diện tượng lạ của núi Việt Nam.

2. Từ một hiện tượng núi có ba hồn, ba ngọn, tác giả ông tượng của nhà thơ lần lượt sáng tạo ra những hình ảnh đa dạng khác nhau như thế nào mà vẫn thống nhất ở chỗ ta nghĩ được những phẩm chất cao quý gì của dân tộc ta? Phân tích cái hay của những hình ảnh ấy.

3. Phân tích nhịp thơ trong cái điệp khúc kết thúc khổ 2 và khổ 3 (Đất cứ bình yên... Không cần binh đao... Nhà thơ muốn nói gì bằng cái điệp khúc ấy?).

IV - 1. Tập đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ.

2. Bài trước bài thơ trên, dựa vào hình thể nước ta, hãy tìm một hình ảnh so sánh phù hợp với hình thể ấy mà nói lên được một vẻ đẹp nào đó của đất nước, của dân tộc ta. (Yêu cầu tìm ra hình ảnh so sánh hợp lý và viết thành một đoạn văn ngắn có hình ảnh).

BÀI ĐỌC THÊM

NGƯỜI ĐI TÌM HÌNH CỦA NƯỚC

Đất nước đẹp vô cùng. Nhưng Bác phải ra đi
Cho tôi làm sống dưới con tàu đưa tiễn Bác
Khi bờ bãi dần lui, làng xóm khuất
Bốn phía nhìn không bóng một hàng tre.

Đêm xa nước đầu tiên, ai nữa ngủ
Sóng vỗ dưới thân tàu đầu phải sóng quê hương
Trời từ đây chẳng xanh màu xứ sở
Xa nước rồi, càng hiểu nước đau thương.

Lũ chúng ta ngủ trong giường chiếu hẹp
Giấc mơ con đè nát cuộc đời con
Hạnh phúc đọng trong một lá áo đẹp
Một mái nhà yên rủ bóng xuống tâm hồn

Trăm con mơ không chống nổi một đêm dài
Ta lại mặc lòng cho mưa tuôn và gió thổi
Lòng ta thành con rối
Cho cuộc đời giật dây

Quanh hồ Gươm không ai bán chuyện vua Lê
Lòng ta đã thành rêu phong chuyện cũ
Như sao rơi rụng tâm lòng lạnh tự
Tìm đường đi cho dân tộc theo đi

Có nhớ chăng hồi gió rét thành Ba-lê
Một viên gạch hồng Bác chống lại cả một mùa băng giá
Và sương mù thành Luân-đôn, người có nhớ
Giọt mồ hôi Người nhỏ giữa đêm khuya

Đời bởi tàu lênh đênh theo sóng bể
Người đi hỏi khắp bóng cờ châu Mỹ, châu Phi
Những đất tự do, những trời nô lệ
Những con đường cách mạng đang tìm đi

Đêm mơ ước, ngày thấy hình của nước
May có trong chiêm bao xanh sắc biếc quê nhà
Ăn một miếng ngon cũng dâng lòng vì Tổ quốc
Chẳng yên lòng khi ngắm một nhánh hoa

Ngày mai dân ta sẽ sống sao đây?
Sông Hồng chảy về đâu? Và lịch sử?
Bao giờ dải Trường Sơn bừng giấc ngủ
Cánh tay thần Phó Đông sẽ vươn mây?

Rồi cô sẽ ra sao? Tiếng hát sẽ ra sao?
Nụ cười sẽ ra sao?

Ôi độ! (áp?)

Xanh biết mây là trời xanh Tổ quốc
Khí tự do vô chội ở trên đầu

Kìa một trời Nga bung chời ở phương Đông
Cay cay dăng đã ra mùa quả ngọt
Người cay dăng đã chia phần hạnh phúc
Sao vàng bay theo liềm lúa công nông

Luận cương đến Bắc Hồ, Va Nút đã kháo
Lê Đức Hồ rơi trên chữ Lê-nin
Hồi hức tường im nghe Bác lật từng trang sách gấp
Tưởng hồn ngoài đất nước đợi mong tin

Bác vào lên một mình như nói cùng dân tộc
«Cơm áo là đây! Hạnh phúc đây rồi!»
Hình của Đảng lồng trong hình của Nước
Phát khốc đầu tiên là phát Bắc Hồ cười

Bác thấy dân ta bừng bát cơm mồ hôi nước mắt
Ruộng theo trâu về lại với người cày
Mồ hôi, hăm than, rừng vàng, bờ bạc
Không còn người bỏ xác trên đường ray

Giặc nước đuổi xong rồi. Trời xanh thành tiếng hát
Điện theo trăng vào phòng ngủ công nhân
Những kẻ què mừa đã thành trí thức
Tăm tối chôn lao nay hóa những ánh hồng.

Nước Việt Nam nghìn năm Đinh-Lý-Trần-Lê
Thành nước Việt chào dân trong mái suối
Mái ra nghìn năm hồng thay sắc ngói
Nhưng đời thường cũng có bóng hoa che

Ôi! Đường đến với Lê-nin là đường về Tổ quốc...
Tuyết Mat-xơ-va sáng ấy lạnh trăm lần;
Trong tuyết trắng như đọng nhiều nước mắt
Lê-nin mất rồi. Nhưng Bác chẳng dừng chân

Luận cương của Lê-nin theo Người về quê Việt
Biên giới còn xa. Nhưng Bác thấy đã đến rồi
Kìa, bóng Bác đang hôn lên hồn đất
Lắng nghe trong màu hồng hình đất nước phôi thai.

CHẾ LAN VIÊN

VÀM CỎ ĐỒNG

Ở tận sông Hồng, em cô biết
Quê hương anh cũng có đồng sông
Anh mãi gọi với lòng tha thiết:
Vàm Cỏ Đồng! Ơi Vàm Cỏ Đồng!

Đây con sông xuôi dòng nước chảy
Bốn mùa soi từng mảnh mây trời
Từng ngọn dừa gió đưa phe phẩy
Bóng lồng trên sông nước chơi vơi.

Đây con sông như dòng sữa mẹ
Nước về xanh ruộng lúa, vườn cây
Và ấm áp như lòng người mẹ
Chở tình thương tràn trái đêm ngày.

Đây con sông như dòng lịch sử
Sáng ngời tên từ thuở Cha ông
Đã bao phen đoàn quân cầm tay
Vùi đáy sông xác giặc tanh nồng.

Ơi Vàm Cỏ Đông! Ơi con sông,
Nước xanh biếc biếc chẳng thay dòng
Đuổi Pháp đi rồi, nay đuổi Mỹ
Giặc đi đời giặc, sông càng trong.

Có thể nào quên những đêm thao
Thức với sao đêm, anh đánh tàu
Má đem cơm nóng ra công sự
Nghe tàu Mỹ rú, giặc « ăn mau ».

Có thể nào quên cô gái thơ
Bơi xuống thoát thoát dưới trang mờ
Đưa đoàn « Giải phóng » qua sông sớm
Bên sông, bát giặc đứng sờ sờ

Có thể nào quên những con người
Tóc còn xanh lắm, tuổi đôi mươi
Dám dấn thân mình lấy tàu giặc
Nụ cười khi chết vẫn còn tươi

Vàm Cỏ Đông đây, ta quyết giữ
Từng chiếc xuồng, tấm lưới, cây dầm
Từng con người làm nên lịch sử
Và dòng sông trong mát quanh năm.

Vàm Cỏ Đông đây, ta quyết giữ
Từng mái nhà nép dưới rừng dừa
Từng thửa ruộng ngời đen màu mỡ
Từng mối tình hò hẹn sớm trưa.

Ơi tận sông Hồng, em có biết
Quê hương anh cũng có dòng sông
Anh mãi gọi với lòng tha thiết:
Vàm Cỏ Đông! Ơi Vàm Cỏ Đông!

HOÀI VŨ
(Long An. 8-1964)

XÓM ĐÈ

Xóm đề ngày trước gọi nhau:
Mụ Công bởi rúc
Mẹ con nhà lòng gà giẻ rách
Lão Tư say
Thằng bé đánh giầy
Ông già mù tâm quất

Không ai giống ai nghề nghiệp
Không ai khác ai cái nghèo
Trẻ con xóm đề tất cả giống nhau
Đa chảy nắng tốc râu ngô
Con gái con trai đều nghịch như quỷ sứ

Xóm đề bây giờ
Không ai gọi ai bằng tên cũ
Những cái tên nhẹ nhặn
Vào đề gọi nhau trêu mến yêu thân
Những tên người bình dị

Chuyện cũ xóm đề để lại nếp nhăn trên trán mẹ
Nhưng chúng tôi lớp trẻ vô tư
Cứ lên lên rộ rộ ước mơ
Có lúc quên ngoảnh nhìn quá khứ.

Chiều nay xóm đề
Tiễn bọn con trai lên đường nhập ngũ
Ông già mù tâm quất
Cầm tay từng người nhắc lại những tên xưa.

Chúng tôi lắng nghe tên mẹ tên cha
Thấm thía nửa phần buồn của xóm
Nước mắt ông già mù nhỏ xuống
Đã tràn sang mi mắt chúng tôi
Không phải vì chuyện cũ ngậm ngùi
Chân tôi đang khóc nửa phần vui đang sống.

Các bạn trai ra đi
Tiếng hát xa rồi còn ngoài lạ
Đau chỉ chiến trường lên tiếng gọi
Lớp trẻ lên đường vì chính xóm quê.

Đà La Thanh 1969
PHAN THỊ THANH NHÂN

TIẾNG DÂN BA-LA-LA -CA TRÊN SÔNG ĐÀ

Tong các đồng chí chuyên gia Liên Xô

Tiếng dân Ba-la-lai-ca
Như ngọn gió bình yên
Thổi qua rừng bạch dương dịu dãi
Nghe rụt rề
Như tia mắt
Người thiếu nữ soi mình trong hồ
Nghe mơ hồ
Như tiếng hát
Trong bồng bênh sương núi
Nghe với với
Như cánh thiên nga
Bay khuất nẻo mây xa...

Tiếng dân Ba-la-lai-ca
Như ngọn sóng
Vỗ trắng phau ghềnh đá
Nghe nào nức
Như dòng sông nóng lòng tìm biển cả
Như khúc dân vũ Cáp-ca
Nhịp chân quay khiến mắt nhìn chênh choáng...

Trên sông Đà
Một đêm trăng chơi với
Tôi nghe tiếng dân Ba-la-lai-ca như thế

Một cô gái Nga mái tóc màu hạt dẻ
Ngón tay đàn trên những sợi dây đồng.

Lúc ấy cả công trường say ngủ cạnh dòng sông
Những xe ủi, xe ben sóng vai nhau nằm nghỉ
Chỉ còn tiếng dân ngân nga
Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà
Ngày mai chiếc đập lớn nổi lên hai khối núi
Biên sẽ nằm hồ ngổ giữa cao nguyên
Sông Đà gửi ánh sáng đi muôn ngã
Từ công trình thủy điện lớn đầu tiên.

Khi ấy những người bạn Nga sẽ ở đâu
Ở hàn cực Véc-khố-an
Hay đỉnh cao Iéc-cút
Ở những vùng giàu khó nào trên Liên Bang Xô Viết
Lại đi mở tiếp những công trình cộng sản vô vang
Nhưng vĩnh viễn sẽ còn ở Việt Nam
Tiếng dân Ba-la-lai-ca rung động
Tiếng dân. Ấy là biểu tượng
Cho tâm hồn nước Nga
Như đêm nay
Rung một khoảng sông Đà.

QUANG BUY
(1980)

CHIỀU BIÊN GIỚI

Chiều biên giới em ơi
Cỏ nơi nào xanh hơn
Như tiếng chim hót gọi
Như chờ non cổ biếc
Như rừng cây của lá
Như tình yêu đôi ta.

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào cao hơn
Như đầu sông đầu suối
Như đầu mây đầu gió
Như quê ta — ngọn núi
Như đất trời biên cương.

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào đẹp hơn
Khi mùa đào hoa nở
Khi mùa sô ra cây
Lúa lượn bậc thang mây
Mùa tỏa ngát hương bay.

Chiều biên giới em ơi
Rừng chẳng đầy diện sáng
Ta nghe tiếng máy gọi
Như nghe tiếng cuộc đời
Lòng ta thêm mở say
Trên nông trường lộng gió
Rộng như trời mênh mông.

Chiều biên giới em ơi
Đôi ta cũng chiến hào
Gần nhau thêm bền chí
Tình yêu là vũ khí
Giữ đất trời quê hương.

Chiều biên giới em ơi
Nghe con sông chảy xiết
Nghe con suối thác đổ
Hồn ta như ngọn gió
Thổi giữa trời quê hương.

LÔ NGÂN SƠN
(Hoàng Liên Sơn — 1980)

ĐÀI 30
LĂNG LÊ SA PA

(Truyện ngắn)

Rời cây cầu số 4 một quãng, xe treo leo núi. Máy hút từng chiếc quạt trắng lên từ các thung lũng. Chỉ thấy thấp thoáng trong màu xanh bao la, ở phía trước, một vệt hình ba góc màu vàng, chính là đoạn đường mình vừa đi qua. Đi một lúc lâu, ngừng lại, vẫn thấy cái vệt ba góc đó. Đến bây giờ, người lái xe già mới cất tiếng nói:

— Con suối cô thác trắng xóa to vừa qua là trạm rừng. Một lúc nữa thì tới Sa Pa (1) ! Bác không ghé thăm Sa Pa ư ? Họa sĩ nào cũng đến Sa Pa ! Ở đây tha hồ mà vẽ. Tới đi đường này ba mươi hai năm. Trước Cách mạng tháng Tám, tôi chờ lên chờ về mai nhiên họa sĩ như họa sĩ Tô Ngọc Vân này, họa sĩ Hoàng Kiệt này... (2)

Thật là đột ngột ! Nhà họa có tuổi mím cười thay lời đáp. Lúc này, ở bên Lao Cai, lúc xe sắp nổ máy, thấy nam nghệ thủ ba chát vì đôi vợ chồng Mèo (3) trẻ mua vô không công chuyện nhưng nhất định không rời nhau, bác lái xe mời ông lên ghế đầu, ngồi giữa bác và một cô gái. Ông vừa yên chỗ, bác lái xe ngấm nghĩa thế nào hỏi ngay: «Bác là họa sĩ à?» À ra thế — ông nghĩ — thăm — bác ta từng quen nhiều họa sĩ. Cũng là một tay lái có mẩu nghệ thuật đấy.

Nghĩa cười, lúc còn trẻ, tôi cũng qua đường này nhiều lần chứ. Giá vẽ, hộp màu, cuộn giấy, lịch kích lớn, thứ. Thế nhưng chẳng ai nhận ra tôi. Bây giờ thì già rồi, đi đâu trong tôi cũng mỗi cước sờ con này thôi, vậy mà ai cũng nói đồng mình làm nghề gì, không lần đi dạo được. Có đây hôm qua cô chẳng hỏi tôi thế là gì?

Cô gái nhếch mép cười, cô vẽ bằng lòng và việc ông được chuyển lên ngồi cạnh cô. Sau một đêm và một ngày đi tàu từ Hà Nội, cũng ngồi trong một ngàh toa cũ chật dãn lầy, đến nơi lại không có cách nào khác đành gộp hành li luôn vào một chiếc đòn gánh cùng khênh các khách có cách thì xa bốn cây, sau một đoạn đường như vậy, người ta coi nhau như lý bì con. Nhà họa sĩ có cái cảm giác lầy lợa thường có ở tuổi già nhanh chóng coi cô con gái là con.



- Toàn bộ này, ở nhà anh em định làm tiệc tiễn tôi về hưu. Tôi xin anh em hoãn bữa tiệc đến cuối tuần sau. Đời tôi đi chuyển thực tế này về đã. Đối với một người già trong cuộc đời, có hai hồi thích nhất, đó là hồi mình còn trẻ và hồi già của tôi. Mình có thể năng nổ đi, về, như

thời thanh niên. Mình có thêm sự chín chắn hồi ấy mình chưa có. Không bị quan, không ảo tưởng. Tôi cho tôi cũng còn được mười năm sống nữa. Phải vẽ được cái gì suốt đời mình chính có nhĩ?

Ông dễ dàng cởi mở với cô gái nhưng lời khuyên má, đã già, ông vẫn giữ một sự khắt khe tôn trọng, không bao giờ dấn thân vào với bạn bè. Còn cô gái là kỹ sư văn phòng, đi nhận việc ở Ty Nông nghiệp Lai Châu. Lâu dần xa khỏi Hà Nội, qua cuộc đời học trò chật hẹp bước vào cuộc sống bất ngãi, mới tỉnh cái gì cũng làm cho cô hao hụt. Có cô nhún ra ngoài cửa xe, mắt lúng lúng mà say mê. Có là thanh niên thế ra trường có thể đi bất kỳ đâu làm bất kỳ gì, nhận bất kỳ lương hưởng (?), tiếp đón thế nào, cô thấy lòng cô cũng nhẹ nhàng. Sự thật thì cô cũng có tâm yêu nhưng rồi xôn ngay vì biết mình nhảm.

Hai ngày sống gần với nhau, với sự nhạy cảm riêng của người nghệ sĩ, nhà hội họa già biết điều đó. Ông nói như nói một điều hiển nhiên và không quan trọng:

- Đối với một người khao khát trời rộng, sự dật bỏ một người con gái cũng là một sự nhẹ lòng.

Người con gái xúc động vì đời nhàn nhã một người đã già điếu tá bằng lời cảm nghĩ vô cùng hồ hởi và là tá của mình. Từ phút đó trở đi, hai người gần nhau thêm một mức nữa.

- Hay đấy. Tôi cũng đi Lai Châu. Tôi về đưa cô đến tận giao cô tận tay ông trưởng ty, nhờ ông ta hết sức giúp cô. Xem qua chỗ ăn, chỗ nằm của cô như một ông bố thực sự rồi tôi quay về. Cô không lo đâu.

Như vậy đây bắt đầu sự thân thiết giữa cô gái và ông già vui tính.

- Chúng ta vừa qua Sa Pa, bác không thấy ra ư?
- Người lái xe bỗng nhiên tại hồi.

- Có. Tôi có nhận ra. Sa Pa bắt đầu với những rừng đào. Và với những đàn bò lang cõ cõ đeo chuông ở các đồng cỏ trong lòng hai bên đường. Chỗ ấy là Tá Phình phải không bác? - Nhà họa sĩ trả lời.

- Vâng. Bác không thích dừng lại Sa Pa ư?

- Thích chứ, thích lắm. Thế nào tôi cũng về ở hẳn đây. Tôi đã định thế. Nhưng bây giờ chưa phải lúc.

- Bác sợ Sa Pa buồn chứ gì?

Nhà họa sĩ phá lên cười:

- Buồn thì ai mà chả sợ? Nó như con gián gặm nhấm người ta? Tốt hơn là tránh nó để làm việc đời.

Những nét hôn hờ trên mặt người lái xe chợt duỗi ra rồi băng đi một lúc, bác không nói gì nữa. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nhìn hết, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. Năng bảy giờ bắt đầu lên tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thành thoảng nhỏ cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lẩn trên các vòm lá ướt sương rơi xuống đường cái lượn cả vào gầm xe. Giữa lúc đó, xe dừng xít lại. Hai ba người kèn lên một lúc:

- Cái gì thế?

Bác lái xe xuống to:

- Cho xe nghỉ một lúc tẩy nước. Luôn tiện bà con lột da. Nền tiếng các ông, các bà nhé.

Trong lúc mọi người xôn xao vui vẻ phía sau lưng, bác lái xe quay sang nhà họa sĩ nói với cô gái:

- Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hân.

Không hiểu sao nói đến đây, bác lái xe lại liếc nhìn cô gái. Cô bất giác đỏ mặt lên!

- Một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi! Đây là đỉnh Yên Sơn, cao hai nghìn sáu trăm mét. Anh ta làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Cách đây bốn năm hôm, có hôm tôi cũng đang đi thế này chợt thấy một khúc thân cây chắn ngang đường, phải hăm lại. Một anh thanh niên ở đầu chạy đến, hè với tôi và khách đi xe đẩy khúc cây ra một bên cho xe đi. Hỏi ở đây mà ai đẩy cây ra giữa đường thế này, anh chỉ đỏ mặt. Thì ra anh ta mới lên nhận việc, sống một mình trên đỉnh núi, bốn bề chỉ cây cỏ và mây mù lạnh lẽo, chưa quen, thêm người quá, anh ta kiếm kế dừng xe lại để gặp chúng tôi, nhìn trông và nói chuyện một lát. Kia, anh ta kia.

Những lời giới thiệu trước ấy làm nhà họa sĩ giật xúc động mạnh khi nhìn thấy người con trai tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ từ trên vườn trước mặt chạy lại chỗ xe đỗ. Ông không chú ý cô con gái cũng vùi chúi vào vai ông, nẩy vì tò mò, nửa vì đề tự vệ chống lại một cái gì đó. Người con trai đưa cho bác lái xe một gói nhỏ.

- Cái gì thế này? - Bác lái xe hỏi.

- Củ tam thất (!) cháu vừa đào thấy. Cháu gửi bác gái ngâm rượu uống. Hôm nọ bác chẳng bảo bác gái vừa ốm dậy là gì?

Bác lái xe cũng rút từ túi cửa xe ra một gói giấy:

- Còn đây là sách tôi mua hộ anh.

Người con trai mừng quýnh cầm cuốn sách còn đang cười cười nhìn khắp khách đi xe bảy giờ đã xuống đất tất cả. Kể đang vươn vai, người ngồi bên xuống ven đường giở thức ăn mang theo ra. Bác lái xe dắt anh ta lại chỗ nhà họ họa sĩ và cô gái:

- Đây, tôi giới thiệu với anh một họa sĩ lão thành nhé. Và cô đây là kĩ sư nông nghiệp. Anh đưa khách về nhà đi. Tuổi già cần nước chè, ở Lao Cai đi sớm quá. Anh hãy đưa ra cái món chè pha nước mưa thơm như nước hoa của Yên Sơn nhà anh.

Anh thanh niên đỏ mặt, đỏ rằn lưng cuống:

- Vâng, mời bác và cô lên chơi. Nhà cháu kia. Lên cái bác cấp kia, trên ấy có cái nhà đấy. Nước nôi đã có sẵn, nhưng cháu vẽ trước một tí. Bác và cô lên ngay nhé.

Nói xong, chạy vụt đi, cũng tắt tả như khi đến.

- Bác và cô lên với anh ấy một tí. Thế nào bác cũng thích vẽ anh ta - Người lái xe lại nói.

Họa sĩ nghĩ thầm: « Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét-tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn ». Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng

đất, thấy người con trai đang hái hoa. Côa có kĩ sư chỉ "đo" lên một tiếng! Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường dài cách xa Hà Nội, đứng trông mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, bỗng nhiên lại gặp hoa đơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, đỏ ồng... ngay lúc dưới kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mất o lệ, cô chạy đến bên người con trai đang cắt hoa. Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy.

— Tôi cắt thêm mấy cành nữa. Rồi cô muốn lấy bao nhiêu nữa, tùy ý. Có cứ cắt một bó rồi to vào. Có thể cắt hết, nếu cô thích. Tôi không biết kỉ niệm thế nào cho thật long trọng ngày hôm nay. Bác và cô là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà tôi từ Tê. Và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay.

Người con trai nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ. Cũng là những điều ta nghĩ. Cô gái cầm bó hoa và cô gái cầm động và cuốn hút ngay. Cô ôm bó hoa vào ngực, bạo dạn nhìn thẳng vào mặt anh. Anh thanh niên bất gặp cái nhìn đó, phũ phàng với giọt mồ hôi trên sống mũi, mỉm cười, hạ giọng hỏi:

— Công đoàn viên, phỏng?

— Vâng — cô gái sẽ nói.

— Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa — Người con trai bất chợt quyết định — Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu năm phút. Còn ba mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thêm nghe chuyện dưới xuôi lắm. Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi. Nhưng cái máy vườn trộm khi trông nào cũng có. Đây núi này có một ảnh hưởng quyết định với gió mùa đông bắc đối với miền Bắc nước ta. Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn

động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đây bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cái cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí ("), ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ, theo mức độ, hình dạng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vio, nhìn khoảng cách giữa các cơn mưa mà đoán gió. Bác đem kính nhìn mây, cháu nhìn gió hay lá, hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, cô sẽ nói được mây, tính được gió. Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về "nhà" bằng máy bộ đàm ("): bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tới lại một giờ sáng. Bàn báo ấy trong ngành gọi là "ốp". Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần giũ và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bão, tuyết, ở đây mưa tuyết đấy. Nếu đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn báo vẫn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài: như chỉ chực mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung. Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hục như chạy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.

Anh thanh niên đang nói, dừng lại. Và tại sao họ sẽ cảm giác mình bối rối? Vì bác thấy người con gái nhỏ nhỏ, o lệ, đứng giữa các luồng gió, không cần hái hoa nữa, ôm nguyên bó hoa trong tay, lặng tai nghe? Vì họ sẽ đã bất gặp một điều bất ngờ ra ông vẫn ao ước được biết, ôi, một nơi thời tiết hằng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đó là giá trị một chuyến đi dài.

— Anh nói nữa đi — Ông giục.

— Báo cáo hết! — Người con trai vụt trở lại giọng vui vẻ — Năm phút nữa là mười. Còn hai mươi phút thôi. Bác và cô vào trong nhà. Chờ đã ngắm rồi đấy.

Thì giờ ngắn ngủi còn lại thúc giục cả chính người họa sĩ già. Ông theo liền anh thanh niên vào trong nhà, đảo nhìn trước qua một lượt trước khi ngồi xuống ghế. Một căn nhà ba gian sạch sẽ, với bàn ghế, sô sách, biển đồ, thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời riêng của anh thanh niên thu gọn lại một góc trái với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách. Họa sĩ còn đang neho mắt cổ đọc tên các sách trên giá thì cô gái đã bước tới đường làm việc ấy bỏ bố. Cô không trở lại bàn giữa và ngồi ngay xuống trước chiếc bàn học con, lật xem bìa một cuốn sách rồi để lại nguyên lật mở như cũ. Anh thanh niên rót nước chè mời bác già, ngoảnh lại tìm cô gái, thấy cô đang đọc, liền bung chén con đến yên lặng đặt trước mặt cô.

Họa sĩ nhấp chén trà nóng và thấy cô gái ngồi lại gần, không giấu vẻ thích thú, tự rót lấy một chén nữa, nói luôn:

— Ta thỏa thuận thế này. Chuyện dưới xuôi, mười ngày nữa trở lại đây, tôi sẽ kể anh nghe. Tôi sẽ trở lại, danh dự đấy. Tôi cũng muốn biết cái yên lặng lúc một giờ sáng chon von trên capo nó thế nào. Bây giờ cô cả ba chúng ta đây, anh hãy kể chuyện anh đi. Sao người ta bảo anh là người có đọc nhất thế gian? Rằng anh «thêm» người làm?

Anh thanh niên cười khảnh khảnh.

— Các từ ấy đều là của bác lái xe. Không, không dùng đâu. Một mình thì anh bạn trên trạm đỉnh Phăng-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình họa châu. Làm khi tượng, ở độ cao thế mới là li tưởng chứ.

Anh hạ giọng nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngấm ngấm nhiều:

Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, châu cũng nghĩ ngay ngó, sao kia lẽ loi một mình. Bây giờ làm nghề này châu không nghĩ như vậy nữa. Và khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Hướng chi việc của châu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của châu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, châu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả «thêm» hồ bác? Mình sinh ra làm gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đây, châu tự nói với châu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu có đến đây dừng lại một lát. Không vào giờ «ốp» là châu chạy xuống chơi, lau thành lệ. Châu bỗng dừng tự hỏi: Cái nhớ xe nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phần hoa đô thì thì xoàng. Châu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi to to, mồm, châu gan lì nhất là không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm châu. Châu nói: «Đấy, bác cũng chẳng thêm người là gì?»

Anh xoay người sang người con gái đang một mặt đọc cuốn sách, một mặt lắng nghe, chân cô đang đưa nhẹ nhẹ, nói:

— Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vở.

— Quê anh ở đâu thế? — Họa sĩ hỏi.

— Quê châu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, châu tưởng châu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Châu có ông bố tuyệt lắm. Lại bố con cùng viết đơn xin ra lính đi một trận. Kết quả là: Bố châu thăng châu một — không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan châu ở Sa Pa. Không có châu ở đấy. Chú ấy nói: nhờ châu có góp phần phát hện một đám mây khô, mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta

hạ được bao nhiêu phần lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lẩm "Thế là một—hòa nhé!" Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ô, bác vẽ cháu đây ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn.

Phải, người họa sĩ già vừa nói chuyện, tay vờn bất giác hí hoáy vào cuốn sổ từ lên đầu gối. Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại là cuộc đời. Ông thấy ngòi bút của ông bất lực trên từng chặng đường đi nhỏ của ông, nhưng nó như là một quả tim nứa của ông, hay chính là quả tim cũ được «đều cao» lên, do đó mà ông khao khát, mà ông yêu thêm cuộc sống. Thế nhưng, đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan. Làm một bức chân dung, phác họa như ông làm đây này rồi vẽ đầu, làm thế nào làm hiện lên được mẫu người ấy? Cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như một ngôi sao xa? Và làm thế nào đặt được chính tâm lòng của nhà họa sĩ vào giữa bức tranh đó? Chao ôi, bất gặp một con người như anh ta là một cơ hội hiếm hoi cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận sự thử thách.

Đề khởi vò lổ, người con trai vẫn ngồi yên cho ông vẽ, nhưng cho là mình không xứng đáng với thử thách ấy, anh vẫn nói:

— Không, bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giới thiệu với bác ở kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa! Ngày này sang ngày khác ông ngồi im trong vườn su hào, rình xem cách ông lấy phần, thu phần cho hoa su hào. Rồi, để được theo ý mình, tự ông cầm một chiếc que, mỗi chín mười giờ sáng, lúc hoa tung cánh, đi từng

cây su hào làm thay cho ông. Hàng vạn cây như vậy. Đề cô su hào nhàn dần toàn miền Bắc nước ta ăn được to hơn, ngọt hơn trước. Ông kĩ sư làm cháu thấy cuộc đời đẹp quá. Bác vẽ Sa Pa vẽ ông ta đi bác.

Hay là: đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan cháu ở dưới ấy đây. Có thể nói đồng chí ấy trong tư thế sẵn sàng suốt ngày chờ sét. Nửa đêm mưa gió rồi buốt, mướt, cứ nghe sét là đồng chí choàng choàng chạy ra. Như thế suốt một năm. Mười một năm không một ngày xa cơ quan. Không đi đến đâu mà tìm vợ. Đồng chí cứ sợ nếu có sét lại văng mặt mình. Đồng chí đang làm một cái bản đồ sét riêng cho nước ta. Có cái bản đồ ấy thì làm của làm bác ạ. Của chìm nông, của chìm sâu trong lòng đất đều có thể biết, quý giá lắm. Trán đồng chí cứ hơi dần đi. Nhưng cái bản đồ sét thì sắp xong rồi. Trong cái lũng àn của Sa Pa, dưới những đỉnh thụ cổ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi; có những con người làm việc cả lo nghĩ như vậy cho đất nước.

Cũng may mà bằng mấy nét, họa sĩ đã ghi xong lần đầu gương mặt của người thanh niên. Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm cho người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ trong cái vắng vẻ với với hai nghìn sáu trăm mét trên một biển, cuộn cuộn tuôn ra khi gặp người. Những điều suy nghĩ đúng đắn bao giờ cũng có những vang âm, khơi gợi bao điều suy nghĩ khác trong óc người khác, có sẵn mà chưa rõ hay chưa được đúng. Ví dụ như quan niệm về cái đất Sa Pa mà ông quyết định sẽ chỉ đến đề nghị giai đoạn cuối trong đời, mà ông yêu nhưng vẫn còn tranh...

Đồng bạn khoa ấy làm cho nhà hội họa không nhận xét được gì ở cô con gái ngồi trước mặt đang kia. Nhưng điều cô cũng nghe, cộng với những điều cô khám phá

thấy trên hai trang sách hay đang đọc dở của người con trai làm cô bàng hoàng. Cô phải cái ánh sáng trong quyển sách rọi sang, làm cho cô hiểu thêm cuộc sống một mình đúng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên và cái thế giới những con người như anh mà anh kể, và về con đường cô đang đi tới? Có phải cái cảm giác bàng hoàng, đáng lẽ cô phải biết khi cô yêu, bây giờ cô mới biết, giúp cô đánh giá đúng đắn hơn mỗi tình nhạt nhẽo mà cô đã bỏ, và yên tâm hơn về quyết định của mình? Một ấn tượng hăm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. Không phải chỉ vì bố họ rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thế nhất ra đời. Mà vì một bố hoa nào khác nữa, bố hoa của những hào hức và mơ mộng ngẩn ngơ ảnh hưởng cho thêm cô. Và vì một cái gì đó nữa mà lúc này cô chưa kịp nghĩ kỹ. Cô loay hoay tìm trong túi xách. Nhà họa sĩ thì còn trở lại, nhưng cô, trong trời đất Tây Bắc bạt ngàn, trong cuộc đời mong manh nơi chung, chốc nữa chắc là cô sẽ đi luôn, biến mất, có cái gì tặng lại anh ta để, như anh ta nói, kỉ niệm lần gặp gỡ này. Một cái cún con gì rồi ra có thể biến thành một chất xấu diệu đáng, một chất xấu đáng cảm trong cuộc sống của anh ta? Một con chó, một món trang trí nhỏ chẳng hạn? Không, hiện giờ trong cái túi xách của cô không có vật gì như thế.

— Trời ơi, chỉ còn có năm phút!

Chính là anh thanh niên giết mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra nhà sau, rồi trở vào liền, tay cầm một cái lán. Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Cô gái cũng đứng lên, đặt lại chiếc ghế, thong thả đi đến chỗ bác già.

— Ôi! Cô còn quên chiếc mũn xoa dầy này!

Anh thanh niên vùn vào, kêu lên. Dề người con gái khời trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vò tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái. Cô kĩ sư nhếch mép, một đồ ưng, nhận lại chiếc khăn và quay vội đi.

— Chào anh! — Đến bậu cửa, bỗng nhà họa sĩ già quay lại chụp lấy tay người thanh niên lắc mạnh — Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ?

Đến lượt cô gái từ biệt. Cô chia tay ra cho anh năm. Cầm trọng, rõ ràng, như người ta cho nhau cái gì chứ

không phải là cái bắt tay. Cô nhìn thẳng vào mắt anh — những người con gái sắp xa ta biết không bao giờ gặp ta nữa, hay nhìn ta như vậy

— Chào anh

Lần đầu, chính là anh thanh niên quay mặt đi. Anh đưa cái lán vào tay bác già và nói vội vã:

Cái này để ăn trưa cho bác, cho cô và bác lái xe. Chén cô bao nhiêu là trứng, ăn không xuể. Cháu không tiễn bác về — Ờ ra xe được, vì gần tới giờ 'ốp' rồi. Thôi chào bác — chào cô. Bác sẽ trở lại nhé

Hai ông con theo bác cấp bước xuống đồi, đến mặt đường nhìn lên, không thấy người con trai đứng đấy nữa. Anh ta đã vào nhà trong. Ông xách cái lán trứng, cô ôm bó hoa to. Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, dãi chảy rềnh rênh hực hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo. Hai người lững thững đi về phía chiếc xe đỗ, im lặng rất lâu. Bỗng bác già nói to, làm cho cả hai giật mình: — Thanh niên bây giờ lạ thật! Các anh chỉ cứ như con bướm. Mà đã mười một giờ, đến giờ 'ốp' đâu rồi? Tại sao anh ta không tiễn mình đến tận xe nhỉ?

Cô gái liếc nhìn bác già một cái cắt nghĩa, tự nhiên hồi hộp, nhưng vẫn im lặng.

NGUYỄN THANH LONG

(Giữa trong xanh - 1972)

1- (1) Sa Pa: thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn. (2) Các họa sĩ bác thấy nổi tiếng từ trước. Cách mạng tháng Tám. (3) Mèo: nay gọi là H'Mông. (4) Lương Hoàng: lương cán bộ công nhân viên chức lãnh hàng tháng (từ Hán Việt có dùng theo nghĩa rộng). (5) Tam thất: loài cây cùng họ với ngũ gia bì, trồng lấy củ làm thuốc. (6) Máy nhật quang kế: máy dùng để xác định cường độ của ánh nắng. (7) Máy bộ đàm: máy vô tuyến điện thoại xách tay có thể mang theo người được

II - Hướng dẫn đọc

Cần đọc cả truyện một hai lần. Sau đó tập đọc đến cảm đoạn chính trong truyện (từ «Trong lúc mọi người nôn nao vui vẻ...» đến «... mà ông yếu nhưng vẫn còn tranh»).

Khi đọc, cần thay đổi linh hoạt giọng đọc nhằm thể hiện được tính cách của mỗi nhân vật trong truyện: Bác lái xe tuy già mà tính khí còn sôi nổi; ông họa sĩ trầm lặng sâu lắng; cô gái hồn nhiên nhưng kín đáo; đặc biệt anh thanh niên sôi nổi, nhiệt tình và bộc trực, vô tư.

III - 1) Trong truyện ngắn này đã xuất hiện những nhân vật nào? Tác giả muốn nói đến nhân vật nào là chính? Nói về vấn đề gì?

2) Theo ý em, tính cách của nhân vật chính - anh thanh niên - có những nét gì độc đáo, gây được thiện cảm sâu sắc đối với mọi người?

3) Hình ảnh một số nhân vật khác xuất hiện trong truyện đều góp phần làm cho hình ảnh nhân vật chính được sinh động, đậm nét hơn. Em hãy nói rõ vì sao? (về từng nhân vật đó)

4) Trong truyện còn một số nhân vật em được giới thiệu gián tiếp (đứng ở tuyến sau). Cách giới thiệu đó có tác dụng gì đối với chủ đề của truyện?

IV - 1) Bài tập viết ngắn: Em hãy nêu rõ chủ đề của truyện.

2) Bài tập miệng: tìm trong truyện một vài đoạn tả cảnh mà em cho là đặc sắc nhất. Hãy đọc diễn cảm những đoạn đó.

BÀI 31

CON VOI Ở CÔNG VIÊN THỦ LỆ (1)

(Truyện ngắn)

Một hôm ông già bán Xa Rô gái hàng sọt sắn và dẫn đến trạm giao liên (2) một chú voi con. Già bán nói:

— Chào các con! Người Mường Na Bơ phải đi thôi, các bom thằng Mỹ ác lắm, không ở được. Vào rừng sâu khẳm đấy, nhưng xa cái đường ô tô..

Chúng tôi mời già vào trong lán, nấu nước trà, lấy thuốc Điện Biên mời già. Trạm trưởng ăn cần nói:

— Hôm nay có rượu tốt về, già bản uống với chúng con một chén.

— Ồ, rượu thì ta uống được!

Cầm chai rượu lên xem, già không đọc được chữ, nhưng nhìn cái nhãn rượu có vẽ thịch. Già nói:

— Cho ta cả được không?

— Được chứ! Già lằng cở lấy, chúng con còn

Thú ngon ta không nỡ uống một mình. Cảm ơn người anh em. Ta nhớ anh em nên phải uống chứ bản lắm. Bản phải đi xa, ta có hai mẹ con con voi. Con voi mẹ già quá chết mất. Con con voi con, cũng muốn nuôi nó đấy, song nhà nghèo, bản nghèo thì không nuôi nổi voi đâu mà Dại lác nào diệt xong Á-mê-ri-ca (3) và hầy hầy!

Nói xong già đưa nước mắt. Chúng tôi biểu già thêm một chai rượu, cầm cần gạo nếp, mấy bao thuốc lá và đặc biệt, khoảng một trăm viên thuốc kháng sinh cho các bệnh. Bản này trước đây giúp đỡ chúng tôi rất nhiệt tình. Có buổi Trạm trưởng mời một thân một mình xây dựng cơ ngơi. Già lằng cở ơn, lau luyến mãi mới chia tay đi.

Con voi được ở lại với chúng tôi. Nó được đặt tên là Á Khâm. Ngay lúc già lằng vừa ra khỏi, cái mùa mưa đông (4) các tôi trời dầy. Tôi đã muốn cưới nó. Nhưng trạm trưởng ăn tôi đã nghiêm nói một lại và nói:

— Không được nó chưa quen, còn bé. Chúng ta phải chơi với nó đã, nghĩa là làm sao cho nó có cảm tình từ ban đầu, đừng để nó ghét mà bỏ đi.

Trạm trưởng ăn chúng tôi người dốt như một con cá nằm, nói câu nào chắc như đánh đồng cột. Ông được phong là «Bố già» và khi «Bố già» đã phân thì các «Con voi» chúng tôi chỉ có một cách duy nhất là phục tùng mà thôi.

Á Khâm lớn rất nhanh. Lúc nhỏ thôi. Chúng tôi cũng không nỡ ăn hết bao nhiêu sữa cho nó, gọi là, ngón bao nhiêu có và lau non ở đầu hai Voi mà! Có lúc ăn lên về đầu chuối, dần là nuôi voi, nhưng có Á Khâm cũng vui, vì con voi này tính hiền, nghịch ngợm và được việc lắm.

A Khâm có lúc đối với tôi như một đứa em nhỏ trước một người anh. Nó biết làm nũng, biết mừng vui hớn hân. Dù đi đưa một đoàn khách, một mỗi đến mấy, nó về nếu thấy nó thì thân vồn vập là vào đến tôi ở trạm. Tôi không hiểu lý y tố thừa một y như là nó giận. Nó không đến gần tôi mà nó luôn luôn bên phòng trạm trưởng như đề mạch lẻo. Nhưng lúc ấy, tôi lại phải làm lách bằng cách xin anh nuôi một tảng cháy mà đem đến cho nó, nói mấy câu thật dịu dàng. Có lúc thấy tiếng hỏi của tôi từ xa, A Khâm phóng nhanh tới, cõ cái trán, gương mặt mắt hí hí, quay quay cái vôi, lúc la lúc lắc tại miệng tôi... Tôi lấy tay vỗ vỗ vào vai A Khâm, vuốt vuốt hai bên má. Nếu có một khúc mía nhỏ, một hớp ngô nua xít được ở trạm canh nương hay một gia đình là loại bát đựng thì A Khâm giờ vồ đến lấy, đôi chân cựa lại như phần khối vừa đi vừa ăn, theo tôi cho đến tận sân, khi bị đám bộ đội hành quân quấy rầy, bây giờ mới thôi.

Đến năm thứ ba thì từ một con voi nhỏ xíu nó đã lớn bật dậy thành một chú voi tơ. A Khâm rất khỏe, ngoan. Nó theo tôi vào bản rất xa và thò về các hàng trao đổi, nhưng con lợn, con gà, những gói ngô, gói sắn, những gói nấm hương, mộc nhĩ. Đôi khi cả một tảng thịt tươi rồi dân làng gửi tặng. Những hôm ấy A Khâm thích lắm. Nó tung tăng ngoan ngoãn, sai khiến gì cũng được, thăng hoặc cõ gấu gồng đôi chút nó cũng chẳng có phản ứng gì! Cả trạm giao liên yêu A Khâm, vì nó rất tốt nết. Ai cũng có thể làm quen với nó. Nó vui tính, nó biết cõ vôi dọa vờ, rồi tung vôi ra, tưởng như quật rất mạnh, khiến một anh lính trẻ nào đó, sợ nó quật thật sự, lèn chạy rỏ ra. Không, A Khâm không nghịch ác với ai bao giờ. Nhưng đừng có ai hòng leo lên lưng nó, nếu không được những anh chàng giao liên đích thực của trạm nói qua với nó vài tiếng trước. Riêng các đám phụ nữ đừng có chơi cái trò Bà Trưng, Bà Triệu với A Khâm. Nó không thích mang phụ nữ trên lưng, nó nhõng nhẽo làm cho cái cô Nguyệt bướng bỉnh nhất—bất chấp cả cái đám lính ra vào nướm nược ghẹo ra ghẹo vào vẫn tro như đá—

đứng đứng có hòng cưỡi nó. Tôi đã có lần đi thả gao về trạm, gặp một trường hợp khó xử: Tôi đưa A Khâm lính gao ở kho trung tâm chuyển về. Hôm ấy có trận mưa lũ bất ngờ đầu mùa ập đến. Tôi phải thúc A Khâm vượt suối thật nhanh sợ lũ lớn xô về không sang nổi. Vừa sang được bờ bên kia thì thấy tiếng gọi giục giàng:

—Anh Phát ơi, anh Phát!

Tôi quay lại. Nguyệt hơi hơ hơi hắt vừa chạy vừa vẩy. Ban sáng Nguyệt vào rừng hái rau cho trạm. Chỉ có đi thì mới có rau ăn. Có ta thảo vãi và chịu khó nhai mò lếm. Nguyệt thò một gói lớn toàn rau và nấm trên lưng. Người Nguyệt xẹp xuống, rất tội nghiệp. Con gái ở Trường Sơn không hợp thủy thổ. Khác hẳn với con gái ở miền rừng núi Tây Bắc, đã có nào cũng đỏ hồng, những cô thanh niên xung phong tình nguyện ở lại Trường Sơn, cô nào cô ấy « dù có phần đặc biệt mà đánh vào thì da vẫn cứ tái mét ». Đó là lời phán rất ác, rất đúng của một cậu lính bên miết. Những đường cong trời phú cho vẻ đẹp của người phụ nữ, do ác liệt gian khổ, đều biến thành những đường thẳng, những mặt phẳng. Tuy vậy, các trạm giao liên không có các cô thì đời lính cũng mất cảm rá đi nhiều lắm. Nguyệt vào loại khỏe, phép pháp, lễ mới vào, trạm trưởng khen, nay cũng vào loại « như cánh đàn ông ta cả » mất rồi! Tiếng Nguyệt gọi ới ới:

—Cho em sang với, anh Phát!

Chúng tôi đã từng bị lừa hãm nhiều lần. Nhiều khi chỉ chậm một vài bước chân, ở bên này suối nhìn thấy anh em bên kia suối mà phải nhìn đối.

Thấy tiếng gọi, A Khâm biết. Nó vẫn cứ đi. Tôi vừa phải điều khiển cho A Khâm dừng lại vừa phải lo trả lời Nguyệt. Nhưng con voi hôm nay bướng đến khó chịu. Tôi nói ngọt mấy lần:

—A Khâm dừng lại! Dừng lại đi!

Khăm vẫn lúi lúi đi, như thè không hề biết đến người quân tượng (?). Điều khiến voi rất khó, không như cưỡi trâu hoặc cưỡi ngựa. Ngựa có dây cương hàm thiếc (?). Trâu có sọ (?). Ghi cương, kéo sọ, thì con ngựa bắt khăm (?), con trâu háng biết mấy cũng phải giảm tốc độ. Với voi, thì chỉ có lưỡi búa cổ truyền của người quân tượng bỏ vào đầu nó và những tiếng hét sang phải sang trái, dừng, đi, tiến, lùi mà con vật đã thuần thuộc từ lâu. Quân tượng chúng tôi không dùng búa, chỉ cần cái gậy lại (?) nhỏ, gõ lên đầu các chú voi để gia tăng các khẩu lệnh muốn «chạy xe tăng cổ đại» của mình nghe theo. Lần này thì vô hiệu. Càng ra lệnh, A Khăm cứ lúi lúi đi. Tôi van nài:

— Dừng lại A Khăm! Bỏ người ta ở lại bên suối ư? Không nên như thế! Sao mày phân biệt đối xử với phụ nữ thế?

Bao giờ chúng tôi nói chuyện với A Khăm cũng như nó, chuyện với người. Tất nhiên nó làm sao hiểu hết được, nhưng với nó, tôi tin rằng phải nó mới hiểu nó sẽ nhận ra cái ngữ điệu khuyên nhủ hoặc chế trách van nài. Và A Khăm hiểu thật. Mấy lần nó đã dừng lại. Nhưng cái tiếng con gái eo éo, đồng đánh, mái tóc đen, làm cho A Khăm quay ngoắt hẳn lại, đi một lèo về trạm, không ngoái cổ lại, mặc cho tôi cau kính hồ hết. Và, Nguyệt ở bên kia bờ suối, sau lúc thấy con A Khăm không đón thì oà lên khóc.

Hôm ấy Nguyệt nhím đôi mắt và trạm không có rau ăn. Không những thế, thân con gái lại phải trèo lên gác cây gỗ cho qua đèo. Trưa hôm sau lũ mới rút. Nguyệt phờ phạc trở về. Trông thấy tôi và A Khăm, Nguyệt bật khóc một lần nữa. Trạm trưởng của tôi phải đỡ dậy một chiều, Nguyệt mới chịu dậy ăn cơm. Sáng hôm sau, Nguyệt lại đi hái rau rừng sớm.

Tôi và A Khăm đi tải gạo muối, quần trang về cho trạm, vào bản đồi chác dăm ba thứ cần dùng. Dọc

đường đi, tôi và A Khăm vẫn hay trò chuyện với nhau thân mật. A Khăm vừa đi vừa hé mắt sang trái, sang phải, lúc giờ vùi lên hái một quả bứa, lúc quẹo vùi bắt lấy một cây chuối rừng, vừa đi vừa ăn. Còn tôi cứ nói một mình, chuyện trò với người đồng hành câm lặng, không bao giờ trả lời, song tôi tin rằng A Khăm sẽ hiểu. Chuyện đi này tôi rí rả:

— A Khăm hôm qua không hào phóng rồi. Nguyệt bị đói cả ngày đấy. Chúng ta đối với bạn như thế là không chu đáo! Bên sau, A Khăm không nên thế. Đêm qua, nếu Nguyệt bị thú dữ vồ, con heo xé xác, con hổ thọt tha đi, thì chúng ta ăn nói ra sao với bạn bè nhỉ?

Tôi nói với con voi bạn đường, nhưng kì thực là tự xét mình về những điều không phải ngày hôm trước. A Khăm nghe hay không tôi không biết, chỉ biết rằng, nếu được cái giọng vỗ về thân ái đều đều rí rả ấy, A Khăm rất thích. Và bạn đường chúng tôi đi qua hình như được rồi ngăn lại.

Trở về, A Khăm làm thân với Nguyệt như đồ sêu lỏi. A Khăm đến trước mặt Nguyệt, quỳ xuống gãi đầu mấy cái, rồi lại đứng dậy. Tôi làm thông ngôn:

— A Khăm xin lỗi Nguyệt đấy!

Nguyệt khóc, khóc rung rức, cầm động. Rồi Nguyệt vào trong nhà lấy cả một gói kẹo mang xuống. Cô ngồi bên A Khăm. A Khăm nằm xuống. Nguyệt hôn cho A Khăm kẹo, thỉnh thoảng lại vuốt vào đầu nó. Tôi bần đĩ bần củi. Tôi cũng không muốn đứng lại đây, đỡ mặc cho hai người bạn đơn côi an ủi lẫn nhau.

Sau chuyện ấy A Khăm như có chuyện biến lớn. Nó không thành kiến với phụ nữ nữa. Trái lại, nó lại thích các cô ăn công xinh đẹp vậy quanh mình và hình như nó cũng quyến luyến các cô bởi tính hồn nhiên. Tôi rất ngạc nhiên, có cảm giác A Khăm cũng biết thâm âm (?). Đêm ấy, đoàn văn công phục vụ

tại trạm. San khấu đã chiến⁽¹¹⁾, tiết mục chiến trường song ai nấy cũng đều cảm động. Tôi mãi xem, mãi, nhớ ra không cho A Kham ăn. Tôi chạy ra tung cỏ non và lá chua cho nó. Lạ thay, nó không muốn ăn ngay như mọi bữa. Nó cũng đang hưởng vẻ đáng người tự hội giữa ánh sáng đèn che chầm rất kĩ lưỡng. Đám người nháy mắt trong vòm hang kín đáo bất chấp bày đàn mây bay Mĩ như ruồi bọ trên bầu trời kia.

Trong hang, tiếng hát, tiếng nhạc vẫn vang ra. Nghe trong hang có cảm giác khác, nghe ngoài xa điệu hát cùng đàn chiến trường có nỗi vui với, mong lung rất khó tả. A Kham dung đưa mình, dung đưa voi. Những cái chân to như một đoạn cột nhô cũng dung đưa theo. Hai vành tai như hai cái quạt nan vẩy vẩy liên tiếp... Thì ra nó cũng đang nghe nhạc từ lòng hang vọng ra. Tôi đoán thế. Nó muốn dứt cái xích buộc ở chân trước bên phải. Tôi giúp nó, vuốt ve nó và hỏi như hỏi một đứa em:

— A Kham có muốn vào hang xem văn công không?

Nó đặt cái vòi lên vai tôi, rồi lại nhúc xuống dung đưa như cũ. Cờ chỉ bằng lòng đấy. Tôi tháo xích cho A Kham, lững lờ dẫn nó vào lòng hang, đứng sau những đám người. Nó đã nhìn thấy đàn văn công múa hát nó hát với lên cao như thờ làm dấu hiệu tán thưởng mỗi khi tiếng vỗ tay rào rào. Tôi đứng bên cạnh A Kham, thấy nó không phải là voi nữa mà đích thực là một chiến sĩ như tôi.

Ít lâu sau, có mấy ông cán bộ cao cấp hậu cần⁽¹²⁾ qua trạm. Nhìn thấy trạm tôi dùng chú voi trong nhiều việc rất khác nhau họ lưu ý lắm. Họ hỏi hăm tôi rất nhiều chuyện về A Kham và đặc tính của loài voi. Rồi một hôm, tôi nhận được một quyết định đặc biệt: dẫn A Kham lên ban chỉ huy binh trạm 23, chờ lệnh mới! Tôi vất vả lắm mới đưa nó về cơ ngơi mới. Đến nơi, thấy mấy vị quân tượng khác cùng ba bốn chú voi nữa cũng từ

lưu ở đó. Tôi hiểu ra ngay. "Bình chủng" vận tải mới đã hình thành trên con đường chiến lược đặc biệt xuyên qua dãy Trường Sơn này: Đoàn voi thồ!

Chúng tôi biên chế⁽¹³⁾ đội ngũ quân voi và đội ngũ voi. Tôi là đội viên. A Kham cũng là đội viên. Chúng tôi lại hòa-nhập vào đồng đội mới. Khi dẫn A Kham lên chỗ tập kết, trạm tiền chúng tôi khá rôm rả. Trạm trưởng đích thân đứng trước tôi và A Kham, tuyên dương những thành tích đặc biệt trong suốt thời gian ở trạm. Khác với thường lệ, hôm ấy, anh mặc bộ quân phục mới tinh, đi giày, đeo quân hàm trên vai, đeo súng lục rất oai vệ. Tôi có cảm giác ông này hôm nay lên cơn "đỏ người". Nhưng A Kham cảm động lắm. Nó đang lúc lắc chôn chân, loạng ngoạng cái vòi sang trái, sang phải tìm cái gì chèn được, bỗng nghiêm trang ngay lập tức. Nó đứng như "tượng" đứng với nghĩa đen. Nó nuốt lấy những lời của trạm trưởng. Nó sống mất lên khi thấy trạm trưởng trao tặng nó một con đường và đích thân pha mới nó một ca sữa bột... Nó chớp chớp mắt, tai vẩy liên hồi, hết sức cảm kích. Và nó hiểu chắc nó sẽ phải đi xa. Nó quỳ xuống, một nửa người cúi mọi bữa. Ai cũng lẫn lộn với nó. Người lấy chiếc vải bạt của trạm viên những mếp đồ nhuộm xanh đỏ cắt rất khéo thành bộ trang phục của voi trong ngày hội, mặc vào cho A Kham. Nó thích lắm, mặc cả ngày đến tối mới cho cởi....

Chúng tôi sống với nhau mấy năm trong rừng, hoa non, bóm đàn, lúc nhàn, lúc rồi đều có nhau. A Kham rất chóng được bày voi và anh em trong đội quân tượng yêu mến, vì nó làm nhiều, biết điều, tuy đôi khi tỏ ra bướng bỉnh. Nhưng nó lại rất tinh cảm nếu ai hiểu tinh hiểu nết nó.

Bốn năm sau, tôi được ra Hà Nội học một lớp sĩ quan lái xe tăng cấp tốc và trở về Trường Sơn. Chúng tôi chia đầu ở Nam Lào, ở Buôn Ma Thuột, rồi tiến thẳng về thành phố Sài Gòn, đánh trận Ba mươi Tháng Tư lịch sử... lại mấy năm liền sang chiến đấu ở bên đất bạn Cam-pu-chia tiếp theo. Cho đến khoảng đầu năm 1980 tôi mới trở về công tác ở Bộ tư lệnh thiết giáp.

Vườn thú ở Bách Thảo đã chuyển dần sang công viên Thủ Lệ. Đứa con trai đầu của tôi đã năm tuổi, học học đòi đi xem. Chính tôi cũng muốn đến đấy.

Ở công viên Thủ Lệ, cây cối chưa đẹp bằng Bách Thảo. Nhưng cảnh quan ở đây hứa hẹn nhiều điều. Tôi dẫn con trai nhỏ của tôi đi thăm vườn thú đó.

Tôi và đứa con trai quay lại chuồng voi. Là quản tượng nhiều năm ở Trường Sơn, tôi muốn dừng lại ở đây lâu hơn. Chuồng voi xây chéo với chuồng thú dữ, trên một ngọn đồi nhỏ ở mạn đông nam công viên Thủ Lệ. Từ Cầu Giấy đi lối tắt (vốn trước là một bãi rác) sẽ thộc đến ngay. Chuồng xây kiểu cách. Có nhà cho voi đứng, có sân ngoài làm chỗ dẫn voi ra cho khách tham quan. Người xem thì đứng trên những bờ đất cao nhìn xuống. Tôi khoe với con trai tôi rằng những năm trước đi đánh Mĩ ở Trường Sơn, có lúc tôi đã chỉ huy cả năm con voi chuyển đạn pháo cho chiến dịch đặc biệt ở cuối mùa khô, lúc mà các đường ô tô tắc nghẽn cả vì những trận mưa. Tôi chỉ trở vào những con voi ở vườn Thủ Lệ. Lúc đó, voi có tới bốn con. Đứng từ xa, bằng con mắt của người nuôi voi, tôi nhận ra chúng chưa được nuôi dưỡng tốt lắm. Da chúng xò lại, nách rốn rỗ, tai nhiều lần cái độ vấy khố khố. Chỉ có cái vòi, tay cũng không lấy gì làm phồng phao lắm, nhưng luôn luôn hiệu động, chúng vất sang trái, vất sang phải, tìm lấy những nhánh cỏ rơi vãi dơ dáy vào cái miệng khổng lồ...

Thằng con trai tôi thích bày voi lắm. Nó reo, nó nhảy, nó huýt sáo. Rồi lúc tôi bất ngờ, nó tụt xuống dưới lòng sân chuồng voi, định đến với những con voi đầy hấp dẫn.

Tôi hoảng quá, vội hét lên, chặn đứng những bước chân đại dột và táo tợn của nó.

Bất ngờ, tiếng hét của tôi khiến con voi đứng ở ngoài cùng chuồng. Nó hướng về tôi, miệng hé ra, vòi giơ cao lên, muốn chạm tới. Nhưng chân nó vướng dây xích. Nó lờn lờn, miệng thét lên tiếng cộc cộc cộc cộc, đầy vẻ tức giận.

— A Khâm! A Khâm! Trời ơi, A Khâm!

Tôi nhận ra người bạn cũ của Trường Sơn. Tôi bế luôn lấy đứa con trai, đến với A Khâm. Con voi quen cũ, từng một thời là đồng đội thân thiết của tôi, mừng khôn xiết kể. Nó đứng sừng lại, tai vẫy liên hồi... Bốn chân lưu luyến. Cái chân bị xích thì cứ giăng lên giăng xuống. Tôi cảm động, ứa nước mắt, giờ tay ra khẽ gọi:

A Khâm! Chào bạn! Chào bạn... Thì ra A Khâm đã về đây!

A Khâm mừng lắm. Tôi lấy hết những chiếc kẹo trong túi đãi A Khâm và không quên tặng ba con voi kia mỗi con một chiếc. A Khâm khoái lắm! Chân nó lại dung dục, tai lại vẫy, vòi lại cọ vào tay tôi, tỏ ý thân thiện. Thằng con tôi vượt trên A Khâm. Mắt A Khâm lim dim. Hình như nó cũng đoán biết đây là con trai tôi, nên hết sức chiều chuộng. Tôi thấy mình phải cố gắng tìm hiểu và tận tâm về những tháng năm xa cách.

A Khâm ơi, mình có vợ và con rồi đây! Lại được về thủ đô. Nhưng gặp A Khâm và các bạn voi ở đây thì quả là bất ngờ!

A Khâm đứng với tôi rất lâu, nếu không có sự quát tháo của người bảo vệ về sự vô nguyên tắc của tôi, chúng tôi còn đứng với nhau lâu nữa. Tôi giải thích thế nào anh chàng bảo vệ cũng không cho bố con tôi được nói chuyện với A Khâm... Tôi bực bội lên gờ gờ... A Khâm cũng bực. Khi anh chàng bảo vệ dắt nó đi uống nước, A Khâm đã tru tru. Nó ngậm nước và phun cả bọt dãi dữ dội vào anh ta... Và, anh ta cũng dám ra ghét nó từ đấy... Tôi trở lại thăm A Khâm nhiều lần nữa. Lần nào chúng tôi cũng lưu luyến, phạm nội quy và bị người giữ chuồng thú công viên lau bụi. Có lần anh ta quát tôi:

Rồ vô văn! Tính cảm chó gì với cái lũ voi chỉ suốt ngày ăn với la ấy!

Tôi buồn rã bỏ đi và thương A Khâm lắm. Dưa voi về đây, nhất là những con voi có chiến công đặc biệt, những người phụ trách công việc chắc có những ý nghĩ tốt đẹp. Nhưng trong số những người tốt đẹp ấy, biết đâu chẳng lẫn vào những anh chàng xin được vào làm vườn thú chẳng qua chỉ vì có công ăn việc làm, còn bất kể mọi chuyện. Chao ôi, nếu tính về sự đóng góp với loài người của những con voi đầy thành tích kia, có lẽ chính tôi có lúc cũng chưa được toàn tâm toàn ý như chúng. Chúng cũng chịu bom đạn như ai, chịu những cảnh trái với luật tự nhiên, hi sinh cả tự do vì chúng ta, trong những năm chống Mĩ, lại chịu đựng làm cảnh quan là làm cho dân người thành phố biết thế nào là voi rừng... Mà, chúng chỉ được ăn mấy năm cơm, mấy sọt bí, vài gánh cỏ. Có lúc thực đơn của chúng lại không được cung cấp đầy đủ... Cả đời chúng dăng vào những công việc có ích cho chúng ta... Chúng cam chịu và thành tự nguyện... Nhưng, có lúc nào đấy cũng thu vén riêng tư, chạy chọt lấy những thứ này thứ nọ, như nhà cửa, nơi làm việc thuận lợi, được gần vợ gần con. Đời tư của tôi thì ngày càng khấm khá, còn A Khâm và các bạn chúng (chắc hẳn đều đã chiến đấu ở Trường Sơn) thì chính lúc ở công viên ở thủ đô này lại khổ hơn cả cái thời thồ đạn đi chống Mĩ.

Thú thật, có đêm tôi đã không ngủ được, khi nghĩ đến A Khâm.

Cho đến một sáng chủ nhật kia, một mình tôi, lại ghé công viên thăm A Khâm. Tôi vừa được đi công tác nước ngoài về. Tôi mang cho A Khâm một thanh sọc-cù-là-tướng và một quả táo vàng. Tôi cũng không quên quà cho các bạn voi khác. Nhưng khi tôi đến chuồng voi thì không thấy A Khâm đâu cả, chỉ còn lại ba con voi cũ... Tôi ngơ ngác nhìn, cố ý tìm tôi. Người giữ thú đã ra. Một người khác. Anh chàng

khó tính chắc đã được chuyển đi làm một công việc khác. Người mới đến cũng là bộ đội cũ. Anh ta ôn tồn hỏi tôi:

- Sao anh lại xuống chỗ cấm kị thế này?

- Xin lỗi! Tôi quen một trong bốn con voi.

- A Khâm phải không?

- Vâng!

- Tôi có được người nuôi thú cũ kể lại chuyện con voi gặp một sĩ quan quân đội, tỏ ý rất thân mật. Anh ta mời viên sĩ quan ra khỏi chuồng thú. Con voi tức giận, khi người nuôi thú cho voi đi uống nước, nó đã phun đầy nước vào mặt anh ta...

- Vâng, chính tôi gây ra chuyện rắc rối ấy! Bây giờ A Khâm đâu rồi?

- Thật đáng tiếc... A Khâm chết rồi!

Tôi sững sờ, mặt lặc hăn đi... Hai hàng nước mắt tuôn trào ra, không sao ngăn nổi. Người nuôi thú an ủi:

- Tôi cố chăm sóc nó nhưng không nổi. Nó không chịu uống thuốc. Mà anh thừa biết rằng, khi con voi không chịu uống thuốc thì nó biết rằng nó không sống nổi rồi!

- Các anh chôn A Khâm ở đâu?

Người nuôi thú không nói được! Nhưng thôi gan hỏi kĩ làm gì nữa. Con vật cũng như con người thôi! Sinh sinh hóa hóa(14), vật chất lại trở về vật chất. Nói như đức Phật: « Cát bụi lại trở về cát bụi »

Ba chú voi còn lại hình như hiểu thấu tâm trạng tôi, đứng lặng yên, chia sẻ những thương tiếc bởi hồi đang còn cào trong lòng tôi... Tôi chọn chú quả mành đem theo. Tôi chia cho các chú phần quả của A Khâm. Riêng quả táo ngon nhất tôi giữ lại trao cho người coi thú. Tôi nói:

- Tôi đem quà đến, nhưng A Khâm chết mất rồi! Tặng anh vậy ... Và nhờ anh chăm sóc những con voi này thật chu đáo. Tôi nghĩ đó là nguyện vọng không riêng gì của tôi ...

Anh xúc động nhận lấy quả táo, lắc lắc tay tôi và nói:

- Cảm ơn anh! Tôi biết! Tôi biết!

NGÔ VĂN PHÚ
(1988)

I - (1) Công viên Thủ Lệ: Công viên mới xây dựng ở Thủ Lệ, một địa điểm gần Cầu Giấy (huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội), trong đó có vườn thú của khu Bách thảo (cũng được gọi là vườn Bách thú) vốn ở Nội thành Hà Nội (sau Phủ Chủ tịch) chuyển đến, cách nội thành khoảng 5-6 cây số. (2) Trạm giao liên: tức trạm giao thông liên lạc (nói tắt); đây chỉ một trạm giao liên trên đường Trường Sơn thời kháng chiến chống Mĩ. (3) A-mi-tô-mi: chỉ bọ Mĩ (phiên âm tiếng Anh). (4) Mực dẫm: trề chân trâu hoặc chân bò (mực: chân đất; dẫm: trề em). (5) Quân tượng: người trông nom và điều khiển một con voi (Quân: trông nom, quân li: tượng: voi). (6) Hàm răng: bộ phận cương ngựa gồm một thỏi sắt đặt trong mồm ngựa giữa hai hàm răng. (7) Sẹo: miếng gỗ nhỏ buộc ở đầu thừng xỏ vào mũi trâu bò. (8) Bất kham: (ngựa) hay lồng, không chịu cho người điều khiển do chưa thuần (bất: chẳng - kham: chịu). (9) Loại: loài cây thuộc họ dừa, thân nhỏ, thẳng và rắn, thường dùng làm gậy. (10) Thêm em: ý nói cảm thụ được âm thanh. (11) Dã chiến: ở ngay ngoài mặt trận. (12) Hậu cần: công việc ở hậu phương nhằm phục vụ quan đới như việc vận tải, sản xuất vũ khí, cung cấp lương thực. (13) Biên chế: tổ chức sắp xếp theo năng lực và công việc cho hợp lý. (14) Sinh sinh hóa hóa: sinh ra rồi biến hóa đi không ngừng.

II - Đọc cả truyện một hai lần để nắm bắt được nội dung truyện. Chú ý đọc kỹ và diễn cảm hai đoạn chính sau đây:

- «Đến năm thứ ba ... một chiến sĩ như tôi»

- «Tôi và đứa con trai ... Tôi biết! Tôi biết!»

Giọng đọc cần biểu hiện được đồng tâm trạng của người kể qua diễn biến của các tình huống khác nhau trong truyện: khi thì nhớ nhẹ như lời tâm sự, khi thì vui vui linh hoạt như chia sẻ nỗi niềm với một người bạn đồng đội, khi thì xúc động nghẹn ngào trước một tình huống bị kịch bất ngờ.

III - 1) Tình tiết của chủ voi con A Khâm trong mấy năm đầu khi mới về trạm giao liên ra sao?

2) Khi đã trở thành «chủ voi tơ», tình tình của A Khâm có những nét chuyển biến gì đáng chú ý? Câu chuyện gì đã xảy ra khiến cho A Khâm có sự chuyển biến lớn? Chuyển biến như thế nào?

3) A Khâm tỏ ra thực sự trưởng thành và trở thành một đồng đội thực sự của anh Phát kể từ khi nào? Sự trưởng thành đó đã đem lại kết quả gì trong tư cách «chiến sĩ» của A Khâm?

4) Em hãy phân tích diễn biến tâm trạng của A Khâm được bộc lộ ra kể từ bữa bất ngờ được gặp lại anh Phát ở giữa công viên Thủ Lệ tại Thủ đô Hà Nội? Em hãy phân tích và đánh giá những biến cố đã xảy ra với A Khâm?

5) (HS hào và giỏi) Câu chuyện mang đáng đáp một truyện ngụ ngôn, nên ý nghĩa đạo lý của nó càng sâu sắc. Em thử phân tích xem.

IV - 1) Tóm tắt truyện bằng miệng hoặc viết (trong khoảng 10-15 dòng).

2) Ngoài nhân vật chính là A Khâm, nhân vật thứ hai là anh Phát cũng để lại cho người đọc khá nhiều thiện cảm. Em hãy phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật này.

BÀI 32

ĐỌC THÊM (ô 16p)

«MẶT TRỜI BÉ CON» CỦA TÔI

(Truyện ngắn)

Tôi gặp cậu bé Nguyễn Văn đầu tiên ở nhà một người bạn. Tôi hôm ấy đến chơi nhà Hà đưa bạn thân nhất hỏi tôi còn là anh viên - thấy Hà đang ngồi chơi với

một cậu thiếu niên mười bốn, mười lăm tuổi mặc bộ quần áo bộ đội rộng thùng thình. Chẳng hiểu sao tôi bị chú bé ấy thu hút suốt buổi nói chuyện. Có lẽ tại đôi mắt. Đôi mắt như mực của người lớn lấp vào khuôn mặt còn đầy lông tơ, trông dề dặt và buồn mênh mang. Khi nó cười, chỉ khuôn mặt bị biến dạng đi, còn vẫn không xua được ánh buồn. Lúc nó về, tôi hỏi Hà được biết, năm Nguyễn lên tám tuổi thì bố mẹ bỏ nhau. Tháng anh 16 tuổi ở với bố. Nguyễn ở với mẹ. Được nửa tháng, tháng anh nhớ em quá nên đến xin bố cho hai anh em cùng về ở với mẹ. Vài tháng sau, mẹ đi lấy chồng. Theo yêu cầu của người chồng mới, người mẹ bỏ hai đứa con để theo ông ta. Không chịu theo mẹ về với bố được, hai anh em tự kiếm sống ở với nhau. Năm Nguyễn mười ba tuổi, anh cậu bị đi tù vì tham gia mấy vụ ăn cắp trong nhà máy. Từ đó Nguyễn sống một mình.

Hà kể đến đây thì có khách. Khi về, suốt dọc đường tôi cứ nghĩ về cậu bé đáng thương kia. Nhưng tình thương ấy cũng chỉ là cơn gió lá trôi qua, khiến tôi có cảm giác se lạnh trong chiếc lát nệm không có một buổi chiều.

Gần hết giờ làm, tôi xin phép trưởng phòng về trước để đóng gạo. Đầu tháng, lại sắp tới nên cửa hàng gạo khá đông. Trước tôi có khoảng bốn chục chỗ xếp lạng những đũ thóc: bao tải, nón rách, gạch, lán... tôi ngao ngán xếp bao tải vào cuối hàng rồi lên trên đứng. Trước ở cửa bán người ta đứng tùm tùm chẳng ra hàng lối. Ai ghi sổ xong phải lách mới mới ra được chỗ lấy gạo. Tiếng cô bán hàng đang nói với người mua:

— Đóng hết nhé, một cân gạo nếp, bảy cân gạo tẻ năm cân mè, năm đồng tám.

— Chỉ cho em đóng một nửa thôi — người mua là một chú bé.

— Hôm nay không có bao tẻ — Cô ta gắt gỏng.

— Dạ... nhưng... em không đủ tiền.

Hai bên đối co... những người đứng phía sau nhao nhao:

— Đi đóng gạo không mang đủ tiền thì làm sao?

— Thôi tranh ra cho người khác lên mua. Một ông bà phía trên xích lên cho đứng để ai chen vào.

Chú bé không mua được gạo lách dám dõng chu: ra. Hóa ra là Nguyễn. Mặt nó đỏ bừng, tay cầm cái bao tải

hí rách mấy chỗ được buộc túm lại, giận dữ nhìn những người đứng sau vừa phản đối, nó lăm lăm câu gì đó rồi bỏ đi. Sau giây phút ngổ ngàng, tôi chạy theo gọi giật lại:

— Nguyễn, quay lại chị bảo.

Nhón ra tôi, đôi mắt dậu đi nó khẽ cười:

— Chị cũng đi đóng gạo à!

— Em không mang đủ tiền hả? Chị có đây này, quay lại đóng đi.

Nguyễn lắc đầu, tôi nắm cánh tay nó lắc nhẹ:

— Tắt đèn nơi rồi, em còn định đi đến hôm nào nữa?

— Dạ... — Nó ngập ngừng — Em hết tiền rồi... Vay chị lấy đâu mà trả. Em chẳng đóng nữa đâu — Nó hất nhẹ tay tôi như giận dữ, bỏ đi. Tôi đứng nhìn theo cái bóng lưng không trong bộ áo quần bộ đội thùng thình ấy, cái đầu nghiêng cao và bất cần, tôi chợt hiểu: Nguyễn đã khước từ sự thương hại của tôi.

Với hoàn cảnh riêng của mình, tôi không mẫn mà lăm lăm trong việc dọn năm mới. Sáng ba mươi tôi dậy sớm đi chợ mua mứt. Cả mấy ngày tới, tôi chỉ làm cơm có ngày này, trước là để cúng tổ tiên, ông bà, bố mẹ, sau là để ăn lại rải cả tuần lễ, khỏi phải lịch kịch.

Làm xong, ngồi ăn một mình thấy chán ngán. Mời mấy đứa bạn nhưng chúng đều từ chối. Cũng phải, tết nhất nhà nào chẳng muốn sum họp đông đủ, người nào không được may mắn ấy phải chịu. Ăn xong, tôi lấy đĩa thịt gà, đĩa xôi, một khoai giò, hai cái bánh chưng, gói riêng từng thứ vào tờ báo dờ đem xuống nhà Nguyễn. Sau buổi gặp nó ở cửa hàng đóng gạo, tôi nảy ra ý định sẽ tìm đến nhà nó. Mục đích để làm gì tôi không nghĩ đến, chỉ biết Nguyễn là đứa trẻ rất đáng thương. Thêm người bạn nhỏ tuổi ấy cũng tốt chứ sao!

Qua ngã tư Cửa Nam, tôi mua một bó hoa hồng trắng. Nhà Nguyễn ở gần nhà Hà, nhưng tôi không qua rõ Hà vì sợ mối quan hệ láng giềng sẽ làm Nguyễn

ngồi ngừng. Phòng bốn mươi năm, bốn mươi sáu, bốn mươi bảy—đây rồi! Tôi ngáp ngừng, gõ cửa, Liệu có bị chú bé đuổi ra với túi đồ này không nhỉ? Thái độ của nó hôm đóng gao làm tôi chần chừ.

—Chị! Sao chị biết nhà em? — Nguyên mở cửa, cười rất tươi chào tôi. Chiếc áo bộ đội mặc vội vẫn chưa cởi hết cúc.

Tôi bước vào giữa phòng và chưa biết phải làm gì. Căn phòng ngoài rộng chừng mười hai mét vuông, giữa nhà sát tường kê chiếc bàn nhỏ và bốn chiếc ghế, trong góc nhà có một cái tủ con, cánh đã bị một thùng lỗ chỗ. Có thể đó là gia sản duy nhất của bố mẹ nó để lại. Nguyên vào buồng trong, lúc sau đi ra, thấy tôi vẫn đứng như trời trồng giữa nhà, nó kêu lên:

—Chết, chị ngồi xuống ghế đi. Đun bằng chảo ngấm đây chị ạ, nhanh không? — Nó giờ âm tích nước còn nghi ngút khói lên, rót ra hai chiếc chén để chồng cho trên bàn — Em chẳng có chén đâu, chỉ uống tạm nước trắng nhé!

—Chị đến chơi, mặc dù chưa được chủ nhân đồng ý. Đứng ngoài cửa lo lo bị lột lá dứa tay ra ngoài đường, ai dè được chiều dài môn thanh thủy.

Nghe tôi nói nó cười, nhưng nụ cười ấy nhanh chóng biến mất. Tôi trách mình đã đến quá sớm. Nguyên ngồi xuống ghế lu xu:

—Cái hôm đi đóng gao em đỡ hơi quá phải không chị?

—Chuyện vặt ấy mà — Tôi gạt đi — Thế đã đóng gao được chưa?

—Hôm trước các cô bác xung quanh góp cho em hơn trăm bạc ăn tết. Em đã đóng và vẫn còn nguyên đây—Nó móc túi lôi ra hai tờ năm mươi đồng, một tờ hai mươi đồng và mấy đồng bạc lẻ.

—Chiều nay chị làm cơm cúng, ngồi ăn một mình buồn quá, đành gọi em xuống nhà chơi luôn, nhưng ngại em... — Tôi bắt hàm cười với nó.

—Chị ở một mình thôi à?

—Ừ! — Tôi kể cho Nguyên nghe qua hoàn cảnh của tôi. Từ lúc đó câu chuyện giữa chúng tôi trở nên thoải mái hơn. Tôi bỗng thấy một chú bé Nguyên khác hẳn, hoạt bát, vui vẻ. Cũng phải thôi, cuộc sống có những nét giống nhau thì dễ đồng cảm và hòa hợp với nhau. Tôi thiếu thốn tình cảm của người mẹ từ bé nên rất hiểu sự mất mát ấy trong Nguyên. Nhưng Nguyên khổ hơn tôi gấp vạn lần vì có mẹ mà như không.

Tôi lấy các thứ mang theo từ nhà đẻ lên bàn. Nguyên hấp tấp chạy vào buồng lôi ra hai chiếc bát con, một chiếc đĩa và một cái bát ở tô. Nó phân bủa:

Rõ bát nhà em chỉ vậy thôi!

Hà kể cho tôi nghe: một lần bà hàng xóm cho nó mấy miếng thịt kho, nó bày lên mâm nhưng để đầy và chỉ ăn muối ớt, ngày hôm sau cũng thế, đến ngày thứ ba mới ăn. Thấy tôi trâm ngâm, nó hỏi:

Chị làm sao thế?

A... không!

—Chị xem, em ăn tết cũng đầy đủ các thứ đây này — nó đứng dậy đi về phía buồng, vèn tẩm ni lông, bên trong là chiếc băng hình chữ nhật. Nguyên kéo chiếc băng ra giữa nhà, lấy cái ghế chặn phía sau. Trên băng vẽ lọ hoa đào, một tết, bánh chưng, con gà ngậm bông hồng đỏ nằm trên đĩa... Toàn hương vị ngày tết. Nguyên cười:

—Em vẽ đấy, đẹp chứ chị? Giao thừa xong em sẽ kê ở chỗ kia, ai vào cũng thấy ngay.

Tôi không cười được. Sống mãi tôi cay xè như hít phải ớt bột. Tôi sợ nhớ bố hoa mua từ lúc này vẫn còn dở trong túi. Thấy hoa Nguyên chạy lại mừng rỡ:

Loại hoa này em thích nhất đấy. Đồ em kiếm cái cắm. Chà, tết năm nay em xôm thật!

Nguyên chạy ra ngoài sân, lúc quay vào mang theo ống bơ sữa bò đã gi. Nó đổ nước vào đấy rồi đưa cho tôi. Tôi giờ chiếc ống bơ lên ngắm nghía còn đang ngẩn ngại thì Nguyên giục:

— Chỉ sợ nó xấu chứ gì? Không lo, em đã có cách, chỉ cứ cầm vào.

Nguyên lấy hai tờ giấy xanh màu cầm thạch dân liền. Loáng một cái nó đã gấp xong hình chiếc lọ, chụp ra bên ngoài ống bơ. Tôi và nó cùng lùi ra xa ngắm nghía. Tôi trầm trồ:

— Đẹp thật! Hoa trắng nõn xanh trông rất nổi lại nhả.

Được khen, Nguyên cười gật gù có vẻ khoái chí. Nó kể cho tôi nghe chuyện lớp học, bạn bè như chưa bao giờ có người đề nói chuyện. Tôi sống lại thời học sinh với đề trò nghịch ngợm khiến nhiều khi bố mẹ, thầy cô phải bực mình. Nỗi buồn năm xưa ảnh hưởng tới suốt cả ngày hôm nay biến mất. Đang kể, chợt nhớ ra điều gì. Nguyên chạy vào buồng, chui tuột xuống gầm giường lôi ra một khúc gỗ đã một đầu gắn chiếc ống bơ sữa bò trắng tinh, phía trên có thanh sắt dài cong cong. Nguyên lấy tay phẩy bụi trên đó như sợ bị đau. Nó khoe:

— Em có cái này nữa cơ. Dân bầu em tự làm lấy đấy!

Tôi tưởng mình mang đến niềm vui cho Nguyên, không ngờ bị cuốn hút vào thế giới của riêng nó. Hết cái lạ này đến cái lạ khác, vui có, cười ra nước mắt có.

— Bây giờ em dân cho chị nghe nhé. — Nó ghẹo một đầu chiếc dân lên bàn, còn đầu kia để xuống đất, tay cầm một cái cong cong nhìn tôi lưỡng lự — chờ bài gì bây giờ... À, phải rồi!

Tiếng dân rê rục. Tôi chẳng hiểu Nguyên đang chụp bài gì nữa. Một mớ âm thanh lũng búng bên tai. Một hồi Nguyên ngẩng lên nhìn tôi:

— Chị có biết bài gì không?

— Chưa, em đánh dân mà cứ như đánh đó ấy.

Nó nhẹ rưng cười đồ lỗi tại cái dân tự tạo dễ lâu ngày không đánh nên bị gì.

— Bài hát này em thích lắm mà không biết đầu đề. Như thế này này... — Nó e hèm một cái rồi cất tiếng hát bằng cái giọng đang vỡ — Cầm lá thiệp này lòng hương vô Nom. Dù xa muôn trùng nhưng tình em vẫn ngon năm không mờ... Thôi em chẳng hát nữa kẻo chị lại cười. Chị nghe đoạn này nhé, nghe này... Tình tình tình gió bay. Nghe ra chưa?

Tôi rũ ra cười vì kiểu đánh dân của nó. Mặc tôi cười, Nguyên vừa đánh, vừa minh họa bằng lời hát. Nó hát nó hát hăm hăm tôi:

— Nghe em chứ chị?

Tôi cũng bắt chước điệu bộ của nó, hai tay xoa xoa vào nhau gật gật đầu ra chiều tán thưởng, nhưng rồi không nín được, tôi cười phá lên. Nguyên ngất ngư cười theo.

Dang vui, Nguyên chậm chạp đứng dậy, dựng dân vào góc nhà. Nhìn dáng điệu thần thờ, buồn bã của nó, tôi hỏi khẽ:

— Em làm sao thế?

— Chị có phải về trước giao thừa không? — Nguyên vẫn đứng góc nhà hỏi, chẳng buồn quay mặt ra.

— Không, chị ở lại đón giao thừa với em. Chị mang theo cả bánh pháo đây này.

— Thật không? Chị ở lại nhà? — Nó quay ngoắt lại, mắt sáng bừng, khiến tôi không dám nhìn thẳng vào đấy — Thế mà em cứ tưởng...

Hóa ra nó buồn vì tưởng tôi phải về. Nếu Nguyễn bé lại một chút, hoặc tôi già thêm chục tuổi thì tôi sẽ ôm riết lấy nó vào lòng. Nguyễn mấp máy môi định nói câu gì đó nhưng lại thôi, rồi bước nhanh đến bên tôi cuống quýt:

— Chị em mình phải dọn dẹp qua nhà cửa để tí nữa còn đón giao thừa chứ. Chỉ quét nhà và bày biện lại cho em, em ra đây một tí.

Không đợi tôi trả lời, Nguyễn chạy vù ra cửa. Lúc quay về cầm theo túi kẹo. Nguyễn lấy tờ giấy trắng cắt thành hình hoa và dán túi kẹo lên đó.

— Hôm nay được phép chị vào «ngân quỹ». Phải có gì khao chị chứ! Giao thừa xong chị em mình sẽ phá cỗ.

Cổ của Nguyễn là mấy thứ tôi mang đến, thêm túi kẹo nó vừa mua. Tôi bày tất cả lên bàn, canh lọ hoa hồng.

Chỉ còn nửa tiếng nữa là giao thừa, Nguyễn dán chiếc que đề treo bánh pháo khi đốt. Nó làm rất cẩn thận như chuẩn bị cho một việc trọng đại sắp sửa diễn ra tại đây. Vừa làm nó vừa nói chuyện với tôi:

— Có mấy thằng bạn rủ em đến nhà tụi nó đón giao thừa. Em chả thích thế, dù sao mình cũng là người lạ.

«Thằng bé nghĩ gớm thật!» — Tôi nghĩ thầm.

— Nhưng đùa trò như nó thường khôn hơn lũ trẻ cùng tuổi, bởi sớm phải tự quyết định mọi việc của bản thân. Tôi dù sao vẫn còn sự chăm sóc của người cha. Tôi không biết mình sẽ ra sao nếu ba tôi mất sớm hơn?

Lúc này tôi mới có dịp nhìn kĩ khuôn mặt Nguyễn. Phải nói là Nguyễn đẹp trai, khuôn mặt thon thả, đôi mắt đen mở to được che bởi hàng mi dài cong vút.

— Một đôi mắt đặc con gái. Nhìn hàng ria mờ đen phía trên môi cậu tôi bật cười. Nguyễn nhìn tôi ngạc nhiên:

— Chị cười gì thế?

— À... Em làm khéo tay như con gái ấy — Tôi nói lảng.

— Phải làm cho nó quen tay chứ. Em còn biết khâu nữa cơ. Chị xem này — Nó giờ lung về phía tôi. Miếng vá bằng bàn tay ở giữa lưng, lộ rõ cả đường chỉ.

Tiếng chuông đồng hồ từ vô tuyến ở các nhà xung quanh thông thả gõ từng tiếng. Đồ đạc đã râm ran tiếng pháo. Nguyễn nhìn tôi. Hiểu ý, tôi gật đầu.

— Em tắt đèn chị nhé. Để xem ánh lửa từ những quả nổ trông đẹp hơn.

Nguyễn xộc diêm châm lửa đốt. Quả pháo cối đầu tiên nổ rất giòn. Mặc dù đã chuẩn bị trước, tôi vẫn hơi bị giật mình theo phản xạ tự nhiên. Đợi quả pháo cuối cùng nổ xong, tôi bảo Nguyễn:

— Năm nay chị em mình sẽ gặp nhiều cái may, vì pháo nổ rất tốt.

Không thấy Nguyễn trả lời, tôi nhìn sang. Hai tay Nguyễn vịn vào song cửa sổ, mắt nhìn xa vời vợi. Qua ánh đèn từ ngoài đường hắt vào tôi thấy ở khóe mắt nó hai giọt lệ lớn sắp sửa lăn xuống má. Tự nhiên nước mắt tôi trào ra. Cũng giờ này năm ngoái tôi còn đón giao thừa với ba ở bệnh viện. Năm nay ba bỏ con một mình. Ba ơi...

— Chị! — Nguyễn quay sang tôi giọng nghẹn ngào — Chị... Chị là chị gái của em nhá!

Tôi nhia nó cười trong hai hàng nước mắt kéo vệt trên hai má.

— Nguyễn! Chị sẽ là chị của em mãi mãi. Nếu ba còn sống chắc ba sẽ rất thích vì có thêm một cậu con trai đấy!

Nguyễn cười rồi đưa tay lên quạt má. Tôi chẳng buồn lau mặt nữa. Chúng tôi đứng như vậy nhìn ra phía xa sáng rực ánh đèn các màu. Xung quanh là tiếng pháo nổ khi xa khi gần, liên tục. Một năm mới bắt đầu...

Mẹ tôi mất năm tôi lên tám tuổi—cái tuổi bắt đầu cảm nhận được tình yêu của người mẹ đối với mình một cách có suy nghĩ. Tôi vẫn còn nhớ mấy hôm sau khi mẹ mất, ba không khóc nhưng thường nhìn tôi thờ dài. Lúc ấy trông ba có vẻ suy nghĩ ghê lắm. Một lần đi học về tôi khoe với ba là cái Thủy được mẹ nó may cho một cái váy rất đẹp. Mấy hôm sau, thấy ba sưu tầm được ở đâu rất nhiều tranh ảnh những đứa bé mặc váy bời tôi thích kiểu nào, rồi ba mang vài đến nhà người quen nhờ họ hướng dẫn cắt và tự tay ba khâu cho tôi. Từ đó đến khi tôi học hết cấp ba, quần áo của tôi đều do ba may cho. Tốt nghiệp đại học, ba giúp tôi lấy chồng, nhưng tôi bảo chưa tìm được người tâm đầu ý hợp, ba đưa yêu thế tâm vớip của con thế nào để ba chọn giùm. Thực ra trong thâm tâm, tôi rất sợ lấy chồng mà phải về nhà chồng, để ba không ai chăm sóc. Hơn nữa chẳng may phải người không tốt, họ đối xử tệ bạc với ba thì tôi sẽ ân hận suốt đời. Năm ngoài ba mươi vì bệnh ung thư phổi, tôi đã phải trải qua giờ phút kinh hoàng khi nghĩ rằng chỉ còn một mình ở trên đời.

Trước đây và bây giờ tôi có rất nhiều bạn bè, nhưng thường xuyên đến chơi với tôi nhất là bạn tôi là người phần nào cảnh có đơn. Bạn tôi thường tổ chức các buổi nói chuyện, vui chơi, ăn uống ngay tại nhà tôi. Lúc ấy, tôi thấy rất vui vẻ. Khi mọi người ra về, mình tôi đối diện với bốn bức tường của căn phòng thì sự trống trải lại xâm chiếm tôi.

Cuộc sống của tôi từ ngày có Nguyễn khác hẳn. Chúng tôi đến với nhau tự nhiên như sinh ra trên đời này là để có nhau. Tôi cảm thấy thời gian nhàn rỗi của mình có ích hơn khi phải bận rộn, lo toan cho cả người khác. Mặc dù tôi nói về bết mết, Nguyễn vẫn không chịu rời bỏ nếp sống cũ: sáng đi học, chiều tự học, tối gánh nước thuê cho mấy hàng phố ở đầu phố để kiếm sống. Quen Nguyễn một thời gian tôi mới biết, hơn hai năm nay nó không hề nhận được một đồng nào của bố mẹ nó gửi về cho. Nếu họ đến thăm thì nó tìm cách lẩn trốn. Hàng xóm láng giềng khuyên nó không nên như thế, Nguyễn chẳng nói gì nhưng lần sau vẫn lặp lại như cũ. Người ta đã bắt gặp có lần Nguyễn đứng ở cửa sổ nhìn theo bóng mẹ nó đi chiếc Di a măng cho đến khi khuất hẳn. Đôi mắt vốn đã buồn lại buồn hơn. Tiếp xúc với Nguyễn tôi thấy thằng bé có một

nghị lực ghê gớm mà tôi không có được. Sống trong môi trường như vậy mà Nguyễn vẫn giữ được mình, thật là hiếm.

Học hết lớp chín, Nguyễn nói với tôi là xin đi làm. Tôi khuyên thế nào nó vẫn một mực: em không thể sống dựa vào lòng tốt của người khác mãi được. Có điều kiện em sẽ học sau, em hứa với chị như vậy!

Sau khi cân nhắc khá lâu, tôi đã kiếm được việc làm cho Nguyễn theo nguyện vọng của nó. Công việc chủ yếu là phụ việc cho các họa sĩ trong một xưởng họa. Chỗ đó tuy rộng ít hơn mấy nơi khác mà tôi đã hỏi, nhưng yên tâm hơn vì Nguyễn học hỏi được nhiều điều ở bậc đàn anh cho cái nghề nghiệp mà nó mơ ước và đã chớm bước vào. Hôm lĩnh lương đầu tiên, Nguyễn phóng xe thẳng một mạch về nhà tôi, mở hai nhà nhai, một tay thu ra phía sau, khuôn mặt sáng bừng. Chưa khi nào tôi thấy nó tươi tỉnh như thế:

— Hôm nay em được lĩnh lương. Thế là em đã làm ra tiền rồi nhé. Em mua cho chị cái này, đoán xem, cái mà chị vẫn thích ấy!

Thấy tôi đoán sai nó sốt ruột giờ bập ngọ xuống ra, nó đã vội rút nhanh về.

— Có thể mà không đoán ra.

— Ôi! Đưa cho chị đi Nguyễn, chị thăm chấy nước miếng ra đây này—Tôi kêu toáng lên.

Nguyễn rồi rít kể chuyện các anh chị ở cơ quan đã chặc mừng nó ra sao, có anh còn tặng nó một chiếc túi đồ dụng đồ đi làm. Với nó, đó là một sự kiện trọng đại trong đời.

— Em mới đi làm một tháng mà thấy khỏe hẳn ra, chị xem này—Nó đứng dậy vươn vai, hít căng lồng ngực hay còn phảng phất của đứa trẻ đang lớn. Trong thâm tâm, tôi luôn mơ ước Nguyễn sẽ trở thành một họa sĩ nổi tiếng. Hy vọng mỗi ấy nhiều khi trở thành niềm tin chắc chắn trong tôi, bởi Nguyễn rất có năng khiếu hội họa và giàu nghị lực.

Gọi em quý nhau như vậy nhưng bất cứ sự giúp đỡ nào của tôi hơi thiếu tế nhị một chút là Nguyễn khéo léo từ chối ngay. Tôi gọi đùa nó là «Mẹ chồng» bởi cái tính khư khư ấy. Nó cười rồi nói với giọng buồn buồn «Ờ

hoàn cảnh em dễ bị người ta nghĩ xấu. Anh em đã vậy, có người tưởng em rồi cũng thế». Cho đến bảy giờ tối vẫn chưa hiểu hết lòng tự trọng của những đóa trẻ như Nguyễn lớn đến mức nào?

Một lần, tôi và Nguyễn đi chợ, nó xách tay tèo tèo đi sau. Gặp một thanh niên mà ăn xin, tôi bỏ vào túi nón của anh ta đồng bạc. Lúc ngang lên bắt gặp ánh mắt khinh bỉ và nụ cười mỉa mai của Nguyễn. Ra khỏi chợ chợ nó bảo:

- Sao chị lại cho anh ta? Anh ta vẫn còn khỏe mà!

- Ai muốn vậy đâu em. Em không thấy anh mà sao?

- Anh ta mà thì còn chân tay. Thiếu gì việc dành cho người mù, việc gì phải đem khuyết tật của mình để cầu xin của bố thí của người ta. Thà chết đói còn hơn!

Nguyễn nói cũng có lý, nhưng nghe cái giọng lạnh lùng ấy tôi không thể chịu được. Tôi bực bội bảo:

- Em đừng tàn nhẫn như thế. Các cụ đã bảo «giàu tại con mắt, khó tại bàn tay» đó sao? Nghiem khắc với mình nhưng phải rộng lượng với người khác chứ!

Suốt dọc đường về, tôi và Nguyễn không tranh luận thêm. Có lẽ nào nó lạnh lùng với đau khổ của người khác đến thế được chăng? Hay nó bị mất mát quá nhiều trong tình cảm đến mức chai sạn nên khó rung động với nỗi đau của người khác? Nguyễn lặng lẽ đi bên tôi, có thể nó liên tưởng đến chuyện của nó. Được sang hay?

Cuộc sống của chị em chúng tôi em á trôi đi. Từ ngày Nguyễn đi làm, tôi bắt nó mỗi tháng phải dành mười đồng gửi tiết kiệm, nói đùa là để cưới vợ. Nó xấu hổ nói rằng: «Nếu thế em chẳng thể dành nữa!». Ở một mình, nó tôi bận bịu với nhà bếp bữa khấp lên được. Tranh vẽ treo lên xôn xập tường, bát màu rơi loang lổ trên nền nhà, chỗ cái ấm, chỗ cái chén. Toàn nhà tôi cũng phải lên dọn dẹp hộ nó, nhưng chỉ ngày hôm sau lại dẫu vào đây. Tôi, Nguyễn và bạn bè của nó thường tổ chức những chuyến chơi xa vào ngày thứ bảy, chủ nhật. Tại nó mang theo đồ nghề, tôi nó nào có phong cảnh đẹp là mãi mê ngồi vẽ và phân công tôi lo bữa ăn. Biết công việc của tôi hay cần đến

sách vở, Nguyễn rất chịu khó đi lùng các hiệu sách thu mua cho tôi những cuốn truyện, sách nghiên cứu văn học. Không hiểu học được ở đâu, nó viết một mảnh giấy to tướng dán vào sổ sách của tôi: «Kẻ nào cào xước sách là kẻ ngu. Kẻ nào giả sách lại còn ngu hơn». Tôi thuyết phục mãi nó mới chịu bỏ đi.

Thứ bảy, tôi về sớm hơn một chút, đi mua mấy lòng thối làm bữa trưa và gọi đây nói báo cho Nguyễn về ăn cơm. Đợi đến bảy giờ tối, vẫn chưa thấy nó đâu, tôi sốt ruột đi ra, đi vào. Gần tám giờ, Nguyễn mới lò dò về, đến cửa đã liến thoắng không kịp để tôi hỏi han câu nào.

- Chị chờ em lâu lắm phải không? Em có chút việc ở cơ quan. Em đói điên lên đây này. Hôm nay sẽ ăn hết những thứ chị làm cho mà xem.

- Thì rửa mặt đi đã nào!

Nhưng Nguyễn bỏ cho tôi nghe hôm nay ở cơ quan nó có đợt khám nghĩa vụ quân sự, trưng tuyển năm người, xướng họa của nó cũng có một anh đi đợt này.

- À, quên mất, em được cơ quan cử đi học đấy.

Nó móc túi lấy tờ giấy đưa tôi xem. Đó là công văn quyết định của Nguyễn nghỉ công tác từ tháng chín để ôn thi vào trường cao đẳng mỹ thuật. Nguyễn đã có bằng cấp III bổ túc văn hóa. Gần cuối bữa ăn, Nguyễn bảo tôi:

- Chị ơi, em... em... - Nó bỗ lừng không nói tiếp. Tôi bỏ bát bận đang ăn dở nhìn nó khó khăn. Thảo nào trong lúc nói chuyện, tôi có cảm giác như nó định nói chuyện gì đó nhưng còn ngần ngại.

Chị tỉnh xem em nên đi học hay đi bộ đội? - Nó nhìn tôi không chớp mắt.

Thật khó trả lời. Lúc này tôi vẫn là người chị khuyên bảo nó lời hay lẽ phải. Bây giờ sẽ phải nói

với nó ra sao? Đi bộ đội hay đi học? Nếu suy bì hơn thiệt, thì đi học sẽ tốt hơn nhiều. Nguyên sẽ có cả một tương lai mà tôi hằng mong mỏi cho nó. Nhưng khi nó đã cân nhắc giữa việc đi học và đi bộ đội thì có nghĩa nó nhận thức được vai trò của người thanh niên và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn, vất vả của người lính. Tôi nhìn Nguyên và bỗng thấy nó già dặn hẳn lên. Ủ, nó mười tám tuổi rồi còn gì? Tôi biết, Nguyên đã quyết định, chỉ vì tôn trọng tôi nên nó mới hỏi như vậy.

— Cái đó tùy em — Tôi nói chậm rãi, mắt không rời vầng trán thông minh được phủ bởi lọn tóc đen phía trước của Nguyên — Em đã lớn, chỉ tin em sẽ có quyết định đúng đắn. Nhớ báo sớm cho chị biết ngày ra đi.

— Đây ... biết mà, chị bao giờ cũng nói điều phải...
— Nó ngập ngừng rồi nói rất nhanh — Hơn nữa em ra đi để bù lại phần nào lỗi lầm của anh em, để người ta hiểu những đứa như em hơn.

Nguyên cầm đĩa lên và trút hết số chả còn lại vào bát của tôi:

— Chị ăn đi, em gấp cho chị chẳng còn bao lâu nữa. Hôm nay em đã khám sức khỏe, loại A1 nhà. Chị cứ chê em còn nhỏ nữa đi.

Ăn xong, Nguyên dành việc rửa bát. Trước khi bỏ mâm đi, nó còn lấy khăn mặt ướt và rót cốc nước đưa cho tôi.

Thế là Nguyên đi bộ đội đã được sáu tháng. Vầng Nguyên tôi thấy cửa nhà vắng vẻ hẳn. Mỗi tháng Nguyên thường viết cho tôi ba bốn lá thư. Chẳng có chuyện gì xảy ra mà nó không kể, nào là bà chủ nhà rất thương hay đề dành cho củ khoai, củ sắn mỗi khi đi tập về; nào là các trò nghịch ngợm của các anh lính trẻ... Nó viết: «... Ngoài giờ luyện tập em vẫn

tranh thủ vẽ thêm. Đã lâu sọ cứng tay mất. Được nhiều nhiều em sẽ gửi về cho chị xem, góp ý và giữ hộ em. Em rất khỏe. Tầng ba ki lô so với hồi ở nhà, da đen bóng trông như anh nông dân ấy. Gặp chắc chị không nhận ra mất». Lá thư tôi nhận được cách đây hai tuần Nguyên báo đã đi lên biên giới phía Bắc, trong đó có đoạn: «... Khi chị đến với em, em mới hiểu rằng cuộc đời này còn rất nhiều người tốt, vậy sao em cứ phải sống như con ốc ấy nhỉ?». Trước đây, tôi chưa khi nào hỏi mà cũng chẳng nghe thấy Nguyên nhắc đến bố mẹ. Đột nhiên hai hôm trước ngày lên đường, Nguyên hỏi tôi:

— Chị thấy em có nên đến chào bố mẹ em không?

Hóa ra trong tám hôm Nguyên vẫn còn một góc không nhỏ dành cho những người đã sinh ra rồi bỏ rơi nó, mà tôi cứ tưởng không bao giờ Nguyên tha thứ cho họ. (Tôi còn biết đó chỉ là sự giận dỗi, tức tối em dù có trẻ không được người lớn vuốt ve âu yếm. Nhưng khi lớn lên hiểu biết mọi việc diễn ra xung quanh, thì một mặt nó phản xét, một mặt nó thêm khát tình yêu của bố mẹ. Khoảng cách có thể xa, nhưng ranh giới giữa tình yêu và sự căm thù quá là mỏng manh. Nguyên không căm thù bố mẹ nó, nhưng tình yêu ngày một cạn đi khiến người nó khổ lại. Chính cái đó mới là điều đáng sợ! Tôi rất mừng khi nghe Nguyên hỏi. Tối hôm ấy, tôi chuẩn bị cho nó bộ quần áo đẹp nhất và giục đi. Khi Nguyên về, tôi không hỏi chuyện, nhưng nhìn đôi mắt nó tôi đoán được chuyện gì đã xảy ra. Đôi mắt đẹp ấy buồn hơn nhưng bớt sự lạnh lùng, chua chát. Bây giờ tôi mới chợt hiểu sức mạnh ghê gớm của tình yêu mà tạo hóa đã ban cho con người!

Một năm nữa lại trôi qua. Một năm Nguyên làm anh bộ đội...

Tối nay cũng như mọi tối khác. Viết xong bài báo đề ngày mai nộp cho phòng, tôi lười len ra đàn. Đưa

bạn đi công tác ở Đức về cho nửa cân len màu xám, tôi dành để đan cho Nguyên. Màu này rất hợp với làn da, hơn nữa ở biên giới mùa đông rất lạnh. Nguyên thường viết thư kể cho tôi nghe về bông tuyết đầu mùa phủ long lanh trên tán lá rừng... Đan thì đan nhưng chưa biết làm thế nào để gửi lên cho Nguyên được. Khoảng mười giờ đang định dọn dẹp giường đi ngủ thì có tiếng gõ cửa. Ai đến đây khuya thế nhỉ? Hay là Nguyên về? Tôi mừng rỡ đứng dậy, thì cánh cửa hé mở. Trước mặt tôi là anh bộ đội trạc ba mươi tuổi, quần áo bầm dầy bụi đất. Chắc anh ta vừa đi qua chặng đường dài khá vất vả. Thấy vẻ ngạc nhiên, bối rối của tôi, anh ta nói luôn:

— Tôi là Trung, cùng đơn vị với Nguyên.

— Thế à! Mời anh vào chơi. Anh vừa trên đó về?

Tôi hấp tấp đi pha nước, hỏi chuyện rồi rít khiến khách không nói được câu nào. Bất giác, tôi quay lại nhìn Trung. Anh ta quay mặt đi khi bắt gặp cái nhìn của tôi. Tôi linh cảm có chuyện chẳng lành. Trung vẫn ngồi mân mê cái mũ mềm trong tay. Không chịu được không khí căng thẳng ấy, tôi run run hỏi:

— Có chuyện gì xảy ra với Nguyên phải không anh?

— Vâng.. Nguyên... hi sinh.

Anh ấy nói gì thế nhỉ? Tôi thấy mình đang ngồi trên con thuyền trôi bồng bềnh, các bác tướng nhà chao đi, chao lại. Tiếng Trung rơi lồm bồm vào tai tôi như tiếng người thở dật quăng... Chúng tôi đi trinh sát thì lọt vào ổ phục kích của địch... Gần hết đạn mìn địch vẫn tràn lên rất đông... Anh Trung phải quay lại báo cáo cho đơn vị biết thôi... Không!... Nghe em, anh còn bé Sơn, đừng để bé Sơn phải mất bố... Tôi, hạ sĩ Nguyễn Thành Nguyên ra lệnh cho binh nhất Nguyễn Văn Trung phải chấp hành mệnh lệnh... Khi đơn vị tôi diệt xong ổ phục kích của địch,

đến nơi thì Nguyên đã tắt thở, trên người có chín vết đạn bắn vào... Bỗng đèn giữa nhà tỏa ra quầng sáng, đỏ, vàng, giống như ánh đèn các mẫu rơi vào chỗ chị em mình đứng đón giao thừa hôm nào, đúng không Nguyên? ... Có phải Nguyên đây không? ... Đang buồn chị nhé, đi bộ đội về em sẽ học cho ra trò cho mà xem... Em sẽ vẽ tặng chị bức tranh to đúng bằng người chị hôm cưới... Mặc thử áo len này đi, chị đan cho em đây... Ôi, em không gio tay lên được; đau quá, chúng nó bắn em, cái bọn giặc Tàu ấy. Chẳng tưởng thế là chia rẽ được chị em mình đâu... Ai đó hôn than lên ngực tôi thế này? Trời ơi, bác bỏ quá! Cả chiếc khăn quăn cổ này nữa, vứt đi! Đột nhiên người tôi run bắn lên như chạm phải lửa, nước mắt cứ thế chảy ra không sao ngăn được. Hay chị đùa nào bắn em, Nguyên, chị sẽ trả thù cho em. Đang bỏ chị, em ơi...!

Không biết tôi sẽ ngồi khóc bao lâu nếu anh Trung không tới đó trở về với thực tại.

Cúi đầu bình tĩnh lại. Nguyên đến tôi đồ đạc của cậu ấy đưa về cho chị. Đây...

Trung đưa cho tôi chiếc ba lô đã bạc màu đang để dưới chân bàn. Anh xin phép ra về vì đã khuya. Trước khi ra cửa anh còn quay lại bảo tôi:

— Chị đừng tỏ ra mềm yếu. Nguyên không thích thế đâu.

Cậu nói ấy như một liều thuốc làm ngưng đọng mọi cảm xúc, mọi suy nghĩ trong tôi; ngưng đọng cơn hoảng loạn đang xâm chiếm tôi. Tôi ngồi lẩn giở ba lô của Nguyên. Có hai bộ áo quần bộ đội bạc màu. Còn một chiếc áo bộ đội nữ — có lẽ là chiếc áo mà Nguyên đã viết thư kể cho tôi: «Em lấy chiếc áo mới phát nhờ cô cấp dưỡng cắt hộ và tự tay khâu lấy cho chị. Chẳng hiểu có vừa với người chị không?» Một tập tranh vẽ cuộn tròn rất kĩ, xếp giữa mấy bộ

quần áo. Và cuối cùng là chiếc hộp sắt nhỏ, đẹp, hình chữ nhật. Tôi mở ra, bên trong có ba bức ảnh gói kĩ trong túi nilông. Cả ba bức ảnh đã ngả màu vàng. Một bức ảnh người đàn ông, một bức ảnh người phụ nữ, đằng sau là chữ Nguyễn viết hồi còn bé: « Đây là bố », « Đây là mẹ ». Còn bức ảnh thứ ba, đứa bé đang lẫy, đằng sau có ghi dòng chữ: « Mặt trời bé con của mẹ ».

Lần giờ được những thứ ấy ra, chân tay tôi mỏi rã rời như vừa phải làm một việc quá nặng. Không buồn mặc màn, tôi với tay tắt đèn rồi nằm vật ra giường với chiếc áo len đang đan giờ úp lên mặt.

Bạn bè, người quen hỏi thăm tôi về Nguyễn, thì hoặc là tôi né tránh câu trả lời, hoặc là tôi nói thật điếm tính: « Nguyễn hi sinh rồi! » Đó là điều không thể có trong tôi trước đây, một người không biết kìm giữ niềm vui hay nỗi buồn đau. Sao lại thế? — Tôi không trả lời được, chỉ biết đó là ảnh hưởng của Nguyễn đối với tôi. Em hiền quyết và bình tĩnh trong khó khăn, vui buồn của cuộc sống ngay từ những ngày em chưa làm người lớn. Và chính vì vậy, em sống có trách nhiệm biết bao!

Tôi đã tìm đưa cho bố mẹ Nguyễn ảnh chân dung họ thời trẻ. Họ đã khóc. Người đàn ông gục mặt vào song cửa, lưng lã lau mắt, còn người phụ nữ thì òa lên. Cả hai nơi tôi không ngồi lại lâu, chẳng phải vì tôi ghét bỏ họ, trái lại tôi còn thương họ nữa, nhưng quá thật tôi không thể nói chuyện với họ được. Còn bức ảnh đứa trẻ đang tập lẫy thì tôi giữ, tôi thấy mình có quyền làm việc ấy. Giữ bức ảnh đó, là giữ mãi hình ảnh của Nguyễn khi buồn bã, khi cười đùa ... là giữ mãi một cuộc đời cho cuộc đời mình. Con người đi qua, ánh sáng còn để lại mãi, phải vậy không? Và, em là mặt trời bé con của chị phải vậy không. Nguyễn?

Thầy Linh
—(1983)—

PHẦN HAI VĂN HỌC THẾ GIỚI

CHƯƠNG I VĂN THƠ CỔ

BÀI 33

KÊ LẠI Ở THẠCH HẢO (1)

Chiều trú xóm Thạch Hảo,
Đêm, nhà lại bắt người.
Ông già vượt tường trốn,
Bà già ra cửa dòm.
Viên lại quát dõ quá
Bà van thật đến khờ!
Van rằng: « Có ba trai
Nghiệp Thành đều đi thò. ⁽²⁾
Một đứa gửi thư nhân:
Hai đứa vừa chết trận.
Đứa chết đánh thiệt phần
Đứa sống đau chặc chần!
Trong nhà không còn ai
Có cháu đang bú thoi. ⁽³⁾
Mẹ cháu chưa rời cháu.

Ra vào quần tã tôi.
 Tuy sức yếu, già đây.
 Xin theo về đêm nay,
 Đến Hà Dương kịp việc. (4)
 Còn thời bữa sớm mai.
 Đêm khuya, lời đã tắt.
 Đường nghe khóc âm ư.
 Sáng ra chào lên đường.
 Minh ông già với khách.

ĐỖ PHỦ (?)

(Khuông Hồn Đặng dịch)

1 - (1) *Lời*: từ dùng để chỉ những viên chức cấp dưới ở của quan như đồ lại, đề lại, thư lại trong thời phong kiến. Bốn này thường xon xó, đục khoét nhân dân chẳng kém gì bọn quan lại nên tục ngữ ta mới có câu: Một đời làm lại bại hoại ba đời. Thạch Hào là một thêu ở Trung Quốc ngày xưa. Đỗ Phủ đi qua thôn này xin ngủ trọ tại nhà một ông bà lão, đêm xảy ra việc bốn nhà, tất đến bà lão.
 (2) *Đi thả*: đi lính thời phong kiến đóng đồn phòng thủ ở biên giới, đây là vùng Nghiệp Thành. (3) Có người gái thích là người vợ góa, con còn nhỏ, chưa bỏ đi lấy chồng.
 (4) *Hà Dương*: tên một địa phương ở Trung Quốc ngày xưa. (5) Bài thơ làm trong hoàn cảnh nhà Đường trải qua một thời kì cực thịnh đến giữa thế kỉ thứ VIII thì chính quyền trở nên ruồng rã, vua Đường sa chơi hưởng lạc, bọn gian thần hoành hành. Năm 755 một tướng nhà Đường là An Lộc Sơn gốc người nước Hồ, nổi loạn, đánh chiếm kinh đô Tràng An, An Lộc Sơn cầu kết với giặc Hồ ở phương Bắc tràn vào, ra sức đốt nhà, cướp của, giết hại dân lành. An Lộc Sơn chết, tay chân của y là Sở Tư Minh đẩy binh làm loạn. Cuộc chiến tranh hơn 7 năm chống An-Sở và giặc Hồ là một cuộc chiến tranh chính nghĩa cứu Tổ Quốc bị giặc Hồ và bọn phiến loạn giày xéo. Nhưng xét đến cùng, cuộc chiến tranh hao người tốn của gây muôn vạn đau khổ cho nhân dân là do nhà Đường suy yếu thời nãi dẫn đến nội loạn và ngoại xâm. Năm 759 trên đường từ Lạc Dương đi Hoa Châu, chứng kiến cảnh đau thương vô hạn của nhân dân trong chiến tranh và áp bức, Đỗ Phủ đã viết sáu bài thơ nổi tiếng, ba bài nói về

bốn nhà lại (ba bài này gọi chung là Tam lại, trong đó có bài Kể lại ở Thạch Hào) ba bài nói về nỗi biệt li đau khổ của thân dân (ba bài này gọi chung là Tam biệt).

Tác giả Đỗ Phủ (712 - 770), hiệu Thiếu Lang, người tỉnh Hà Nam (Trung Quốc) là một trong những nhà thơ lớn đời Đường. Làm thơ từ lúc 7 tuổi, năm 14 tuổi đã trở thành nhà thơ trẻ được các bậc đàn anh mến phục. Năm 20 tuổi, bắt đầu cuộc sống nghèo khổ khắp đó đây, ba lần đi với khoảng thời gian gần mười năm. Năm 34 tuổi lên kinh đô thi mong thực hiện lí tưởng giúp vua làm cho thuần phong mỹ tục nhưng bị đánh hỏng. Năm 35 tuổi được bổ làm chức quan nhỏ giữ vệ khí và chìa khóa cửa, một anh quân lí kho Năm Ấy (755), nổ ra cuộc bạo loạn của An Lộc Sơn đưa quân nước Hồ vào tàn phá Trung Quốc, ông bị quân An Lộc Sơn bắt giải về Tràng An, sống nửa năm trong vũng lầy chiếm, ông không chịu hợp tác với giặc trốn khỏi Tràng An. Khi Tràng An được giải phóng, ông được bổ giữ chức cũ, nhưng bốn gian thần công kích, ông bị đẩy đi nơi khác. Năm 759 ông xin thôi làm quan, đưa gia đình trôi giạt khắp nơi, sống nghèo khổ. Nhờ bạn bè giúp đỡ được mái nhà tranh, ông đào một cái ao để rửa mặt, một giàn bếp tạt, nhiều lần lao đao chạy loạn, cuối trên một chiếc thuyền rách trong một trận lụt, để lại cho đời một núi thơ hiện thực, phản ánh trung thành cả một thời đại đầy máu thuẫn, biến động, và đau khổ. Thơ ông chứa chan lòng yêu nước, thương dân, chống bất công bạo ngược, rất coi trọng tình nghệ thuật của thơ ca.

II - Thể thơ ngũ ngôn cổ thể, lối trang thiên, khá tự do, số câu không hạn định, có thể văn bằng hay văn trắc, hai câu một vãn, không cần đối ngẫu. Loại thơ này có khả năng biểu hiện khá cao, vừa tả cảnh, tả người, tả tình, kể chuyện (Xem lại bài "Chết chuột" của Nguyễn Bình Khiêm).

Chú ý đọc thầm rõ từng cặp hai câu có khoảng cách giữa hai cặp. Đọc thống thiết lời văn của bà lão.

III - 1. Sáu câu mở đầu ngắn gọn đã vẽ ra một cảnh tượng như thế nào và thái độ của tác giả trước cảnh tượng đó ra sao?

2. Qua lời kể lể của bà lão, em thấy cảnh ngộ gia đình bà thảm thương đến chừng nào? (có ai không khổ không? có

nỗi khổ nào gia đình bà không phải gánh chịu không? Vì sao đời bà khổ đến thế? Bằng cách nào tác giả đã vẽ ra được một cảnh ngộ thương tâm đến thế? Trái tim thương cảm của nhà thơ muốn giấu giấu sau hiện thực khách quan nhưng vẫn hiện lên trên giấy qua những chi tiết nào?

3. Tại sao bà lão đau khổ đến cùng cực vẫn gọt nước mài len đường để sống mãi kịp phục vụ bữa cơm sáng của binh sĩ? Đọc kĩ chú giải (5) để giải thích mâu thuẫn trên. Từ đó em thấy Đỗ Phủ đã hiểu sâu cuộc đời và tâm hồn nhân dân như thế nào?

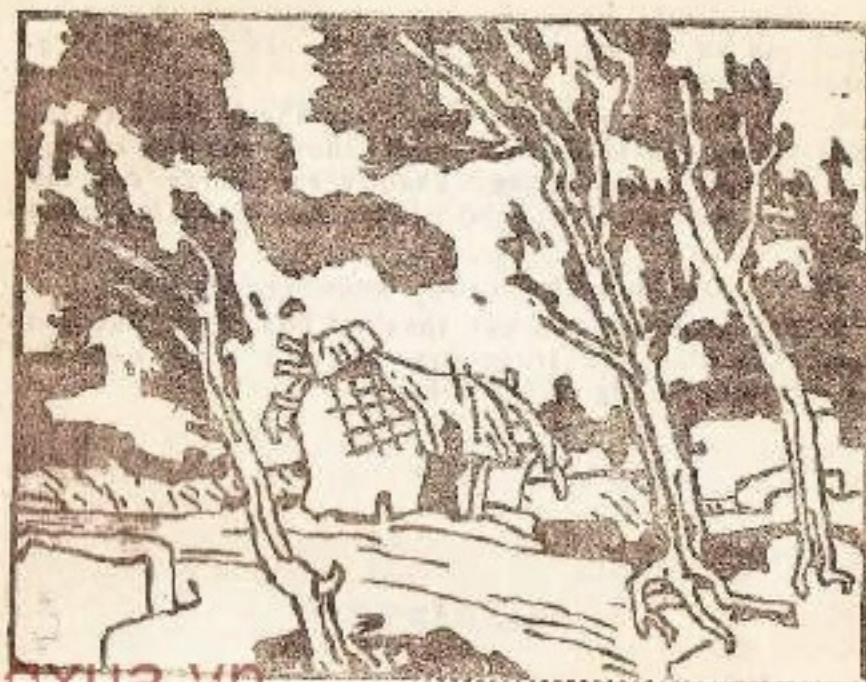
IV-1. Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ

2. Dựa vào lời kể của bà lão để thấy khả năng đau khổ chưa hết, những đau khổ mới còn đến với bà, hãy tưởng tượng tiếp câu chuyện và viết một đoạn văn kể tiếp nỗi khổ của bà lão

BÀI 34

BÀI HÁT GIÓ THU TỐC NHÀ 1)

Tháng tám mùa thu, gió thổi lồng
Tranh mái nhà ta bốc sạch không
Tranh bay rải khắp ven sông ấy
Cái mặc cánh cao, cái giữa dòng
Xóm nam, lũ trẻ khinh già yếu
Nữ cướp liền tay trước mặt ta.
Ôm tranh, chúng chạy vội về nhà
Khản tiếng, rất lâu, đành chịu mất
Quay về, vụn gậy, thổ than hoài
Chốc lát gió yên, mây đen kịt
Trời thu mở mít, tối sập rồi.
Chăn vải lảo nhào lạnh hơn sắt
Con thơ nằm hồn đạp rách toang
Nhà dột, đầu giường đều ướt sũng
Mưa đêm dày hạt mãi chưa tan
Từ ngày loạn lạc, sinh ít ngủ
Đầm nước thau đêm, chịu nổi sao!
Ước gì ngăn vạn gian nhà rộng
Che khắp thể gian, dân rét mừng.



Vùng núi núi, gió mưa, chẳng chuyển
Than ôi, bao giờ mắt thấy ngôi nhà ấy
Đầu lâu tan, riêng ta chết cồng cồng cam lòng.

ĐỖ PHỦ
(N.T. dịch)

I- Nam 760, Đỗ Phủ 48 tuổi, bạn bè giúp đỡ ông dựng được một mái nhà tranh bên một bờ khe ở phía Tây Thành Đô, năm sau gian nhà bị gió thổi tốc mái.

II- Có nhiều cảnh trong bài, tùy theo từng cảnh mà thay đổi cách đọc (cảnh gió tốc nhà, cảnh trẻ cướp tranh, cảnh nhà dột đêm rét, cảnh mưa ước). Chú ý nhấn mạnh những cụm từ cuối câu, đặc biệt đọc to, giọng sáng khoái mấy câu kết.

III-1. Bài thơ chỉ kể chuyện mái nhà tốc tranh mà như một cuốn phim làm sống lại bao cảnh đời. Em thấy những cảnh gì trong bài thơ? Bằng cách nào, tác giả làm sống lại những cảnh ấy? Cảnh nào gây cho em nhiều cảm xúc, suy nghĩ nhất?

2. Câu chuyện riêng của một người mà có thấy bóng dáng của xã hội gây ra nó và những vấn đề xã hội gì được đặt ra?

3. Cái đem ấy, nhà thơ sống trong những điều kiện vật chất không còn là của con người, nhưng nhà thơ có chịu mất đi tính người không? Theo ý em, những câu thơ nào đẹp nhất trong bài thơ? (Hình ảnh đẹp? tư tưởng đẹp?)

IV - 1. Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ

2. Tập chuyển 5 câu kết thành 4 hoặc 6 câu lục bát (cố dùng hình ảnh trong đoạn thơ; nói được ý chính, có thể thiếu những chi tiết phụ).

BÀI ĐỌC THÊM

NĂM SẮP HẾT

Năm trên gạo kém thiếu lương
Năm nay gạo rẻ tội nhà nông
Quan lớn trong triều ngấy rượu thịt,
Bọn dân manh vãi tằm tranh không
Hướng nghe chồn chồn bán con cái
Vì thuế vì tô cắt khúc lòng

ĐỖ PHÚ

(Khương Hữu Dụng dịch)

BÀI 35

ĐƯỜNG ĐI KHÓ ⁽¹⁾

Bình vàng, rượu quý đáng tiền vạn
Mâm ngọc, thức ngon giá mười ngàn.
Đàn chén, ném dũa, nuốt không được,
Vung gươm bốn phía lòng mênh mang

Bằng đày sông, khó nổi vượt Hoàng Hà ⁽²⁾
Tuyết mù trời, không đường lên núi Thái Hằng ⁽³⁾
Ránh rồi buông câu bờ suối biếc
Chợt cười thuyền mơ đến bên mặt trời ⁽⁴⁾
«Đường gian nan! đường gian nan!»
Bao ngã rẽ, giờ đang ở đâu?
Đề sông cười gió, hẳn có lúc
Giông thẳng buồm mây, vượt biển khơi.

LÝ BẠCH

(Hoàng Tào dịch)

1 - (1) Hành lộ nan: nghĩa là đường đi khó, tên một ca khúc đời xưa. Nhà thơ mượn tên ca khúc làm nhan đề bài thơ nói lên chí khí của mình. (2) Hoàng Hà: tên một con sông lớn ở Trung Quốc. (3) Thái Hằng: dãy núi lớn ở giữa ba tỉnh Hà Nam, Sơn Tây, Hà Bắc của Trung Quốc. (4) Nguyên văn chữ Hán là: Mộng nhất biên, mơ đến bên (biên) mặt trời (nhật), cũng có nghĩa là đến kinh đô nhà vua.

Tác giả: Lý Bạch (701 - 762), người Tứ Xuyên, là một trong những nhà thơ đời Đường tinh tình phóng khoáng, không chịu một sự trói buộc nào, ông không chịu đi thi làm quan mặc dù từ nhỏ học rất giỏi. Ông thích mua kiếm, luyện gươm, lớn lên xách gươm đi khắp nước, sống cuộc đời hiệp khách và thi nhân. Năm 42 tuổi, có người tiến cử ông vào kinh, giữ một chức quan trong Hàn Lâm Viện. Không đầy 3 năm ông lại bỏ quan, tiếp tục cuộc đời phiêu lãng do đây chữ không chịu «uốn lưng cúi mặt phụng thờ bọn quyền quý». Trong loạn An Lộc Sơn (755) ông theo Lý Lan chống thù trong giặc ngoài, triều đình sợ Lý Lan thắng sẽ cướp ngôi nên giết Lý Lan, ông bị kết tội nhưng được ân xá. Ba năm cuối đời, ông lại bỏ bỏ phiêu lãng, giữa đường bị bệnh phải trở về và qua đời, để lại hơn một nghìn bài thơ. Thơ Lý Bạch viết theo phong cách lãng mạn, rất tự do phóng khoáng trong nội dung và tràn đầy tưởng tượng và cảm xúc, giống như «con ngựa trời bay trên mây tầng mây». Thơ Lý Bạch là thơ của một tâm hồn phóng khoáng, có hàng tâm khí phóng, yêu đời, yêu tự do, yêu Tổ quốc, yêu thiên nhiên, ghét cuộc đời tù túng, tầm thường, xấu xa.

II - Bài thơ hào hùng, đầy khí phách, ghê gớm đời
tâm thường, muốn cuộc đời cao rộng. Đọc với giọng
khăng khải, đặc biệt là các câu 3 - 4, 7 - 8, 11 - 12.

III - 1. Ý tác giả muốn nói gì trong 4 câu đầu? 4 câu
tiếp? 4 câu cuối? Nhưng cách nói của tác giả có gì đặc
biệt khác cách nói của chúng ta? Thử phân tích một
hai câu làm ví dụ.

2. Bài thơ nói đến đường đời khó đi. Phân tích từng
đoạn thơ (4 câu một) để thấy mỗi đoạn nói đến một loại
khó khăn khác nhau nhưng cả ba đoạn đều thể hiện nhất
quán bằng hình tượng thơ một thái độ sống cao đẹp như
thế nào?

Bài thơ không phải là một bài thơ kêu than. Hãy
dựa vào tiêu đề của Lý Bạch để thấy nhà thơ nói những
điều mình đã sống.

IV - 1. Tập diễn đạt bằng hình ảnh những ý sau:
Đường đời bao giờ cũng đầy khó khăn; thành công không
tự nhiên mà có; gian nan thử sức khó khăn rèn luyện
con người.

2. Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ.

BÀI 36

XA NGẮM THÁC NÚI LƯ (1)

(Vọng Lư sơn bộc bộ)

Dịch nghĩa:

Mặt trời chiếu núi Hương Lô, sinh làn khói tia (2)
Xa nhìn dòng thác trên dòng sông phía trước
Thác đổ như bay thẳng ba ngàn thước
Ngõ là sông Ngân rơi xuống từ chín tầng mây.

Dịch thơ:

Nắng rọi Hương Lô, khói tia bay
Xa trông dòng thác trước sông này

Nước bay thẳng xuống ba ngàn thước
Tưởng dải Ngân hà (3) tuột khỏi mây.

LÝ BẠCH

(Tương Như dịch)

I - (1) Núi Lư: núi Hương Lô ở tỉnh Giang Nam, Trung
Quốc ngày nay. Hương Lô nghĩa là lò hương. Núi cao
có mây khói bao phủ trông như chiếc lò hương. (2) Tia:
màu đỏ pha tím sẫm. (3) Ngân hà: còn gọi là sông Ngân,
một tập hợp gồm rất nhiều tinh tú tạo thành một dải
lớn màu trắng giống như một dòng sông màu bạc vắt ngang
trời.

II - Đọc nhấn mạnh hai câu cuối

III - 1. Dựa vào nội dung của bài thơ, hãy tưởng
tượng xem cảnh thác núi Lư đẹp như thế nào? Và hình
ảnh nào là đẹp nhất? Tại sao?

2. Qua cách Lý Bạch nhìn và tả thác núi, em có nhận
sét gì về thơ Lý Bạch?

II

CẢM NGHĨ TRONG ĐÊM THANH TĨNH

(Tĩnh dạ tư)

Dịch nghĩa:

Ánh trăng sáng đầu giường
Ngõ là sương mặt đất
Ngang đầu ngắm trăng sáng
Cúi đầu nhớ cố hương

Dịch thơ:

Đầu giường ánh trăng rọi
Ngõ mặt đất phủ sương
Ngang đầu nhìn trăng sáng
Cúi đầu nhớ cố hương (1)

LÝ BẠCH

(Tương Như dịch)

I - (1) *Cổ hương*: quê cũ, quê quán của mình. Gia đình Lý Bạch đến ở đất Ba Thục (Tứ Xuyên) từ khi ông 5 tuổi, suốt đời Lý Bạch vẫn coi đất Ba Thục là quê hương của mình. Thuở nhỏ, ông từng lên núi Nga Mi của quê hương để ngâm thơ. Từ năm 25 tuổi đến khi ông qua đời ở tỉnh An Huy, Lý Bạch sống cuộc đời phiêu lãng khắp đó đây, xa quê hương, muốn đem tài năng ra giúp đời mà tài năng của ông không được dùng. Điều này giúp ta hiểu tâm tư của ông trong bài "Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh".

II - Đọc giọng trầm lắng, hai câu kết nhấn mạnh hai ngữ: "ngủ đầu", "củi đầu".

III - 1) Tìm hiểu trình tự kết cấu của bài thơ

2) Phân tích cái hay của hai câu kết. (Nghệ thuật tạo hình ảnh? Nghệ thuật biểu hiện nội tâm?). Qua bài thơ em có thêm nhận xét gì về thơ Lý Bạch?

IV - Đọc diễn cảm và học thuộc lòng hai bài thơ trên.

BÀI ĐỌC THÊM

KHÚC HÁT HẢI SEN

Cô cô con gái nhà ai,
Hải sen chơi ở bên ngoài Nhục Gia.
Mặt hoa cười cách đóa hoa,
Cũng ai nói nói mặn mà thêm xinh.
Áo quần mặc mới trắng tinh,
Nắng soi đây nước rung rinh bóng lông.
Thơm tho vạt áo gió tung.
Bay lên phấp phới trong không ngại ngạo,
Năm ba chàng trẻ nhà nào,
Ngựa hồng rặng liễu bờ cao bóng người.
Ngựa kêu lẩn bước hoa rơi.
Đoài trông ai đó, ngậm ngùi tiếc thương.

LÝ BẠCH
(Tân Đà dịch)

(1) *Nhục Gia*: nay thuộc huyện Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, tương truyền ngày xưa Tây Thi từng giặt lụa ở đó.

ĐÔI ÉN RỜI NHAU (1)

Nhờ nhờ cặp én bay đôi,
Bay đôi quần quýt cho người mến yêu.
Lầu vàng, gác ngọc, song thêu,
Khi mai chập cánh, khi chiều sóng vai.
Lửa dầu cháy Bách Lương Đài (2)
Cung Ngô tưởng được là nơi ở bền. (3)
Lửa Ngô phụt lại bùng lên,
Con tan, tổ vỡ biến thiên chẳng ngờ.
Chiếc thuyền ôi góa bơ vơ,
Nhớ chồng biết đến bao giờ cho khuây?
Mong chi chập cánh cùng bay,
Lòng ta ao ước thương mây én ơi!

LÝ BẠCH
(Trúc Khê dịch)

Chú giải

(1) Đề chữ Hán là *Song Yến Li*, tên một khúc nhạc cổ; nhà thơ nhận cái đề đó làm bài thơ này, ngụ ý phê phán hiện thực, châm biếm bọn quý tộc và bọn quyền cao chức trọng sống vương nhử vào vua chúa, như chim én làm tổ ở trên những lầu đài bên vừng, mơ tưởng được hưởng hạnh phúc đời đời; không ngờ lầu đài cháy, én vỡ tổ, chim con chết, chim sống cũng hết đời. (2) Lầu đài do Hán Vũ Đế dựng lên, sau bị đốt cháy. (3) Cung vua Ngô, chỉ đài Cô Tô do Ngô Phù Sai xây dựng để cùng vui chơi với nàng Tây Thi. Lý Bạch có làm bài nói về chuyện này. "Thăm dấu cô đài Cô Tô" và "Khúc hát quạ đau" cũng là những bài thơ phê phán giai cấp thống trị.

LẦU HOÀNG HẠC⁽¹⁾

Hạc vàng ai cưới đi đâu,
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ.
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bay giờ còn bay.
Hán Dương sông tạnh, cây bầy,⁽²⁾
Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non.⁽³⁾
Quê hương khuất bóng hoàng hôn,⁽⁴⁾
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?

THÔI HIỆU
(Tân Đà dịch)

Chú giải

Thôi Hiệu: (704—754) tương truyền Lý Bạch đi chơi Vũ Xương, lên lầu Hoàng Hạc, định làm thơ vịnh cảnh đẹp, nhưng thấy bài thơ của Thôi Hiệu đề ở vách, cảm thấy mình không thể làm hay hơn, bèn gác bút tại.

(1) Lầu Hoàng Hạc: tên một cái lầu ở góc tây nam thành Vũ Xương, tỉnh Hồ Bắc, tương truyền Phí Văn Vi thành lập, thường cưới hạc đến đây. (2) Hán Dương: một địa điểm bên sông Trường Giang, tỉnh Hồ Bắc, đứng trên lầu Hoàng Hạc nhìn ra phía trước, có thể thấy rõ dòng sông và cây cối. (3) Bãi Anh Vũ: tên bãi trên khúc sông thuộc Vũ Xương. (4) Cảnh đẹp khiến nhà thơ chạnh nhớ đến quê hương, nhìn khói sóng trên sông mà buồn lang lang.

BÀI 37

GÃ TƯ SẢN HỌC ĐỜI QUÝ TỘC

1—VÀI NET VỀ TIỂU SỬ TÁC GIẢ:
Mô-li-e (1622 — 1673)

Mô-li-e là nhà viết hài kịch lớn nhất của nước Pháp, người sáng lập ra nền hài kịch cổ điển ở Châu

Âu. Ông tên thật là Giăng Báp-tit-xơ Pô-cơ-lanh, sinh ra ở Pa-ri năm 1622 trong một gia đình làm nghề buôn bán những vật trang trí nhà cửa dưới triều vua Lu-i XIII (1610 — 1643). Hồi thiếu thời ông theo học tại trường trung học Clec-mông. Năm 1639, ra trường, ông theo học pháp lý ở Oóc-lê-ăng. Nhưng ông không thích nghề luật sư, chỉ ham mê sân khấu. Vì vậy, đến năm 1643, ông cùng với một nhóm bạn sáng lập ra một đoàn kịch và ông tự lấy biệt hiệu là Mô-li-e. Đoàn kịch hoạt động được hai năm thì tan vỡ vì không cạnh tranh được với các đoàn kịch nhà nghề và Mô-li-e bị tù vì nợ nần. Ở tù ra, ông gia nhập một đoàn kịch lưu động và theo họ đi biểu diễn ở các tỉnh trong 13 năm (1645 — 1668). Trong thời gian đó, ông đã trải qua nhiều gian khổ thử thách và trở nên một diễn viên thành thục. Năm 1650, ông đứng đầu một đoàn kịch, vừa làm giám đốc, vừa làm diễn viên, và cũng bắt đầu sáng tác hài kịch. Dần dần ông trở thành nổi tiếng và được hoan nghênh nhiệt liệt.

Tiếng tăm lòng lẫy đến tận Pa-ri. Năm 1658, Mô-li-e đưa đoàn kịch của ông về Pa-ri và được vời đến diễn tại điện Lu-vơ. Sau đó, vua Lu-i XIV (1643—1715) cho phép đoàn kịch được đóng kịch tại ở rạp hát của cung Pơ-ti Búc-bông trong điện Lu-vơ dưới sự đỡ đầu của nhà vua. Kịch của ông đều là hài kịch. Ông châm biếm hết mọi hạng người, mọi tật xấu trong xã hội, cho nên, lúc đương thời, ông bị công kích kịch liệt. Người ta gièm pha, nói xấu, vu cáo và tìm cách không cho ông diễn xuất. Mặc dầu vậy, trong khoảng trên dưới 15 năm ông đã sáng tác được trên dưới 30 vở, phần lớn là những vở kịch dài năm hồi trong đó có rất nhiều kiệt tác như: Những người đàn bà kiêu cách rôm (1659), Tác-tuýp (1664), Người yếm thơ (1666), Leo hà tiện (1668), Gã tư sản học đời quý tộc (1670), Những bà thông thái (1672), Người bệnh tưởng (1673), v.v...

Chính trong buổi biểu diễn lần thứ ba vở «Người bệnh tưởng» (17-2-1673), Mô-li-e, sắm vai chính, vốn bị bệnh phổi từ lâu, lại lao lực quá độ, đã bị ngất, ngã phục xuống, sau đó từ trần.

II-LƯỢC THUẬT NỘI DUNG TÁC PHẨM

«Gã tư sản học đòi quý tộc» (1670) là một trong những tác phẩm của Mô-li-e được nhiều người biết nhất. Đó là một vở nhạc vũ kịch, tức là một thứ kịch giữa các câu đối thoại có trình bày âm nhạc và các điệu múa.

Vở kịch kể chuyện một gã tư sản, lão Giuốc-danh, nhờ bố mẹ ngày trước buôn len da làm nên giàu có, nên tập tành muốn bỏ tiền ra mua tước vị quý tộc; lão giao du với một gã bá tước sa sút, Đơ-răng, muốn nhờ thế lực y ở trong cung vua để giúp lão thực hiện giấc mộng quý tộc, lại muốn nhờ y làm mối giới thiệu «bắt bỏ» một bà quý tộc, bà hầu tước Đơ-ri-men, chính là tình nhân của gã bá tước kia, và lão bỏ ra rất nhiều tiền để tổ chức những cuộc vui, lấy lòng hầu tước phu nhân, trong khi ấy thì gã bá tước lại làm cho bà hầu tước hiểu rằng chính y bỏ tiền ra để thiết đãi bà ta, mà chỉ mượn nhà lão Giuốc-danh thôi. Vốn chỉ là một anh trọc phú không có học thức, lão muốn bắt chước những người quý phái, muốn thầy về học đủ các môn, từ âm nhạc, khiêu vũ, kiếm thuật, đến triết học, v.v... Những mộng diễn rồi của lão làm cho lão trở thành gần như mất trí, để cho mọi người lừa dối dễ dàng, từ bác phó may đến tên bá tước, và sau cùng, bị Cô-viên, đầy tớ của Clê-ông, bày trò phong tước Ma-ma-mu-si cho lão, để lão ưng thuận gả con gái cho Clê-ông, giả trang làm hoàng tử Thô Nhĩ Kì.

ÔNG GIUỐC-DANH HỌC TRIẾT HỌC

Hồi II - lớp 4

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - ÔNG GIUỐC-DANH

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - (đang xóc lại cổ áo) ⁽¹⁾ - Chúng ta học đi thôi.

ÔNG GIUỐC-DANH - Ông ă, thấy họ đánh đâm ông, thật tôi khổ tâm quá.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Thừa ngài, không hề gì. Một nhà triết học phải biết bình tĩnh đón nhận tất cả mọi sự việc xảy ra ở đời. Để rồi, tôi trả lời chúng bằng một bài thơ châm biếm theo lời thơ của Giuy-vê-nan ⁽²⁾, cho chúng không còn mặt mũi nào nữa. Ta hãy gác chuyện ấy lại. Ngài muốn học cái gì?

ÔNG GIUỐC-DANH - Cái gì tôi cũng muốn học; tôi muốn học để trở thành một nhà bác học. Hồi tôi còn trẻ bố mẹ tôi không cho tôi theo học cần thận tất cả các môn khoa học, tôi lấy làm oán lắm.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Ngài oán là phải. Nam sine doctrina vita est quasi mortis imago ⁽³⁾. Ngài hiểu lời nói ấy chứ? Chắc hẳn Ngài cũng biết chữ latinh?

ÔNG GIUỐC-DANH - Biết, nhưng ông cứ làm như tôi không biết. Ông giảng cho tôi nghe câu ấy nghĩa là thế nào.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Câu ấy nghĩa là: không có khoa học thì đời người chẳng qua chỉ như hình ảnh của cái chết.

ÔNG GIUỐC-DANH - Cái latinh ấy chỉ lí thật!

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Ngài đã biết qua những nguyên lí, những kiến thức đầu tiên về các môn khoa học chưa?

ÔNG GIUỐC-DANH—À, có, tôi biết đọc, biết viết!

GIÁO SU TRIẾT HỌC—Thế Ngài thích chúng ta bắt đầu học môn gì trước? Ngài có muốn nghe tôi giảng về môn luận lý học không?

ÔNG GIUỐC-DANH—Cái luận lý học ấy là cái gì?

GIÁO SU TRIẾT HỌC—Luận lý học dạy ta ba phương pháp của trí tuệ.

ÔNG GIUỐC-DANH—Ba phương pháp của trí tuệ ấy là những cái gì?

GIÁO SU TRIẾT HỌC—Phương pháp thứ nhất, phương pháp thứ nhì và phương pháp thứ ba. Phương pháp thứ nhất là phải biết quan niệm bằng những khái niệm phổ biến; phương pháp thứ nhì là phải biết phán đoán bằng những phạm trù; phương pháp thứ ba là phải biết rút ra một kết luận bằng những biểu tượng. *Barbara, Celarent, Darii, Ferio, Baralipon* (¹), vân vân.

ÔNG GIUỐC-DANH—Ông nói những tiếng khó nhai quá. Tôi chẳng ưa cái luận lý học ấy tí nào. Ông dạy tôi cái gì thú thú hơn.

GIÁO SU TRIẾT HỌC—Thế Ngài có muốn học luận lý học không?

ÔNG GIUỐC-DANH—Luận lý học à?

GIÁO SU TRIẾT HỌC—Vâng.

ÔNG GIUỐC-DANH—Cái luận lý học ấy, nó nói cái gì?

GIÁO SU TRIẾT HỌC—Luận lý học luận về vấn đề hạnh phúc, dạy cho thiên hạ biết tiết chế dục vọng, và...

ÔNG GIUỐC-DANH—Ấy thôi thôi. Tôi vốn có tình cực như quý. Không có thứ luận lý nào chịu nổi với tôi, tôi muốn nổi nóng là tha hồ nổi nóng lúc nào tùy thích.

GIÁO SU TRIẾT HỌC—Hay là Ngài học môn vật lý học? (²)

ÔNG GIUỐC-DANH—Vật lý học nói cái quái gì?

GIÁO SU TRIẾT HỌC—Vật lý học là môn khoa học giải thích những nguyên lý về các vật tự nhiên và những tính chất của vật chất. Nó nghiên cứu bản chất của nguyên tố, của kim loại, khoáng vật, thạch chất, thực vật và động vật. Nó dạy ta biết những nguyên nhân của tất cả các khí tượng, cầu vồng, sao sa, sao chổi, sấm, chớp, sét, mưa, tuyết, mưa đá, gió và lốc.

ÔNG GIUỐC-DANH—Sao lắm tiếng vang ồ và loạn xạ quá thế?

GIÁO SU TRIẾT HỌC—Thế Ngài muốn tôi dạy Ngài cái gì?

ÔNG GIUỐC-DANH—Ông dạy tôi viết chính tả.

GIÁO SU TRIẾT HỌC—Xin lãnh ý.

ÔNG GIUỐC-DANH—Sau đó, ông dạy tôi niên lịch thông thư để biết khi nào có trăng, khi nào không có trăng.

GIÁO SU TRIẾT HỌC—Được. Muốn làm theo được ý kiến Ngài và muốn luận giải vấn đề này theo phương pháp triết học, thì, theo như trật tự của môn vật, trước hết phải có một sự hiểu biết đúng đắn về bản chất của các chữ, về cách phát âm khác nhau giữa các chữ ấy. Đến đây, tôi xin thưa với Ngài rằng các chữ đều chia ra làm nguyên âm, — gọi là nguyên âm vì những chữ ấy diễn đạt những thanh âm; và phụ âm, — vì những chữ này ghép với nguyên âm thì phát thành tiếng; phụ âm chỉ là những cách phát âm khác nhau của âm thanh. Có năm nguyên âm hoặc âm thanh: A, E, I, O, U (³).

ÔNG GIUỐC-DANH - Những cái ấy, tôi hiểu rồi.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Đọc âm A thì phải há to miệng : A

ÔNG GIUỐC-DANH - A, A, phải rồi.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Đọc âm E thì phải nhích hàm dưới gần hàm trên : A, E.

ÔNG GIUỐC-DANH - A, E; A, E. Quả thật, đúng quá. Trời, thật là tuyệt!

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Và muốn đọc âm I thì hai hàm răng phải sít hơn nữa và phải nhếch hai mép đến tận mang tai : A, E, I.

ÔNG GIUỐC-DANH - A, E, I, I, I, I, I. Chỉ li thật. Khoa học muôn năm!

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Đọc âm O thì phải há hai hàm răng và chụm hai môi lại để cho mép trên và mép dưới gần nhau : O.

ÔNG GIUỐC-DANH - O, O. Không gì đâu! Hạng A, E, I, O, I, O. Tuyệt quá! I, O, I, O

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Miệng há ra như vậy đúng là cái hình tròn giống hệt chữ O.

ÔNG GIUỐC-DANH - O, O, O. Ông nói đúng lắm, O. Trời! Quý hóa thay là sự hiểu biết!

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Đọc âm U, phải để hai hàm răng gần nhau, nhưng đừng cho khít chặt quá, và môi phải bĩu ra, cho chụm lại nhưng không dính chặt với nhau : U.

ÔNG GIUỐC-DANH - Đúng quá đi mất, U.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Hai môi Ngài trề ra như lúc Ngài bĩu môi. Thành thử khi Ngài muốn bĩu môi chế giễu ai, Ngài chỉ việc nói với anh ta : U

ÔNG GIUỐC-DANH - Đúng quá. Thế mà tôi không được học sớm sớm một chút để biết tất cả những điều bổ ích này.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Mai chúng ta sẽ học những chữ khác, tức là những phụ âm.

ÔNG GIUỐC-DANH - Thế cũng có những hay ho như những cái này chứ?

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Tất nhiên. Ví dụ muốn đọc phụ âm D (¹), phải để đầu lưỡi trên hàm răng trên : DA.

ÔNG GIUỐC-DANH - DA, DA. Phải. Tuyệt thật! Tuyệt thật!

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Đọc chữ F (²) thì ấn răng trên vào môi dưới : FA

ÔNG GIUỐC-DANH - FA, FA. Chỉ phải. Ồi cha ời là mẹ ời, tôi oán các người lắm.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Và chữ R (³) thì phải đưa đầu lưỡi lên áp hàm ếch; như vậy, hơi lọt mạnh qua, đẩy lưỡi xuống và lưỡi lại trở lại vị trí cũ, làm thành một tiếng rung rung : R, ra.

ÔNG GIUỐC-DANH - R, r, ra. R, r, r, r, r, ra. Đúng. Ông thật là một người tài. Thế mà tôi đã bỏ phí bao nhiêu thời gian. R, r, r, ra.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Để rồi tôi giảng cho Ngài đến nơi đến chốn tất cả những sự kì diệu này.

ÔNG GIUỐC-DANH - Xin vâng. Và lại, tôi còn phải nói với ông điều tâm sự này. Số là tôi phải lòng một bà quý phái; tôi muốn nhờ ông giúp tôi viết một lá thư để tôi để rơi dưới chân nàng.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Được lắm.

ÔNG GIUỐC-DANH - Viết thế nào cho thật tình vào!

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Tất nhiên. Ngài có muốn làm thơ gửi đi không?

ÔNG GIUỐC-DANH - Không, không, thơ thì không được.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC - Ngài chỉ muốn viết bằng văn xuôi thôi à?

ÔNG GIUỐC-DANH — Không, chẳng thơ mà cũng chẳng văn xuôi gì hết!

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC — Thì thế nào, cũng phải một trong hai thứ chứ!

ÔNG GIUỐC-DANH — Tại sao?

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC — Thưa Ngài, vì lẽ là ngoài thơ và văn xuôi, người ta không có cách nói nào khác.

ÔNG GIUỐC-DANH — Chỉ có văn xuôi và thơ thôi à?

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC — Thưa Ngài, vâng: cái gì không phải văn xuôi tức là thơ, và cái gì không phải thơ tức là văn xuôi.

ÔNG GIUỐC-DANH — Thế lời người ta nói hàng ngày, nó là cái gì?

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC — Văn xuôi.

ÔNG GIUỐC-DANH — Hà? Khi tôi nói: «Ni-côn, lấy cho tao đôi giày bằng túp và đưa cho tao cái mũ đội đêm», như thế là văn xuôi à?

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC — Thưa Ngài, chính thế.

ÔNG GIUỐC-DANH — Quá thật, hơn bốn mươi năm trời nay tôi nói bằng văn xuôi, thế mà tôi không biết. Ông dạy cho điều ấy, thật tôi cảm tạ vô cùng. Thế thì tôi muốn viết cho nàng một lá thư: «Thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, đôi mắt đẹp của nàng làm tôi say đắm vì tình», nhưng tôi muốn đặt câu ấy thế nào cho thật tình tứ, xoay thế nào cho thật có duyên.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC — Ngài sẽ viết là: những tia lửa của đôi mắt nàng thêu cháy trái tim Ngài thành ngàn tra và ngày đêm Ngài chịu những giày vò của một...

ÔNG GIUỐC-DANH — Không, không, không tôi không muốn viết thế. Tôi chỉ muốn viết có một câu lúc

này: «Thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, đôi mắt đẹp của nàng làm tôi say đắm vì tình».

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC — Nhưng phải tán rộng thêm một chút chứ!

ÔNG GIUỐC-DANH — Tôi đã bảo không là không: tôi chỉ muốn viết một câu ấy thôi, nhưng đảo thế nào cho đúng mốt, sắp đặt thế nào cho hay. Ông nói cho tôi nghe thử các cách đặt câu ấy như thế nào.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC — Một là có thể đặt như Ngài vừa nói: «Thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, đôi mắt đẹp của nàng làm tôi say đắm vì tình». Hoặc: «Vì tình làm tôi say đắm, thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, đôi mắt đẹp của nàng». Hoặc: «Đôi mắt đẹp của nàng vì tình làm tôi, thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, say đắm». Hoặc: «Say đắm đôi mắt đẹp của nàng, thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, vì tình làm tôi». Hoặc: «Làm tôi đôi mắt đẹp say đắm, thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, vì tình».

ÔNG GIUỐC-DANH — Thế nhưng trong tất cả các lối đặt ấy, lối nào hay hơn cả?

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC — Chính là câu Ngài nói: «Thưa hầu tước phu nhân xinh đẹp, đôi mắt đẹp của nàng làm tôi say đắm vì tình».

ÔNG GIUỐC-DANH — Ấy thế là tôi chưa học hành gì dầy nhè, thế mà đã thành công ngay từ bước đầu! Tôi cảm ơn ông vô cùng: đến mai mờ, ông lại sớm sớm cho.

GIÁO SƯ TRIẾT HỌC — Tôi không dám sai hẹn (vào).

MÔ-LI-E

(Trích «Gatru sân học đôi quý tộc»)

1—(1) Cảnh này xảy ra sau cảnh đầu đã giữa giáo sư triết học và giáo sư âm nhạc, giáo sư khiêu vũ, giáo sư dạy võ

Vì khóa học, giáo sư triết học bị hơn kia đánh một trận nên thân. (2) *Gin-y-ô-na*: nhà thơ châm biếm là tính (60 - 125 sau công nguyên). (3) Một câu là tính, trích trong một vở kịch đầu thế kỉ XVII. (4) Chữ là tính. Những chữ này không có ý nghĩa gì cả. Đó là một câu thơ cốt để nhờ cái gọi là tam đoạn luận thời trước. (5) Vật lí học: trước kia là một danh từ chỉ chung các môn khoa học tự nhiên. (6) Những nguyên âm A, E, I, O, U của Pháp đọc là: A. Ô, I. Ô, Uy. (7) Phụ âm D đọc là Đ. (8) Phụ âm F đọc là ÊP. (9) Phụ âm R đọc là ERO.

II - Tập đọc kịch bản với giọng diễn xuất (chưa phải là giọng diễn xuất trên sân khấu thực). Giọng đọc cần biểu hiện được đúng tính cách các nhân vật: nhân vật Giuốc-danh thì dốt nát quá xá, nhưng lại làm ra vẻ thông minh rôm; nhân vật Giáo sư triết học thì làm ra vẻ trịnh trọng như một nhà thông thái giáo điều và lố bịch.

III - 1. Trong lớp kịch này Mô-li-e đã chế giễu ai? Về thời tiết gì?

2. Hãy tìm hiểu nghệ thuật hai hước của Mô-li-e trong việc biểu hiện nhân vật Giuốc-danh ở lớp kịch này: Những mâu thuẫn gì ở lão đã gây cười cho người đọc?

3. Tiếp tục tìm hiểu nghệ thuật hai hước của tác giả qua nhân vật Giáo sư triết học: Những mâu thuẫn gì ở ông ta đã gây cười cho người đọc?

4. Những mâu thuẫn giữa hai nhân vật Giuốc-danh và Giáo sư triết học cũng thật là hai hước. Em hãy chứng minh.

IV - 1. Tập đọc kịch bản theo đúng yêu cầu đã hướng dẫn trong Mục II.

2. Phân vai tập đọc diễn xuất lớp kịch.

BÀI 38

ÔNG GIUỐC-DANH MẶC ÁO TRÀO ⁽¹⁾

Hồi II - Lớp

ÔNG GIUỐC-DANH - PHÓ MÂY - THỢ BÀN



ÔNG GIUỐC-DANH - Bác đã tới đây 4! Tôi sắp phát tức lên vì bác đấy!

PHÓ MÂY - Tôi không đến sớm hơn được, tôi phải cho hai mươi thợ bàn làm cái áo trào của ông.

ÔNG GIUỐC-DANH - Máy dơi bắt tất bác gửi cho tôi chat quá, xấu mãi mới vào được. Dứt mất hai mất rồi.

PHÓ MÂY - Nó giãn ra, như thế càng rộng.

ÔNG GIUỐC-DANH — Phải. Nếu cứ đứt mắt mãi thì sẽ rộng thật. Đòi giấy bác thuê đóng cho tôi đi đau quá.

PHÓ MAY — Thưa ông, không đau đâu ạ!

ÔNG GIUỐC-DANH — Sao? Không đau à!

PHÓ MAY — Không, đau sao được!

ÔNG GIUỐC-DANH — Tôi bảo đau mà!

PHÓ MAY — Ấy là ông tưởng tượng đó thôi.

ÔNG GIUỐC-DANH — Bác này lí luận hay chưa? Tôi tưởng tượng bởi vì tôi thấy đau à?

PHÓ MAY — Đây là cái áo đẹp nhất trong triều và may đúng kiểu nhất. Áo trào dùng màu thâm mà trông vẫn trang nghiêm, như thế thật là một kì công. Tôi dám chấp các thợ may giỏi nhất đấy.

ÔNG GIUỐC-DANH — Cái gì thế này? Bác may ngược hoa mất rồi!

PHÓ MAY — Nào ông có bảo rằng ông muốn hoa may xuôi đâu?

ÔNG GIUỐC-DANH — Lại cần phải bảo ư?

PHÓ MAY — Phải bảo chứ. Vì những người sang trọng đều mặc như thế này cả?

ÔNG GIUỐC-DANH — Những người sang trọng bận áo ngược hoa à?

PHÓ MAY — Thưa ông, vâng.

ÔNG GIUỐC-DANH — À! Nếu như vậy thì tốt lắm!

PHÓ MAY — Tùy ý ông, nếu muốn may lộn hoàn lại tôi cũng làm được.

ÔNG GIUỐC-DANH — Không, không.

PHÓ MAY — Xin ông cứ bảo cho biết.

ÔNG GIUỐC-DANH — Tôi đã bảo không mà Bác may như thế được rồi đấy! Theo ý bác thì áo ấy tôi mặc có coi được không?

PHÓ MAY — Còn phải nói! Tôi đồ họa sĩ nào vẽ được một cái áo vừa vặn hơn áo này (2). Tôi ở nhà có một anh thợ bận may quần cộc giỏi nhất thiên

hạ, và một anh khác lại là vô địch thế giới về khâu may áo chèn.

ÔNG GIUỐC-DANH — Bộ tộc giả và lông chim (3) đã khâu vào đấy cả chưa?

PHÓ MAY — Khâu vào đấy cả.

ÔNG GIUỐC-DANH (nhìn vào áo của bác phó may lâu lên) — Ô kìa, bác phó may! Vải này chính là vải tôi đưa bác may cái áo trào trước đây mà. Tôi nhận ra đích xác.

PHÓ MAY — Vâng, vì vải của ông đẹp quá nên tôi bớt lại một áo mà mặc.

ÔNG GIUỐC-DANH — Đánh vậy, nhưng sao bác lại bớt vải của tôi?

PHÓ MAY — Thưa ông, mời ông thử áo.

ÔNG GIUỐC-DANH — Ừ đưa đây tôi!

PHÓ MAY — Khoan đã, không nên vội như thế. Thử áo này phải mặc theo đúng nghi lễ mới được. Tôi có đem người đến đỡ mặc áo cho ông theo nhịp đàn. Nào! Các anh vào đây, mặc áo hầu ông theo lối mặc áo dành cho nhà quý phái, nghe! (Bốn người thợ bận bước vào, hai người cầm quần dài (4) của ông Giuốc-danh mặc tập võ vào rồi. Hai người thì lột áo cánh. Rồi bận áo trào một vào. Ông Giuốc-danh bận xong áo, sừng sững đi lại, chỉ vào áo hỏi xem có vớ không. Cột áo, mặc áo, chân bước, miệng nói đều theo nhịp đàn).

THỢ BẠN — Bẩm ông lớn, xin ông lớn ban cho anh em ít nhiều đồ uống rượu.

ÔNG GIUỐC-DANH — Anh vừa gọi ta là gì?

THỢ BẠN — Bẩm ông lớn ạ.

ÔNG GIUỐC-DANH — Ông lớn ư! Thế mới biết ăn mặc ra người quý phái cỡ hơn. Còn cứ giữ kiểu quê mùa theo lối trường giả hi cớ. Nào người ta gọi mình là ông lớn. Đây ta thường cho tiếng « ông lớn » đây này!

THỢ BẠN — Bầm cụ lớn, anh em chúng tôi đội ơn cụ lớn lắm lắm.

ÔNG GIUỐC-DANH — « Cụ lớn » hả, hả, cụ lớn ư ! Các con hãy thông thả đã. Cái tiếng « cụ lớn » đáng thương lắm. Cụ lớn không phải là một tiếng nói suông. Day này, cụ lớn thưởng cho các con đây này.

THỢ BẠN — Dạ dám bầm cụ lớn, anh em chúng tôi sẽ uống rượu mừng thọ Đức ông.

ÔNG GIUỐC-DANH — Đức ông à ! hả hà, hà hà. Các con chớ đi vội. Các con gọi ta là Đức ông à ! (Nói một mình) Thực tình, nếu chúng ta lên bậc điện hạ (5) thì ta sẽ cho chúng cả túi tiền. Day nữa này, thưởng cho các con về tiếng « Đức ông » day nhé.

THỢ BẠN — Dạ dám thưa cụ lớn, chúng tôi kính cần nhận lấy ân huệ của cụ lớn ban cho.

ÔNG GIUỐC-DANH (Nói một mình) — Thế là vừa phải. Nếu nó cứ tôn xưng mãi, ta sẽ mất hết cả tiền !

MÔ-LI-E (Trích « Gã tư sản lớp học đại học »)

I — (1) Áo trao : thứ áo có thêu tùy theo cấp bậc của phẩm tước đề các quan và các vị vương tôn công tử mặc khi vào chầu vua. Trông vào cái áo thêu kiểu nào thì biết được phẩm tước của người mặc áo. Lão Giuốc-danh không hiểu được điều đó, tưởng rằng muốn mặc thế nào cứ mặc, mà mặc càng đẹp người ta càng tôn trọng mình, chẳng cần phẩm tước gì cả. Đó là điều làm cho người ta phải buồn cười, nhất là khi vở kịch được đem diễn trong cung điện nhà vua, trước những khán giả thuộc tầng lớp quý tộc rất am hiểu lễ nghi ở chốn triều đình, khiến họ càng thấy rõ sự lỗ mãng lỗ lã của một gã thợ phủ tập tành muốn bắt chước họ, làm cho họ càng thêm khinh rẻ. (2) Thợ ra áo may chật quá (vì thợ may ăn bớt vải) (3) Tóc giả và lông chim : Các thứ trang sức của tầng lớp quý tộc Pháp thế kỉ 17. (4) Trông nguyên văn là những thứ quần áo mặc ngoài, nghiêm chỉnh của thời trang bấy giờ. Đây dịch tạm là : quần đùi, quần cộc, áo chèn, vì không có từ tương đương trong tiếng Việt. (5) Ông lớn :

chỉ người có chức phẩm. Cụ lớn : chỉ người có địa vị cao quý hơn. « Đức ông » : dành riêng cho hoàng tử, hoàng tôn. Những người này nếu giữ một chức trọng yếu trong triều đình thì được xưng là Điện hạ (không nên lầm với Bộ hạ, dùng chỉ vua).

II — Tập đọc kịch bản với giọng diễn xuất (chưa phải là giọng dẫn xuất trên sân khấu thực). Giọng đọc cần biểu hiện được đúng tính cách các nhân vật : nhân vật Giuốc-danh thì kịch côm và háo danh rôm, các nhân vật Phô may và Thợ bạn thì vừa vụng về vừa tham lam và lẻo lá, thủ đoạn vặt.

III — 1. Trong lớp kịch này, Mô-li-e tiếp tục chế giễu ai ? Về thời tât gì ?

2. Tìm hiểu thêm về nghệ thuật hài hước của Mô-li-e trong việc biểu hiện nhân vật Giuốc-danh ở lớp kịch này : những mâu thuẫn gì ở ông ta đã gây cười cho người đọc ? Khi ông ta đối đáp với bác Phô may ? Khi đối đáp với người Thợ bạn ?

3. Cũng tìm hiểu nghệ thuật hài hước của tác giả qua các nhân vật Phô may và Thợ bạn ; nhưng mâu thuẫn gì ở các nhân vật này đã gây cười cho người đọc ?

4. Những mâu thuẫn giữa hai tuyến nhân vật (một bên là « Ông Giuốc-danh », một bên là « Phô may » và « Thợ bạn ») cũng mang tính chất hài hước. Em hãy chứng minh.

IV — 1. Tập đọc kịch bản theo yêu cầu đã hướng dẫn ở Mục II.

2. Phân vai tập đọc diễn xuất lớp kịch

CHƯƠNG II

VĂN THƠ HIỆN ĐẠI

BÀI 39

THÉP ĐÃ TÔI THÉ ĐẤY !

I — Vài nét về tiểu sử tác giả : Ni-cô-lai A-lếch-xây-ê-vich Ô-xtơ-rốp-xki (1904 — 1936)

Ni-cô-lai Ô-xơ-rốp-xki sinh trưởng trong một gia đình lao động nghèo khổ, bố làm thợ, mẹ đi làm thuê. Sau khi học qua trường tiểu học, Ô-xơ-rốp-xki đã sớm phải « bước vào đời » và được rèn luyện từ thuở nhỏ trong lao khổ.

Cách mạng Tháng Mười đã dội chiếu ánh sáng rực rỡ vào cuộc đời ông. Năm 1919 mới 15 tuổi, Ô-xơ-rốp-xki đã tình nguyện tham gia Hồng quân chiến đấu trong sư đoàn Cô-tốp-xki nổi tiếng đánh tan bọn bạch vệ phản cách mạng. Ông bị thương nặng hai lần, mắt phải bị hỏng. Sau khi giải ngũ, ông tiếp tục tham gia nhiều công tác: hoạt động cho Đoàn thanh niên cộng sản, liên tiếp giữ những chức vụ khó khăn, lãnh đạo, cổ vũ thanh niên và tự mình hăng hái tham gia các công cuộc khôi phục kinh tế xây dựng đất nước. Năm 1924, Ô-xơ-rốp-xki gia nhập Đảng cộng sản Liên Xô.

Vì bị thương trong thời nội chiến, lại làm việc quá nhiều, sức khỏe của ông suy giảm dần. Mới 22 tuổi (năm 1926), Ô-xơ-rốp-xki đã bị bệnh nặng phải an dưỡng. Năm 25 tuổi, ông bị mù, và 26 tuổi (năm 1930) bị tê liệt hoàn toàn. Tuy vậy, ông không bao giờ nghỉ hẳn, bệnh tật không hề gây được ý chí làm việc, cống hiến cho Tổ quốc Xô Viết của ông. Cũng năm 1930, ông tham gia công tác tổ chức và huấn luyện của Đảng, đồng thời đẩy mạnh việc học tập bằng cách tự học và học hăm thụ ở một trường Đại học cộng sản. Mặt khác, bất chấp bệnh tật, ông lao vào con đường sáng tác văn học với ý muốn dùng ngòi bút để phục vụ cách mạng. Ông bắt tay vào viết cuốn tiểu thuyết « Thép đã tôi thế đấy! ». Sau nhiều lần trăn trở, phần thứ nhất của tác phẩm ra đời năm 1932. Năm 1933, tác phẩm được hoàn thành và năm 1934 được xuất bản. Tác phẩm mới ra đời đã được bạn đọc Liên Xô và thế giới nhiệt liệt ngợi khen. N. Ô-xơ-

rốp-xki nói: « Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng cuộc sống lại đem tới cho tôi một hạnh phúc lớn lao như vậy. Bị kịch khủng khiếp đã bị đập tan, tiêu diệt và cả cuộc đời tràn ngập niềm vui bách chiến bách thắng của sự sáng tạo ».

Tháng 6-1934, N. Ô-xơ-rốp-xki gia nhập Hội nhà văn Liên Xô. Tháng 10-1935, do cống hiến lớn lao của mình, ông được vinh dự là một trong những người đầu tiên nhận Huân chương Lê-nin. Sau tác phẩm « Thép đã tôi thế đấy! », Ô-xơ-rốp-xki viết cuốn tiểu thuyết mới « Ra đời trong bão táp », nhưng cái chết đã không cho phép ông hoàn thành cuốn sách: ông mất ngày 22-12-1936. Sau khi ông từ trần, Chính phủ Xô Viết đã cho thành lập một Viện bảo tàng mang tên Ni-cô-lai Ô-xơ-rốp-xki ở Mat-xcơ-va.

II - LƯỢC TRUYỆN « THÉP ĐÃ TÔI THẾ ĐẤY! »

Nhân vật chính trong tác phẩm là Pa-ven Coóc-sa-ghin, một thanh niên xuất thân từ một gia đình nghèo khổ, được cách mạng sớm giác ngộ, được Đảng dìu dắt đã lớn lên với cách mạng, với Tổ quốc Xô Viết và đã đem hết sức lực ra cống hiến cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

Từ thuở niên thiếu, Pa-ven Coóc-sa-ghin đã được rèn luyện trong lao khổ: anh đã từng làm phụ bếp ở khách sạn, làm thợ ở nhà máy cửa, làm phụ đốt lò máy. Cách mạng Tháng Mười đã xé toang bức màn đêm dày đặc bao trùm lên cuộc đời anh. Anh giác ngộ cách mạng, được Giu-kho-rai, cán bộ của Đảng hoạt động bí mật ở Sê-pê-tốp-ca bồi dưỡng, giáo dục, và từ đó bắt đầu cuộc đời đấu tranh sôi nổi của anh: anh tham gia Hồng quân chiến đấu chống

quân thù xâm lược, mới 15 tuổi đã ngồi trên mình ngựa vui say lao vào cuộc chiến đấu vì hạnh phúc của xứ U-cơ-ren và toàn thể Tổ quốc Xô Viết. Bị thương nặng ở mặt trận, anh trở về tiếp tục công tác, diệt thổ phi, xây dựng con đường sắt ở công trường Bai-ác-ca, bảo vệ biên giới, đấu tranh chống bọn to-rút-kít phản Đảng, tổ chức và huấn luyện đoàn thanh niên cộng sản, v.v... Mặc dù sức khỏe ngày một suy giảm, anh vẫn làm việc không mệt mỏi, bất chấp mọi thử thách cực kỳ gian nan. Cho đến một ngày kia anh bị mù và bại liệt, sức sống trong người cũng không hề khô cạn, anh vượt mọi gian khổ tìm con đường chiến đấu mới: sáng tác văn học trên giường bệnh. Trong lúc mọi hoạt động hầu như ngừng lại trên tấm thân tê liệt, anh vẫn đem hết ngọn lửa của trái tim khắc phục những khó khăn tưởng như không vượt nổi, để hoàn thành tác phẩm, góp phần tích cực vào sự nghiệp giáo dục lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nhân sinh quan cách mạng cho thế hệ trẻ, «đánh vào kẻ địch bằng thứ vũ khí mới của lời nói tự do, chân thật». Đối với Pa-ven Cốc-sa-ghin, cuốn tiểu thuyết của anh ra đời không những là tác phẩm đầu tay mà còn là sự trở lại hàng ngũ.

Cuộc đời sôi nổi, mãnh liệt của Pa-ven diễn ra trong khung cảnh lớn lao của thời đại Cách mạng Tháng Mười, thời nội chiến, thời khôi phục kinh tế ở Liên Xô. Cùng với diễn biến chói lọi Pa-ven Cốc-sa-ghin qua «Thép đã tôi thế đấy!» chúng ta còn thấy xuất hiện những ngôi sao sáng khác của cả một thế hệ thanh niên cách mạng như Xéc-gay, Ri-ta, Giắc-ki, Va-li-a, Cô-lim-ca, Pan-cô-ra-tốp, v.v... những con người sống trong một xã hội tràn đầy nước mắt, đã rũ bùn anh dũng vùng lên, đim đầu bọn thống trị bóc lột xuống đất đen, giành lấy quyền sống cho bản thân và góp phần xây dựng một cuộc sống mới tươi đẹp cho Tổ quốc Xô Viết.

TRÊN CÔNG TRƯỜNG BAI-ÁC-CA



Bão tuyết bỗng nổi lên dữ dội. Trời bị mây xám nghịt kéo đến phủ kín, vòm trời tụt xuống thấp hẳn. Tuyết rơi dày đặc. Đến chiều tối, gió rít vào các ống

khởi, gào thét giữa rừng cây, chạy dũi theo những cơn lốc tuyết xoáy tròn, làm cho khu rừng ngập những tiếng hú ghê sợ.

Bão găm thét, phá phách suốt đêm. Tuy lò đốt cả đêm, người vẫn thấy rét buốt thấu xương. Gian nhà ga đồ nát này không còn giữ được hơi nóng cho người.

Sáng hôm sau, các đội lao động ra làm việc, thụt chân sâu vào tầng tuyết dày cộm cộp. Nhưng trên rừng cây, mặt trời đỏ rực và nền trời trong xanh không chút vẩn mây.

Phân đội Pa-ven quét tuyết trên phân đường của mình bị ngập tuyết. Cho đến lúc này, Pa-ven mới cảm thấy hết khổ cực của giá rét. Chiếc áo cũ Ô-cu-nhép cho chàng làm anh ấm được, còn chiếc giày cao su thì nhét đầy tuyết. Đã mấy lần giày thụt vào đông tuyết, còn chiếc giày ở chân kia thì có nguy cơ bung ra. Vì anh ngủ trên sàn nhà rắn như đá nên ở cổ mọc lên hai cái nốt sưng. Cụ Tô-ca-rếp cho anh cái khăn mặt dùng làm khăn quàng cổ.

Pa-ven cầm cái xẻng to bằng gỗ hừng hực gạt tuyết người anh gây rắc rối, hai mắt sưng đỏ húp lên.

Giữa lúc đó, một chuyến tàu chở hành khách đang lạch bò đến tận ga. Chiếc đầu máy hết hơi cố sức làm mới lòi được con tàu về đây. Trong toa than, không còn lấy một thanh củi, những thanh củi cuối cùng sắp cháy rụi hết trong lò.

Người thợ máy kêu với trưởng ga:

— Cho củi thì chúng tôi đi, bằng không thì bay giờ trong máy cũng hãy còn có cái để chạy được một tí, xin cho lái đẹp vào khu tàu trú.

Thế là người ta lái tàu đẹp sang bên và giải thích cho đám hành khách thất đảm kia biết lí do dừng lại. Người trong các toa chật ních, kẻ thở vắn than dài, người chửi rủa âm ỉ.

Trưởng ga mách nước cho những người lái chuyến tàu:

— Các anh lại nói chuyện với cụ già kia kia, ông cụ đang đi ở ko ấy (1). Cụ ấy là phụ trách công trường ở đây. Cụ ta có thể hạ lệnh cho xe trượt tuyết chở củi đến cho đầu tàu. Ở đây họ vẫn dùng củi gỗ làm tà vẹt dây mà.

Mấy người lái tàu đến gặp Tô-ca-rếp. Ông cụ bảo họ:

— Chúng tôi sẽ cho gỗ, nhưng không cho không đầu. Vì đây là vật liệu xây dựng của chúng tôi. Hiện công trường chúng tôi đang bị tuyết phủ làm ngầu trở công việc mà trong tàu các anh có sáu bảy trăm hành khách. Đàn bà, trẻ con thì có thể ở lại trong toa, còn những người khác thì xuống vác xẻng đi xúc tuyết đổ đến chiều tối là được. Có làm thế thì mới được cấp củi cho tàu chạy. Bằng không thì xin mời họ cứ nghỉ với tàu đến Tết vậy.

Có tiếng người sưng sốt la lên nhao nhao phía sau lưng Pa-ven:

— Anh em ơi, trông kia! Trông tất cả đám người kia xuống đông quá! Lại có cả phụ nữ nữa kia!

Pa-ven quay lại

Tô-ca-rếp đi đến gần nói:

— Đây, giao cho chú một trăm người. Chú giao việc cho họ và trông họ làm, đừng để họ khoanh tay đứng không.

Pa-ven phân công cho những người mới đến. Một anh chàng cao lêu nghêu mặc đồng phục ngành đường sắt có cổ bằng lông, đầu đội mũ da cừu ấm. Hắn ta đang quay cái xẻng trên tay, tỏ vẻ bức tức và quay sang phía người đàn bà trẻ tuổi đứng cạnh, đội mũ da rái cá, trên chòm có chiếc nệm bằng lông nồn, hân hào nhậu:

- Không đời nào anh lại xúc tuyết, chẳng ai có quyền bắt anh được cả. Anh là kĩ sư cầu đường, nếu họ cầu xin anh giúp thì anh có thể chỉ huy công việc cho họ. Còn như xúc tuyết thì không phải việc của anh, không phải việc của em, không ai bắt ta làm được, không có chỉ thị nào quy định làm như thế cả. Cái lão già ấy đã làm trái nguyên tắc. Anh sẽ kiện cho lão ta biết tay - Rồi hân hỏi một công nhân đứng gần hân tu nhất:

- Ai là đội trưởng ở đây?

Pa-ven đi tới:

- Sao anh không làm việc?

Hân đưa mắt khinh bỉ nhìn Pa-ven từ đầu đến chân.

- Còn anh là ai?

- Tôi là một công nhân.

- Thế thì tôi chẳng thêm nói với anh. Cứ bảo đội trưởng hay ai đó trong các anh... lại đây

Pa-ven ngược mắt nhìn hân:

- Anh không muốn làm, chúng tôi cũng chẳng cần. Nhưng nếu vé không có dấu của chúng tôi thì đừng hòng lên tàu. Đây là mệnh lệnh của đồng chí phụ trách công trường.

Nói xong, Pa-ven quay sang phía người phụ nữ:

- Còn chị nữa, chị cũng không chịu làm phải không?

Nhưng bỗng Pa-ven ngăn người ra trong giây lát: trước mặt anh là Tô-nhi-a Tu-ma-nô-va.

Tô-nhi-a khó khăn mới nhận ra cái người mặt rách rưới này là Pa-ven. Pa-ven đứng ngay đó, trước mặt Tô-nhi-a, mình khoác manh áo rách bươm, chân xỏ đôi giày kì quái, cò buộc cái khăn mặt cấu bẩn, mặt đã lâu không rửa. Chỉ dọc có đôi mắt là vẫn như xưa, đôi mắt ánh lên một ngọn lửa không gì dập tắt được. Đôi mắt Pa-ven. Thế mà cái người rách rưới y như ma cà bông này (?) cách đây không lâu là người mà Tô-nhi-a yêu dấu! Không ngờ được. Mới chẳng bao lâu mà sự đời đã thay đổi cả!

Tô-nhi-a mới lấy chồng, lần này theo chồng về một thành phố lớn, nơi chồng đảm nhiệm một chức vụ trọng yếu ở Cục đường sắt và trên đường đi, tại chốn này đây, Tô-nhi-a phải gặp lại người tình thuở ấu! Tô-nhi-a thấy ngại ngùng không dám đưa tay ra bắt. Va-xi-li chồng chị, sẽ nghĩ thế nào, nếu chị bắt tay Pa-ven? Đời Pa-ven đã xuống dốc đến thế thì mình cũng ngượng với mình thật. Rõ ràng là anh chàng dốt lò này đã chẳng ngóc đầu lên được: anh ta chẳng làm được nghề ngỗng gì hơn cái nghề đi xúc đất!

Tô-nhi-a đứng ngay, mặt đỏ bừng, bối rối. Tên kĩ sư thấy gã rách rưới cứ nhìn vợ mình chằm chằm, không rời mắt, thì cho là gã ta xấc xược, tức diện người. Hân quàng xéng xuống đất, lại gần Tô-nhi-a:

- Lại đây này, Tô-nhi-a. Anh không thể nhìn cái thằng khổ rách áo ôm la-da-rôn này mà yên được.

Pa-ven đã đọc truyện « Giu-đép-pê Ga-ri-ban-đi », nên chưa biết thế nào là la-da-rôn rồi (?).

- Nếu tao là la-da-rôn thì mày chỉ là một thằng tư sản mà người ta chưa cắt cổ nốt - Pa-ven thốt lên cự lại tên kĩ sư rồi quay nhìn Tô-nhi-a, nói gọn lỏn mấy tiếng: - Còn đồng chí Tu-ma-nô-va, đồng chí hãy nhặt xéng đứng vào hàng mà làm đi. Đừng có bắt chước cái loại bỏ dục ăn no béo xác ấy. Xin lỗi, nhưng tôi không biết hân với đồng chí là thế nào.

Pa-ven nhìn đôi giày đi tuyết của Tô-nhi-a, mỉm cười không thiện cảm và nói thêm:

- Tôi chẳng khuyên ai lần chân ở lại đây làm gì. Hôm mới rồi, bọn phi vừa đến quấy chúng tôi đấy.

Nói xong, Pa-ven quay đi, lê gót giày cao su đi về chỗ anh em mình.

Lời nói vừa rồi của Pa-ven tác động ngay cả đến anh chàng kĩ sư

Tô-nhi-a đã bảo được hân ở lại và đi xúc tuyết vậy

Chiều đến, xong việc, hành khách lại trở về ga. Chồng Tô-nhi-a nhảy tót đi trước, vội chiếm chỗ tốt trong toa. Tô-nhi-a đứng lại để anh em công nhân đi hết. Pa-ven một nhòai chống xẻng đi sau cùng. Khi hai người đi ngang nhau, Tô-nhi-a lên tiếng:

— Chào Pa-vo-lu-sa. Nói thật với anh, tôi không ngờ lại thấy anh như thế này. Hóa ra chính quyền Xô Viết không có việc gì khác tốt hơn đáng giao cho anh hay sao mà lại để anh đi xúc đất như vậy? Tôi cứ tưởng đã từ lâu anh làm chính ủy hay là giữ một chức gì đại khái như vậy rồi kia đấy. Đời anh thật cũng chẳng lấy gì làm may mắn lắm nhì...

Pa-ven đứng lại, ngạc nhiên nhìn Tô-nhi-a từ đầu đến chân:

— Còn tôi, tôi cũng không ngờ gặp cô lại đến nỗi... bực đường thế này -- nghĩ mãi anh mới hiểu được rằng nói thích hợp và nhẹ hơn.

Tại Tô-nhi-a đổ tã lên.

— Anh vẫn cái tật cục cằn như trước.

Pa-ven vác xẻng lên vai và rảo bước đi. Được vài bước anh mới đáp lại:

— Tính cục cằn của tôi, nói cô đừng giận, nó còn hơn cái điệu lịch sự của cô, đồng chí Tu-ma-nô-va ạ! Về đời tôi, không mượn cô phải lo họ. Đầu vẫn vào đây. Chỉ có đời cô thì tôi không ngờ là nó đến đến thế. Cách đây hai năm, cô khá hơn nhiều, lúc đó cô còn dám bắt tay một người thợ và cô không lấy đó làm xấu hổ. Nhưng bây giờ thì người cô sặc mùi băng phiến. Nói thật tình ra, tôi chẳng có gì để nói với cô nữa.

(Trích Chương II — Phần hai)

I — (1) Ka: sân ga. (2) Mơ cá bông: kẻ không nhà không cửa, không nghề nghiệp, lang thang lêu lổng. (3) La-da-rôn: dân bị coi là hạ lưu xử Nấp được tá trong truyện Giu-đép-pe Ga-ri-ban-di.

II — Đây là một trong những đoạn truyện đặc sắc, khá hấp dẫn trong "Thép đã tôi thế đấy", có tác dụng khắc họa tính cách của nhân vật trung tâm của tác phẩm một cách sinh động, sắc nét.

Cần đọc cả bài trích một hai lần. Sau đó tập đọc diễn cảm đoạn 2 là trọng tâm ("Có tiếng người sùng sốt la lên..." đến hết). Giọng đọc cần bộc lộ được tâm trạng và thái độ khác nhau của mỗi nhân vật: Pa-ven cục mịch, thẳng thắn và đôi phần nóng nảy; Tô-nhi-a ngờ ngùng và bối rối, ngượng ngùng; Va-xi-li chán ngán, câu kinh và hếch dếch.

III — 1. — Em hãy cho biết: Bối cảnh cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa Pa-ven Coóc-sa-ghin và Tô-nhi-a Tu-ma-nô-va, người yêu cũ của anh, có ý nghĩa gì đối với chủ đề của tác phẩm "Thép đã tôi thế đấy"?

2. Câu chuyện xảy ra trên công trường Bai-ác-ca này đã có tác dụng khắc họa sinh động, sắc nét và hoàn chỉnh hơn tính cách của Pa-ven Coóc-sa-ghin, nhân vật trung tâm của tác phẩm, như thế nào?

3. Câu chuyện cũng làm đậm nét hơn tính cách của Tô-nhi-a ra sao? Em có nhận xét gì về nhân vật Va-xi-li, chồng của Tô-nhi-a? Hình ảnh hai nhân vật này tương phản hoàn toàn với hình ảnh Pa-ven như thế nào? Tại sao như vậy?

IV — 1. Tập đọc diễn cảm bài trích giảng (theo yêu cầu đã hướng dẫn ở mục II).

2. Đồng chí Giu-khơ-rai, người đã giác ngộ và dấn thân Pa-ven đi đến với cách mạng, khi đến thăm công trường Bai-ác-ca đã nhận xét: "Thép đã được tôi chính ở chỗ này đây". Cần chú vào bài trích đã học trên đây ("Trên công trường Bai-ác-ca") và bài trích đọc thêm ở dưới ("Không thể sống như thế được!"), em hãy cho biết lời nhận xét của Giu-khơ-rai có đúng không? Đúng như thế nào?

KHÔNG THẺ SỐNG NHƯ THẺ ĐƯỢC

Căn nhà chật chội, không còn chỗ mà lên vào nữa. Một trăm hai mươi con người chen chúc nhau, người đứng dựa tường, người leo lên bàn, có người leo lên cả lò bếp.

Pan-cơ-ra-tốp khai mạc cuộc họp, tảo động chỉ Tô-ca-rép nói ngắn, nhưng những lời kết luận của đồng chí làm choáng váng mọi người.

— Ngày mai, các đảng viên và đoàn viên đều ở lại.

Ông già giơ tay đập vào khoảng không như ra hiệu cho mọi người biết quyết nghị ấy như đánh đóng cột rồi. Cử chỉ ấy làm tan vỡ mọi hi vọng muốn về tỉnh, về với người thân, tan hết hi vọng rút chân ra khỏi cái địa ngục bùn lầy này. Lúc đầu, tiếng nói của ông nổi lên đến nỗi không còn nghe thấy gì nữa. Cảnh nào động trong phòng làm lay lắt ngọn đèn dầu yếu ớt lủ mờ. Tối quá, không còn trông rõ mặt người. Tiếng nói ồn ào mỗi lúc một to. Nhóm này kháo nhau, gọi lại cảnh đêm ở nhà, nhóm kia tức giận kêu mết nhọc. Có nhiều người không nói gì cả. Và chỉ có một người tỏ ý muốn đảo ngũ. Giọng căm phẫn của hắn từ trong góc nhà ném ra những lời thô tục.

— Mẹ kiếp! Tôi dếch vào ở đây lấy một ngày nào nữa. Đây ăi đi khổ sai thì cũng phải có tội tình gì mới dầy người ta được chứ. Chúng tôi đây thì có tội tình gì? Đã giam chúng tôi ở đây hai tuần lễ — đủ lắm rồi. Không ăi ngục mãi nữa đâu! ăi ra lệnh làm chỗ này thì kẻ ấy tự dẫn xác đến đây mà làm. ăi muốn thì cứ đến mà lăn mình vào đồng bùn này, còn tôi, đời tôi chỉ sống có một lần, tôi phải giữ lấy thân tôi. Ngay ngày mai là tôi chuẩn

ô-cu-nhép đứng ngay trước mặt tên vừa ăi, anh quẹt diêm định soi xem mặt tên đảo ngũ đó là đứa nào. Anh lửa diêm khoanh khắc lóc lên trong bóng tối, làm lòi cái mặt mèo sếch, nhăn nhăn tức tối, mồm há hốc kia. Ô-cu-nhép nhận ra nó là con lão thư kí kế toán ở ủy ban lương thực.

Mày soi cái gì? Tao có phải ăn trộm, ăn cướp đâu mà tao phải giấu mặt.

Diêm tắt, Pan-cơ-ra-tốp vùng đứng phất dậy. Anh đưa mắt nặng nề, nhìn những người đứng gần, giọng ồ ồ:

— Kẻ nào dám há mồm nói lão đây? Đứa nào bảo nhiệm vụ Đảng trao cho là khổ sai? Các anh em, chúng ta không thẻ nào trở về tỉnh được. Chỗ của chúng ta là ở đây. Nếu chúng ta bỏ đi tức là nhân dân sẽ bị chết rét. Các anh em ạ, càng làm xong sớm thì càng về sớm. Còn bỏ đây trốn về như cái thằng khốn nạn vừa rồi là điều mà li tưởng của chúng ta, kỉ luật của chúng ta không thẻ nào dung thứ được.

Pan-cơ-ra-tốp anh công nhân bến tàu ấy vốn không ưa nói dài, nhưng ngay mấy câu văn tắt ấy của anh cũng đã bị cái giọng ban nãy cắt lời:

— Người ngoài Đảng, ngoài Đoàn thì được về phải không?

Pan-cơ-ra-tốp trả lời dộp:

— Được

Tức thì một tên mặc chiếc bành tô ngẫu diện phỏ lách lên bàn. Hắn quăng ra một cái thẻ. Cái thẻ như cánh dơi bay liệng, chạm vào ngực Pan-cơ-ra-tốp rồi bắn ra, rơi tòm xuống mặt bàn.

— Đây, cầm lấy hộ một tí. Tôi xin phép các anh, chớ vì mảnh bìa này mà mất mạng thì tôi xin dủ.

Hắn chưa dứt lời, tiếng phẫn nộ nhao nhao lên khắp gian nhà:

— Đứa nào vứt thẻ Đoàn đi đấy! Đồ mặt mết!

- Đồ chó chết, cút đi!
 - Cái thư mặt ấy chui vào Đoàn cốt để kiểm một chỗ nào ấm cái thân xác!
 - Tổng cò nó ra!
 - Được, chúng ta cho mày cái chỗ ấm, rồi cái đồ rận tha bệnh thương hàn!

Tên vừa vứt thê Đoàn đó cúi gằm mặt bước ra. Hân đi qua, ai nấy đều giãn ra như tránh một con bệnh truyền nhiễm. Hân ra khỏi, cửa đóng sập lại, kêu đánh rắc một tiếng.

Pan-cơ-ra-tốp vợ cái chứng minh thư hân vứt lại, đi vào ngọn đèn dầu.

Mảnh bìa bốc cháy, tàn quăn lại.

(Trích «Thép đã tôi thế đấy»)

Chú giải

Nạn thiếu củi, nạn rét đang đe dọa nhân dân thị trấn Sê-pê-tốp-ca. Mặc dầu khó khăn hầu như không vượt nổi. Tình ủy ở Sê-pê-tốp-ca dựa vào lực lượng của Đoàn Thanh niên cộng sản, đã quyết định làm một con đường xe lửa xuyên rừng để chuyển chở củi. Thế hệ thanh niên Tháng 10 đã không phụ lòng chờ mong của Đảng. Họ đã vật lộn gian nan ở công trường Bai-ác-ca bất tuyết, xé đồi, phá rừng xây dựng thành công con đường sắt mang lại hơi ấm cho nhân dân Sê-pê-tốp-ca. Song trong cuộc thử thách gian lao đó, không phải không có những tên hèn nhát, đào ngũ. «Tên vứt thê Đoàn» trong bài này chính là một phân vật phản diện tự lộ mình ra bên lề đường của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa vĩ đại.

BÀI 40

«XIN CÔ THA LỖI CHO CHÚNG EM!»

(Truyện ngắn)

Chuyến tàu nhanh từ miền Nam lên chỉ dừng tại ở đây chưa đầy năm phút. Pa-ven Ghê-or-ghi-ê-vits đứng hồi

lâu trên sân ga vắng tanh giữa thảo nguyên (1), lắng nghe tiếng đập cánh phách phách hối hả, của lũ chào chào ở bên kia nền đường tránh tàu.

Sau bầu không khí ngột ngạt trong toa tàu, sau những câu chuyện phiếm suýt dọc đường giữa màn khói thuốc lá dày đặc trong khoang toa, sau những vấn bài thâu đêm cùng những cuộc làm quen vô bổ, sau những tiếng cọt kẹt vô tận của ghế nằm—sau tất cả, một sự tĩnh mịch kỳ lạ xâm chiếm Pa-ven Ghê-or-ghi-ê-vits, khiến anh tưởng như mình lạc vào tuổi thơ xa xưa.

Anh ngồi lên va li, lòng khoan khoái. Vắt chiếc áo khoác qua vai, anh vừa rút thuốc hút vừa đưa mắt nhìn quanh, thờ phào nhẹ nhõm. Mặc dù do nghề nghiệp, anh ít có dịp được đi đây đó, nhưng anh vẫn thích mỗi đầu mỡ và vệt cũng tiếng còi tàu lạnh lạnh, tiếng bánh xe lăn lạch cạch hối hả, với hình ảnh cái toa chót lắc la lắc lư, nơi thấy thoáng là cơ nhỏ bạc màu, cuộn lại trong tay người phụ trách toa, làn gió ấm áp tỏa ra từ những toa tàu lướt nhanh—bấy nhiêu điều đều kêu gọi ở Pa-ven Ghê-or-ghi-ê-vits một ham muốn mơ hồ: thích xe dịch, thích đời vị trí.

Nhưng anh ở Mat-xcơ-va, ngồi làm việc tới khuya với đồng bản vẽ, anh bỗng ngãng đầu lên nhĩa vào ô cửa sổ mở ra hàng cây thùy dương, trăm ngàn, suy nghĩ và lắng nghe hồi lâu những tiếng còi tàu đêm báo hiệu cho nhau, lạc lõng ngàn dài trên phố xá im lìm trong giấc ngủ. Có đôi lần tiếng còi tàu xao động cả lòng anh, khiến anh không sao tập trung được: chẳng hiểu sao anh cứ hồ hồ tưởng cảnh hoàng hôn trên thảo nguyên, với ánh chiều tà bồng lộng trên những đụn cỏ sẫm màu. Nhưng khi ấy Pa-ven Ghê-or-ghi-ê-vits, lòng rối bời, bỏ dở cả công việc, rón rén để vợ không thức giấc, chuẩn ra khỏi nhà, đi lang thang khắp phố phường vắng lặng.

Pa-ven Ghê-or-ghi-ê-vits Xa-phô-nốp làm công nhân su tại một nhà máy lửa. Anh đã nổi tiếng; năm tháng qua đi, anh quen dần với sự nổi danh ấy và hãnh như còn chao ngàn cả tiếng tăm—một cảm giác đôi khi có ở những người thành đạt và mãi nguyện quá sớm.

Năm nay, mỗi một nhiều do một đợt công tác quá phức tạp hồi mùa đông vừa qua, Xa-phô-nốp đi an dưỡng ở vùng bờ Nam bán đảo Krım (2). Miền Nam chói chang,

với cái nóng khô rất, với những bóng cọ ki dị trên hè phố, với cát hồng giấy trên bãi tắm, rồi cách điều trị bằng tắm biển và phơi nắng dưới làn gió biển âm ỉm tanh tạnh mỗi độ, cũng toàn bộ chế độ ăn uống đường (3), rất cụ thể khuyến khích thói nhàn tản một không khí lười nhác chung bao trùm tất cả, và trong cái nóng bức ấy thì đến cả tư duy cũng trở nên lười biếng. Vậy Anh cảm thấy thêm muốn được trở về Mat-xơ-va trở về với mưa thu, với mặt đường nhựa ướt át với ánh đèn loang loáng trong các vũng nước trên mặt đường.

Chuyến tàu tốc hành đưa Xa-phô-nốp từ miền Nam trở lại Mat-xơ-va chạy bằng bang qua miền thảo nguyên quen thuộc, nơi anh sinh ra và lớn lên nơi đã nhiều năm anh chưa về thăm lại.

Sáng nay, khi đứng ngắm nhìn thảo nguyên còn man rượi qua ô kính mờ hơi nước, Xa-phô-nốp chạnh lòng đã quên đi những điều hữu như đã lãng quên từ lâu: ngày ấy, anh còn là một cậu bé áo nâu, chân tay nứt nẻ, đang chạy trên thảo nguyên còn đầm sương đêm giá buốt, đuổi theo đoàn tàu lao vun vút không biết về đâu, và những ngọn cỏ trĩu sương quất vào mắt anh. Ngày ấy, anh mới lên mấy tuổi? Đồi lác anh mừng rỡ như thấy trước mắt cảnh anh đang cùng Ve-ra sống bước theo những dải trắng thanh trên đồi thợ mỏ; từ dưới đồng cỏ phả lên ngào ngạt hương ngải cứu, và làn hơi Ve-ra, hơi se lại bởi gió lạnh, cũng thơm hương ngải cứu. Hồi đó đưa anh trở lại thế giới xa xưa anh đã từng sống qua (hay là chưa từng sống qua nhỉ?), báo cho anh biết là anh đã sắp ngoài bốn mươi và làm cho đời chưa đáng là bao, vậy mà tuổi xuân đã trôi qua từ lâu, với những cái mốc rành rọt.

Thế rồi bỗng nhiên anh thấy thêm khát được thăm lại thành phố quê hương giữa thảo nguyên, được lang thang trên các phố nhỏ, dọc những biển quảng cáo dán ngay trên hàng rào, thấy lại những tên phố cũ, tìm hiểu xem cái thành phố nhỏ thân thương hiện thời sống ra sao, đã đổi thay thế nào, và nhất định phải tìm gặp lại những đứa bạn từ thuở còn con con cắp sách tới trường - cái thuở xa lắc xa lơ tưởng chừng chưa có bao giờ. Anh muốn được cùng người bạn thời niên thiếu Vít-ka Xahe-ghi-

rep ngồi trong quán cà phê ngoài trời, dưới bóng chiếc dù nhỏ, nhấm nháp bia lạnh và hồi tưởng những trò thơ ngây, xa xôi mà thân thiết, đâu không còn bao giờ gặp lại, song quả đã từng có trong cuộc đời anh.

Mặc dù nguyện vọng ấy đã thất bại, Pa-ven Ghê-or-ghi-ê-vits vẫn gãi gãi sống mỗi tự mĩa mai mình (từ khi có tuổi, đôi khi anh thích tự nhạo những ham muốn của bản thân). Đoàn, anh bước vào buồng, nơi các bạn đồng hành còn đang ngủ say. Anh thu xếp va li, vợ chiếc áo khoác, rồi để mặc cho bác phu trách toa, đang lạng lách quét dọn ngoài hành lang, thả hồ mà ngao nhiên. Anh đợi ngọt xuống ga xếp héo lảnh này vào buổi sớm tinh mơ một ngày tháng tám. Anh không xuống tàu ở nhà ga trong thành phố, mà có tình xuống ở đây để được "cuộc" bộ về thành phố.

Vài phút sau, đoàn tàu chuyển bánh, các ô kính mờ hồng ánh bình minh, các rèm cửa đầy bụi than thấp thoáng đi xa dần, giây vụn từ đường bị gió cuốn lên bay là tá, những cuộn khói trên đầu tàu lạng lách bay xa mãi về phía tây, tạo nên dần trên bầu trời ban mai trong vắt màu hoa hồng nhạt. Keng quanh trở lại tỉnh mịch.

Bên nền đường, trong không gian im ắng khác thường, chỉ còn nghe tiếng cào cào đạp cang phanh phanh.

Ngồi trên va li, Xa-phô-nốp bồi hồi hít hết điều thuốc. "Tuyệt vời lắm!" - Anh thầm nghĩ, căng lồng ngực thở hít không khí mát lạnh và trong lành như nước nguồn. Thảo nguyên sắc sỡ muôn màu hoa cỏ mùa hè và âm ỉ vào buổi bình minh êm ả ấy, đang ửng hồng sau dãy đồi vắng đông. Xa tít trên sườn đồi, một chiếc xe tải đang cuốn bụi đường cuốn cuốn lên không trung rực đỏ vô tận. Cũng nơi xa ấy, nổi bật như thể khắc họa trên nền đỏ, những chóp quảng đá thái, đường nét xa xôi của một tháp nước, những cụm nhà trắng trắng tường vôi, những ngọn cây thùy dương nhọ hoắt.

Pa-ven Ghê-or-ghi-ê-vits rời nền đường thông thả bước xuống cánh đồng tựa hồ đắm mình xuống thung (4) sau cơn tràn ngập không khí ẩm ướt tươi mát. Cả một lũng ngải cứu phả vào mặt anh. Ra được đến đường cái thì hai ông quần anh đã sống sương sớm, quả kẻ bám dây ông quần và áo khoác, những cánh hoa ướt bầm dầy va li.

Anh bước thong thả trên đường, khoan khoái sục mũi giày vào lớp bụi mịn màng. Anh bề một cảnh nhỏ lớp vỏ non còn ướt ướt, và muốn ngấm những giọt sương rơi, anh ghé bệng ngòm quất nhẹ vào đầu một bông hoa tím ven đường (thời bé, anh biết tên bông hoa ấy, nhưng giờ đã quên). Từ trong nhụy hoa một chú ong ngái ngái choàng dậy bay lên mình bươm đầy phấn. Nó vo vo tít tít bay ngang qua mặt anh.

— Gớm chưa! — Anh thốt lên, đưa mắt vui vẻ nhìn theo — Xìu lỏi chú mình về tội đã quấy rầy nhé...

Thế rồi, anh về đến thành phố quê hương. Phố xá ngoài ô don anh với những bóng cây dương già, bóng nhà cửa đồ dãi suốt chiều ngang mặt đường. Đồ dãi trong vườn các nhà bốc lên làn khói lam của ấm pha trà Xa-mô-ra, những cành táo vươn ra ngoài rào hồng nắng ấm. Xa-phô-nốp vừa bước đi vừa vung vẩy cái cảnh nhỏ trong tay, căng lồng ngực thở hít hương vườn cây quả lẩn hương khói Xa-mô-ra đượm mùi nhựa cái thông. Hương vị ấy, những bông râm râm nhắc nhở anh nhớ lại tuổi thơ, với những chim câu, với trò chơi trận giả "sư trưởng Sa-pa-ep", với những cuộc đột nhập tấn phá vườn cây quả nhà ông giảng... Cái thời đã xiết bao xa cách! Mà nó đã từng có bao giờ chưa nhỉ?

Suốt một ngày anh lang thang khắp phố phường. Anh không còn nhận ra thành phố quê hương nữa. Và thành phố cũng không nhận ra anh. Cái thành phố thảo nguyên cổ kính ấy như thế được dựng lại, được xây mới hoàn toàn. Khu trung tâm sáng loáng những quầy kính hiện đại của đủ loại cửa hiệu, đông nghịt đông người áo quần sắc sảo vội vã qua lại các ngã tư. Các chiến sĩ cảnh sát, mặt nạ màu nắng gió, đồng phục trắng muốt, động tác thuần thục đến duyên dáng, giờ gây cảnh sát điều khiển giao thông. Tầng lớp người uể oải, mồ hôi nhễ nhại, trốn tránh nắng hè gay gắt, đứng đợi ở to buýt điện dưới những gốc dẻ râm mát lốm đốm bóng nắng. Tại các góc phố có bán nước hơi giải khát y như ở đại lộ Gor-ki, giữa thủ đô Mat-xcơ-va... Vậy mà ngày nào, tại đây chỉ có bọn trẻ nhả bán kem, mặt mũi đỏ gay, mình mang tạp dề (?) trông như những lao công quét rác; đường phố thì nắng chói chang, vắng tanh vắng ngắt, chỉ thấy mấy con chó

thò le lười nằm dài lìm đìm ngó dưới bóng râm thềm cửa và vài đàn gà cục cục kiếm ăn trong đồng ngải cứu trắng xóa bụi đường.

Xa-phô-nốp lang thang qua lại bốn lượt phố nơi anh đã ra đời, nơi xưa kia có ngôi nhà nhỏ của gia đình anh, cũng đất sét lèn, thấp lè tè. Giờ đây ở chỗ ngôi nhà xưa là một phố đường đôi, với những hàng cây, lối đi giải khát mịn, loang lổ bóng mát, lốm đốm bóng nắng. Phố đường đôi xưa kia chưa hề có này rõ ràng không nhớ, không hề biết đến tuổi thơ của anh, lại càng không thể hay rằng chính nơi đây, cạnh cái cửa vườn rau không còn nữa, anh đã vung vẩy ôm hôn Ve-ra, và nàng đưa tay lên sờ lên môi, lạ lẫm, đoạn ngược mắt lên ngó ngang và bối rối hỏi: "Ờ này, đến suốt đời chỗ anh?"

Xa-phô-nốp ngồi xuống một chiếc ghế đá, đưa mắt ngấm nhìn đường phố mới hồi lâu, lòng se lại. Không còn một dấu vết nào của thời xa xưa, thời thơ ấu của anh, không còn gì hết... Anh thấy buồn tẻ, khó hiểu dường như mình bị đánh lừa một cách tàn nhẫn, ác độc, bị tước đoạt những thứ không ai được quyền tước đoạt.

Vit-ka Xhe-ghê-rap giờ ở đâu? Ve-ra ở đâu? Vit-ka là anh bạn đảm đảm keo sơn đầu tiên, Ve-ra như - người đời thường nói - là mối tình đầu, đã diệt và cảm động, với những bức thư nhỏ trao tay ở trường, với những bông tuyết rơi ngập ngừng cạnh thềm, với cái hôn vung vẩy đầu tiên mà anh không thể nào quên.

Pa-ven Ghê-or-ghê-ê-vits nhưa những chiếc xe mới, nhưa những đứa trẻ đội mũ Pa-na-ma (?) đang mãi mệ nghịch cái, nhìn chàng trai, nước da râm nắng, mặc áo sơ mi cộc tay, nhìn cô gái mảnh mai như thiếu nữ, mới ngấm một nhánh hoa dẻ; anh ngấm nhìn đôi thanh niên ấy sống nước dẻ bông cây, đoạn đứng đây, băng một dòng tảo chạm chạm, giả vờ, vẩy áo khoác lên cánh tay. Chẳng hiểu sao anh bỗng cảm thấy mình là khách du lịch trong thành phố quê hương.

Thế rồi một sức hút vô hình nào đưa anh về phố Vườn ươm; ở đó, ở cái phố ngoài ô cây cối mọc um tùm sẫm, trong thế giới tuổi thơ xa xưa, có Vit-ka Xhe-ghê-rap, và trong ngôi nhà nhỏ ở góc phố, cạnh hiệu thuốc cổ Ve-ra. Anh muốn được biết đôi chút tin tức về họ: "Họ đâu rồi? Họ sao rồi nhỉ?"

Cả dãy phố vẫn như xưa, vẫn những cây keo cò thụ xen lẫn những cây dương vươn cành lá lòa xòa dọc theo các hàng rào, tạo thành một mái che xanh um trên phố nhỏ vẫn những bông hoa dương xà xỉ như những con sâu róm, rải rác khắp vỉa hè như trong thời thơ ấu xa xưa. Xa-phô-nốp đưa mắt nhìn suốt lượt những ngôi nhà một tầng rợp bóng mát ở hai bên đường, thân thiết từ thuở bé thơ, với những ô cửa kính lấp loáng trên các hàng hiên chằng chịt dây leo trường xuân. Mắt anh hầu hầu dò tìm những nét cũ quen thân độc nhất vô song.

«Đây kia rồi, ngôi nhà nhỏ... Ngôi nhà của Vit-ke Xhe-ghi-rop! Đúng rồi! Nhà số 5». Số nhà cũng bóng đèn treo trên con số hầu như bị che khuất sau cành lá um tùm. Pa-ven Ghe-or-ghi-ê-vits bỗng mỉm cười ngạc nhiên. Và bỗng cảm thấy do dự trong giây lát. Nhưng rồi anh vẫn bước từng bậc lên thêm cửa ộp ộp cũ kỹ chan hòa ánh nắng và thơm mùi gỗ hồng khô.

Người ra gặp anh là một phụ nữ đứng tuổi mà anh không hề quen biết. «Đạ không, từ sau chiến tranh gia đình Xhe-ghi-rop không ở đây nữa, dọn đi cả rồi à. Đạ, nếu chúng tôi không làm thì hình như họ dọn đến thành phố Xec-lốp-zki thì phải. Hình như anh còn trông thấy họ làm giám đốc một nhà máy ở đó. Hồi năm kia, anh ấy đi phép có ghé qua đây. Đạ, thế ông là chỗ thế nào với họ à? Thân thích hay chỉ quen biết thôi ă?»

Pa-ven Ghe-or-ghi-ê-vits vừa nghe bà ta nói, vừa ngả mũ mũm mề trong tay. Đến khi hiểu ra, anh bực bội lắm bèn đáp lại câu hỏi: «Vâng, tôi có họ xa... Lòng đau buồn, như thể lại bị ai đánh lừa, anh lảng lảng bước xuống thêm.

Đi đâu bây giờ? Đâu sao, anh chưa hết hi vọng được gặp một ai, được biết đôi điều về một người quen cũ nào đó. Anh vẫn còn nhớ như in, anh chưa hề bao giờ quên phải nhại trong kí ức mái nhà cao nhọn của cửa hàng được phâm tận cuối phố, và bên cạnh, dưới mấy gốc dương là ngôi nhà nhỏ của gia đình Ve-ra.

Tay nhàn, giờ đây, trên đường đi về ngôi nhà lắp ló sau hiệu thuốc ấy, bước chân anh bỗng trở nên đồ dặt, sệt sệt và lòng hồi hộp đến nỗi anh phải đứng lại ở góc phố, dưới mấy gốc dương, để lấy lại nhịp thở. Chẳng lẽ anh

vẫn còn yêu Ve-ra ư? Anh không còn hiểu nổi tình cảm nào đã choán lấy lòng anh, một người đàn ông đã có vợ, có gia đình, sự nuôi tiếc đã điết về một ước vọng không thành, vừa mới bùng lên giây lát, hay hồi ức về những cảm giác đầu tiên của niềm hạnh phúc vượt thoát qua từ xa xưa?

Anh lau mồ hôi trán, bấm chuông. Rồi đứng đợi, tay mân mê vành mũ, cố dần sự rụt rè.

Bà mẹ của Ve-ra đã già xạm hẳn đi, anh lập tức nhận ra bà, còn bà, bà không nhận ra anh ngay: «Trời, Pap-lu-sa đây ư? Anh đã về thật ư, Pap-lik?». Bà lảng lảng đưa ki-cuc, ngượng ngập xin lỗi anh về nỗi nhả của bọn trẻ, mời anh ngồi xuống đi vắng (?) và hình như qua vội vã, hấp tấp vừa hỏi han anh, vừa kể rằng: «Chúng tôi có được nghe, chúng tôi biết anh đã thành đạt nhiều». Anh chỉ hiểu lơ mơ những điều bà nói, sốt ruột chờ bà kết thúc chuỗi câu hỏi của bà. Cuối cùng, giọng ngập ngừng, anh hỏi:

— Thưa bác, Ve-ra bây giờ ở đâu ạ?

— Ve-ra ấy à? — Bà nhìn anh, lạt lừng, rồi nhóc lại khe khẽ: «Ve-ra à? — Và quay đi đưa tay lên đường như cô che khuất mặt.

Anh bỗng thấy ghệt thở.

— Ve-ra đâu ạ? — Anh gần như thì thào nhắc lại câu hỏi.

Chẳng lẽ anh vẫn chưa hay biết gì ư? Pap-lu-sa? Ve-ra. Ve-ra không còn nữa... Những năm chiến tranh, nó làm cứu thương mà...

— Có lẽ nào lại thế à! — Anh thốt lên bối rối, giọng lạc hẳn đi. Sau đó, anh nhớ: khi tiễn chân anh, bà mẹ Ve-ra cứ nhìn xói vào tận trong mắt anh — một cái nhìn thăm thẳm, đăm chiêu và miệng bà lẩm bầm rầu rầu:

— Thật tội nghiệp! Tội nghiệp quá! Cũng lớn lên, cũng chơi với nhau...

Xa-phô-nốp cảm thấy mệt mỏi vô cùng. Bây giờ, anh chẳng còn biết đi đâu, tìm ai nữa. Anh lững thững tạt vào một quán cà phê ngoài trời, ở góc phố. Trời nóng nực và oi bức, khiến anh chẳng thiết ăn. Khi người phục vụ bước đến bên, anh chỉ mua hai chai bia, dọn ngồi lạng lẹ hồi lâu dưới chiếc dù con che nắng, giữa tiếng chuyện gẫu ồn ào mãi lo đang nhia thành phố xanh um những

hàng cây keo — một thành phố phương Nam với vẻ đẹp chói chang trắng xóa và không hiểu vì sao giờ đây trở nên xa lạ đối với anh.

Anh cảm thấy cô đơn, buồn khổ. Bực dọc và bực tức trong lòng, anh bỏ dở chai bia, đốt ngót trẩu tiền và bắt gặp với chính mình, ngoan cố quyết định lại đi lang thang khắp phố xá một lần nữa với một hi vọng mong manh.

Nhưng rút cục, anh vẫn không gặp một ai. Đến mười giờ tối, mệt lử và như thể bị cướp mất cái gì, anh lần về nhà ga, ra đến phố Ga — số một. Trong bóng hoàng hôn êm ả, rực lên những ánh đèn đường, mặt đường phố bóng lộn như những dải lụa vàng tháng băng, không khí mát lành tỏa ra từ các vườn cây, nhà nhà đã lên đèn, chiếc máy quay đĩa nhà ai vang vang trên sân thượng xen vào. Trên đường phố, như chiếc xe bật sáng chung, nên trông chẳng như những hộp kính màu xanh; ở góc phố, hàng quảng cáo của một rạp chiếu phim đang lấp lóe những ánh đèn nề ông xanh đỏ.

Trong thành phố này, không còn một ai biết anh? Trờ bà mẹ của Vê-ra...

Pa-ven Ghê-or-ghi-ê-vits đi đến cạnh trạm đỗ xe buýt điện. Anh mặc áo choàng, ngừng đầu và bỗng nhĩa thấy ngôi trường của mình ở một ngách phố — tòa nhà bốn tầng, với những ô cửa sổ đen ngòm, vẫn đứng nguyên đó, như khi xưa... Nó vẫn như cũ như trong thời thơ ấu, như bao năm về trước.

Có đến mấy phút, anh đứng nhìn không chớp mắt hình khối tối đen của ngôi trường, rồi như bị ai thôi thúc, anh khoát tay, bước vào vườn cây tối um ở sân trường... Với một cảm giác dễ mê khoan khoái, anh ngồi xuống dưới gốc cây keo cổ thụ xưa kia, trong những giờ ra chơi, anh cùng các bạn thường chơi "hái hoa". Ấy là thường vào mùa xuân, khi mặt đất còn thấm đậm hơi ẩm dễ chịu lạ lùng!... Anh đưa tay lên sờ cái ghế băng, vuốt ve thân cây keo và mỉm cười, dường như anh gặp lại một người quen xưa, nhân hậu

không cùng — một người bạn cũ không chút đổi thay, biết tất cả về Pa-ven Xa-phô-nốp và Pa-ven Xa-phô-nốp cũng biết tất cả về bạn...

Không lẽ anh cũng từng có một thời ngồi sau chiếc bàn học sinh? Không lẽ, đã có một thời, vào những kì thi mùa xuân, sớm từng rền vang trên mái trường và trận mưa rào tháng Năm từng ập xuống thành phố, với tiếng lao xao reo vui của con dòng dẫu mùa. Trận mưa ào qua, lách tách trên một đường nhựa, rào rào trong tán lá cây, róc rách trong các ống máng, với những tia chớp tím xanh trên nền xám đen của các ngôi nhà... Và khi ấy, muốn bỏ mặc thi với cử, cũng lủ nhúc con ủa ra dưới những dòng nước mưa ầm ập reo vui, quần xắn tận gối, chân đá tung tóe những vũng nước còn đang bốc hơi, đang phập phồng bong bóng nhưng đã soi bầu trời quang mây đang trong sáng trở lại.

"Đúng rồi, quả đã từng có như vậy mà!" Anh hình dung lại mọi sự rõ như in. Anh lại ngắm nhìn bóng ngôi trường đen sẫm, lòng dào dạt xúc động và hiếu kì. Và bỗng anh phát hiện ở phía bên phải, giữa vườn cây keo tối om âm u, một dóm lửa đỏ đỏ, le lói lọt qua lá cây um tùm. Không có lẽ vẫn Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na ở?... Xưa, cô Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na, cô giáo toán của anh, vẫn ở đây, vậy mà sao anh không nghĩ ngay, không nhớ ngay đến cô nhỉ? Anh vẫn là học trò cưng của cô, cô từng tiên đoán anh có một triển vọng rực rỡ về toán học...

Xa-phô-nốp niêm dậy, rảo bước theo hàng cây, tiến sâu vào khu vườn. Khi nhìn thấy mái nhà còn ẩn dưới những gốc cây cao, ánh đèn lơ mờ trong khung cửa sổ che lấp tấm rèm đỏ, anh hồi hộp đến nghẹt thở. Đã bao năm trời anh không được gặp cô! Liệu cô có còn ở đây không? Còn sống không? Đời cô ra sao rồi? Biết bao điều gán bó với cái tên Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na ấy!...

Xa-phô-nốp thận trọng, nín thở, bước lên thềm cửa. Anh định gõ cửa, nhưng cửa mở. Anh bước vào tiền sảnh (*) tối om, sức mùi dầu hỏa. Anh thấy một vật sáng dưới khe cánh cửa dẫn vào phòng ở. Anh gõ cửa. Không có tiếng trả lời.

Xa-phô-nốp bối rối dầy cửa, nhưng cửa khóa, và đến giờ anh mới hiểu ra: trong nhà không có người. Tự giấu mình, anh đứng im giây lát lắng nghe tiếng ra-đi-ô trong căn phòng chắc hẳn không người. Đoạn, anh lặn mò trong tiền sảnh tối om, tìm lối ra. Anh va phải cái gì đó, một cái xô rơi loảng xoảng. Pa-ven Ghe-or-ghi-e-vits bất giác cúi xuống định nhặt cái xô lên thì lại rơi mất mũ. Bực mình anh rủa « Oi, của khi! ».

— Ai đấy? — Có tiếng hỏi sau lưng anh.

Pa-ven Ghe-or-ghi-e-vits đứng thẳng người lên, quay mặt lại. Đứng trong khung cửa sáng ánh đèn là một người đàn bà thấp bé, gầy gò. Ngay tức khắc, còn chưa nhìn rõ mặt, anh đã nhận ra cô.

— Thưa cô Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na, — anh nói khẽ, tha thiết: — Cô có nhận ra em không ạ?

— Mời anh vào nhà — Cô nói, vẫn cái giọng lịch sự hơi nghiêm nghị mà chắc hẳn cô thường nói với phụ huynh học sinh khi họ đến gặp cô để « trình bày ».

Pa-ven Ghe-or-ghi-e-vits bước vào phòng và nhìn thẳng vào đôi mắt cận thị mà cô giáo anh đang nheo lại như cố nhớ ra người đứng đó là ai, anh nhắc lại:

— Cô có nhận ra em không? Thưa cô Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na, em đây mà...

Mất mấy giây, cô ngược nhìn chăm chú vào tận mặt anh, và anh trông rõ gương mặt ốm yếu xanh xao của cô, già xạm hẳn đi, gần như hốc hác. Trong giây phút ấy, cổ nờn xột xè, anh thầm nhận xét: cô thay đổi nhiều quá, cô gầy hơn xưa, mảnh mai hơn xưa, chỉ có mái tóc bạc là vẫn cất ngấn kiêu quen thuộc.

— Pa-sa Xa-phô-nốp... Pa-sa đấy à? — Cô thốt lên, giọng như thảng thốt — Em ngồi xuống đi... Bỏ quá cho cô, nhà của bà bọn thế đấy... Em ngồi xuống đây, cạnh cái bàn này. Pa-sa... Em về hân đây à?

— Dạ... em, em xong ngay đây ạ! — Xa-phô-nốp mừng rỡ, luynh quynh treo cái áo choàng lên mắc, nơi treo đơn độc mỗi chiếc áo bành to của Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na. Vừa treo áo, anh vừa lấy làm lạ không hiểu vì sao một người đứng tuổi, bề bề như anh lại rút rè, dòm mặt như cậu học sinh năm xưa.

Anh định bắt tay Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na, nhưng may sao tự kìm lại được, bởi có ai bắt tay mẹ mình mỗi khi gặp gỡ. Anh vội thọc tay vào túi tìm thuốc hút, và khi rút bao thuốc ra, anh hỏi, giọng ngượng ngập:

— Cô cho phép chứ ạ?

Anh cũng cô giáo ngồi vào bàn, Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na rời một chút độ thận trọng khó hiểu, vẻ hơi ngờ vực, vừa mỉm cười nhìn anh bằng đôi mắt cận thị, vừa nhắc đi nhắc lại:

— Thế là Pa-sa, em đã về. Cô không thể nhận ra được. Em về công tác à? Có việc à?

— Em đi qua thôi, cô ạ. — anh trả lời, không dám nói là anh vừa mới đi nghỉ ở miền Nam, vì có lẽ nói điều đó lúc này không tiện, thiếu suy nghĩ.

— Chúng ta uống nước cá đã... Em đợi một tí nhé, cô pha trà xong ngay đây — Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na đứng lên, nhưng rồi lại đột ngột ngồi xuống, như thể kiệt sức: cô đặt hai cánh tay khẳng khiu lên bàn, mỉm cười nghĩ hoặc — Ừ phải, đúng Pa-sa... Cô thật không ngờ: Đúng Pa-sa Xa-phô-nốp rồi...

— Thưa cô, cô đừng pha trà nữa ạ — anh bối rối đề nghị. — Em vừa mới ăn tối xong mà...

Anh không muốn uống trà, anh chỉ muốn được ngồi mãi cạnh bàn như thế này mà ngắm nhìn cô giáo Ma-

ri-a Pê-tơ-rôp-na, mà kè lè, mà hỏi han... Nhưng hình như cô không nghe anh nói, cô cầm lấy ấm đi đun nước, và anh cảm thấy cử chỉ của cô cũng có vẻ lúng túng.

— Cô xong ngay đây mà, Pa-sa... Em bỏ qua cho nhé, cô vẫn quen gọi tên em như thế. Vậy mà bây giờ em..

Cô không nói hết câu, bỏ đi ra bếp. Đến lúc ấy Pa-ven Ghê-or-ghi-ê-vits mới trấn tĩnh hoàn toàn, thở phào nhẹ nhõm, đưa tay lên vuốt tóc xoa xuống trán và đưa mắt nhìn quanh phòng. Ma-ri-a Pê-tơ-rôp-na vẫn sống độc thân như hồi trước chiến tranh, vẫn ở căn phòng nhỏ xưa kia, có một cửa sổ mở ra phía vườn. Trong phòng tất cả vẫn như xưa: một cái bàn làm việc, một cái giường, tấm thảm con treo trên tường, mảnh khăn thơm phả trên chiếc bàn đêm, một cái tủ đựng đồ sơ chất đầy sách; trên mặt bàn có lọ mực, một chồng vở, bên cạnh là cây bút chì đỏ, vót nhọn cẩn thận. Căn phòng này, anh mới đến lần đầu. Lần ấy, anh bị cô Ma-ri-a Pê-tơ-rôp-na gọi đến nhà và cô cau mày, nghiêm khắc mắng anh, hình như về cái tội anh đã «sáng chế» kiểu lọ mực biết nhảy bắn lên và đặt nó trên bàn cô giáo tiếng Đức. Giờ đây, Xa-phô-nốp không sao tin nổi đã có chuyện như vậy: cả một vực thẳm thời gian đã ngăn cách cậu học trò Pa-sa xưa kia với công trình sư Pa-ven Ghê-or-ghi-ê-vits ngày nay, hiện đang bối rối ngồi cạnh cái bàn này.

Ma-ri-a Pê-tơ-rôp-na, tay xách ấm trà, bước vào phòng vui vẻ nói:

— Xong rồi đây! Nào Pa-sa, giờ thì em kể về mình đi, em sống ra sao? Nói thế chứ cô cũng biết khá nhiều về em. Qua báo chí. Cô có đọc các bài viết về cuốn sách của em. Em xây dựng gia đình rồi chứ? — Cô hấp tấp hỏi.

— Thưa cô, rồi ạ — Xa-phô-nốp đáp.

Cô ngược nhìn anh, vẻ nghi ngờ trêu mếu:

— Em hạnh phúc chứ?

— Thưa cô, có lẽ thế ạ. Em đã có một cháu trai.

Như thế cô tình không nghe rõ, cô vội nói tiếp:

— Thế thì tuyệt rồi! Còn công việc thì sao? Hiện giờ em đang thiết kế gì?

— Thưa cô, một cấu kiện^(*) mới ạ.

— Thế nào? Thành công chứ?

— Em chưa biết ạ... Nhưng thưa cô, ta nói chuyện xưa đi, chuyện trường ta ấy ạ...

Ma-ri-a Pê-tơ-rôp-na lắc đầu, khẽ nói, giọng trầm ngâm:

— Cô nhớ rất rõ lớp em, lớp trước chiến tranh. Toàn những em trai nghịch ngợm, nhưng thông minh. Có nhớ cả tình bạn của em với Vít-ka Xnê-ghê-rep.

— Thế cô có nhớ lần cô cho em điem «hai» về đại số không ạ? Hình như em học lớp 7 thì phải..

— Đúng rồi. Vì cái tội em không chịu làm bài tập cho về nhà, hi vọng điem tổng kết cao sẽ lấp liếm hết. Môn toán em học rất thông minh. Nhưng phải cái tội lười.

— Thế cô còn nhớ hệ thống dạy chuyện «quay phim» tự động của em chứ?

— Cái trò «phát minh» làm cho «phim» tự động đi chuyển theo đường dây chỉ giữa các dây bàn chứ gì?

— Thưa cô, đúng ạ! — Pa-ven Ghê-or-ghi-ê-vits bật cười — Còn lọ mực tự nhảy nữa ạ? Bây giờ có lẽ em không tài nào nghĩ ra nổi cái trò như vậy. Em còn nhớ: em đã ngồi suốt đêm, vất óc tính toán sức nảy của lò xo sao cho lọ mực nhảy bắn lên đúng lúc cô giáo chấm bút vào.

Ma-ri-a Pê-tơ-rôp-na nheo mắt, dường như có nhina cười.

— Cô nhớ cái khác kia: cô nhớ những phút em phải đứng trước cái bàn này đây....

Cô không nói hết câu, rót thêm trà vào chén, cầm lấy thìa, trầm ngâm suy nghĩ giây lát, rồi hỏi:

— Em còn nhớ Mi-sa Sêkh-chê-rơ không?

— Thưa cô, nhớ chứ ạ! Em còn ganh tị với Mi-sa kia mà! Bọn chúng em đã tranh nhau đọc các bài luận « Hình tượng Ta-chi-a-na », « Nỗi khổ vì cô trí tuệ » của cậu ta. Em không sao viết nổi như vậy.

— Mi-sa đã trở thành nhà báo. Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na chậm rãi nói — Đi đó đi đây khắp nước, ra cả nước ngoài. Cô thường đọc bài của Mi-sa. Và thường nhớ lại những chuyện cũ...

— Cậu ta có về thăm cô không ạ?

— Không.

— Ra thế đấy. — Xa-phô-nốp nói — Mỗi đứa một phương trời rồi. Em nghe nói Vit-ka Xnê-ghi-rep bây giờ iam giám đốc một nhà máy ở Iran. Thật không ngờ! Cô có biết không ạ? Xên-ka Ig-na-chep làm đến Tổng cục trưởng rồi, em có gặp cậu ta ở Mat-xơ-va. Trông bộ vệ lẫm, không sao nhận ra được. Cậu ta không ghé về đây ạ?

— Em bảo sao cơ? — Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na hỏi lại, doan cup mắt xuống khe gập đầu. — Em uống trà đi, Pa-sa....

— Thưa cô, đã có những ai ở lớp cũ về thăm cô ạ? Cô có gặp ai trong lớp ta không ạ? — Xa-phô-nốp hỏi hớp lục vấn. — Cô có gặp Gri-sa Xa-mô-lốp không ạ? Cậu ta giờ là nghệ sĩ. Chắc cô còn nhớ, Gri-sa tài bất chước các vẽ mặt, và có bảo cậu ta có năng khiếu nghệ thuật. Một anh chàng đến hay

— Cô chỉ thấy Gri-sa trong phim thôi, em ạ.

— Em cũng thế. Vậy là cậu ta cũng không về ạ?

Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na không trả lời: Cô cầm cái quấy cái thìa trong tách trà, và Xa-phô-nốp bất chợt trông thấy trên ngón tay cô vết mực đỏ không bao giờ rửa sạch được. Anh nhìn lên gương mặt hốc hác của cô. Lòng xót xa, tình thương yêu đột ngột trào dâng trong anh khi anh phát hiện nhiều nếp nhăn cạnh khóe miệng cô, cái cổ mảnh khảnh, yếu ớt của cô, mái tóc cắt ngắn đã bạc trắng cả rồi. Nỗi lòng ngực anh bỗng thắt lại, đau nhói. Anh chợt nghĩ: nếu cô chết đi trong những năm qua, hẳn anh đã không hề biết tới. Và các bạn cùng lớp với anh, chắc cũng không một ai biết tới....

— Thưa cô — Anh chợt về hỏi rất khẽ, gần như thì thầm, — thế Vit-ka Xnê-ghi-rep không đến thăm cô ạ? Hình như năm ngoái cậu ta có ghé qua đây kia mà!

Cô vẫn ngồi cúi đầu như từ nãy đến giờ, chỉ có chiếc thìa quấy chậm hơn trong tách.

Không, Mi-ka không đến, em ạ....

— Thưa cô, thế ai trong lớp đã đến thăm cô ạ?

— Em bảo sao cơ? Kia em uống đi chứ! Trà nguội mất rồi.

— Không biết có đứa nào trong chúng em viết thư cho cô không ạ? Chắc cô còn nhớ Vô-lô-di-a Bôi-kốp, Ni-na Vi-nô-ku-rô-va chứ ạ? Rồi cả Bô-ri-a Gmư-rơ nữa? Cô có được tin gì về các bạn ấy không ạ?

Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na lại không trả lời. Cô quay dinh ra cửa sổ, khu vườn tối đen, qua lá cây rậm rạp, thấp thoáng ánh đèn một chiếc xe buýt điện chạy ngang qua.

— Cô không được tin gì cả, em ạ, — cô nói — chỉ mình Kô-li-a Xi-bi-r-chep là hay đến cô thôi. Kô-li-a làm ở mỏ đây. Cuộc đời cậu ta không được may mắn lắm. Cậu ta đến cô luôn.

Xa-phô-nốp không còn nhớ rõ Kô-li-a Xi-bir-chen. Hình như cậu ta là một đứa lăm lè, rụt rè, diện mạo không có gì nổi bật, cũng chẳng có khả năng gì đặc biệt, cho nên giờ đây Pa-ven Ghê-or-ghi-ê-vits không hình dung nổi gương mặt ấy.

— Em không nhớ ra nổi cậu ta, — Anh nhún vai nói — em quên cả nét mặt cậu ta rồi!

— Tội quá — Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na nói, giọng chẳng hiểu mỉa mai hay trách móc.

Cả hai cùng im lặng. Hai tiếng cuối cùng «tội quá» khiến Xa-phô-nốp cảm thấy lòng dạ bồn chồn, anh hiểu cả ngầm ý của chồng. Trong bầu không khí bỗng trở nên im ắng, anh nhích tách trả lại phía mình, vụng về với tay lấy đường, và chợt bắt gặp ánh mắt Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na đang mãi tìm kiếm gì đó trên giá sách. Anh cũng nhìn theo và liền trông thấy ở hàng trên cùng cái gáy sách quen thuộc của công trình anh viết mới đây về chế tạo máy bay.

— Thưa cô — anh nói khẽ, giọng nửa ngượng nửa

— Sao hả em?

— Cô cũng có sách của em à? — Anh thì thảo hời vờ im ắng, vì nhớ ra là anh đã không gửi biếu cô cuốn sách ấy.

— Ừ, cô có đọc.

Anh đứng dậy, với tay lấy ở trên giá cuốn «Kết cấu máy bay» của anh, lật giở vài trang. Cảm thấy mặt mình đang bắt đầu đỏ bừng anh vội nói, ngượng ngập, giọng đơn dả đến lỗ bịch:

— Em xin để tặng vào đây. Cô cho phép chứ à?

Bỗng từ trong sách rơi ra một tờ giấy nhỏ, anh vội cúi nhặt lên và trông thấy tấm ảnh mình, cắt trong báo ra. Anh sững sờ nhìn Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na. Cô vừa quỳ thìa trong tách trà, vừa hấp tấp nói:

— Cuốn sách khá dày... Cô đã đọc một cách say sưa. Tấm ảnh ấy, cô cắt trong báo «Sự thật» đấy, em à. Nhân dịp ấy cô có gửi điện chúc mừng em.

Anh vội vã cắt tấm ảnh vào quyển sách, như thế giấu đi một cái gì xấu xa làm anh khó chịu. Giờ đây, vừa thấy xấu hổ, vừa thấy căm ghét bản thân mình, anh nhớ lại rành rọt hai năm trước đây anh quả có nhận được bức điện ấy trong số hàng trăm bức điện mừng khác, và anh đã không gửi điện cảm ơn có mặt dù đã trả lời một số bức điện khác.

Xa-phô-nốp không còn nhớ rõ anh đã ghi những gì đề tặng cuốn sách, song anh nhớ rất rõ phút chia tay với cô giáo cũ: anh ngượng ngùng với lấy chiếc áo khoác sang trọng của anh treo cạnh tấm áo bành tô đã sờn vai của cô giáo già, rồi cúi chào cô mà lòng nặng trĩu một cảm giác khôn nguôi là mình có lỗi. Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na bật đèn ở tiền sảnh, bước ra tiễn chân anh.

Anh nín thính, Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na cũng lặng im giây lát, rồi bỗng ngập ngừng hỏi:

— Cô muốn hỏi em một điều, Pa-sa: Liệu có một chút gì — dầu chỉ bằng hạt cát — là đóng góp của cô trong những thành đạt của em không?

— Chết nỗi, sao cô lại hỏi thế à! — Anh bàng hoàng thốt lên — Nếu như không có cô thì làm sao mà...

Cô nhìn thẳng vào mắt anh, nói với một giọng run run:

— Em tưởng cô không mừng ư? Hôm nay, cô đã được tiếp một người khách quý biết chừng nào! Em tưởng ngày mai lên lớp cô sẽ không kè lại cho học sinh của cô nghe về cuộc đời ngộ nầy ư? Em đi nhé, Pa-sa! Cô chúc em những thành công lớn hơn nữa! Cô chúc em luôn hạnh phúc.

Anh chia tay với cô giáo cũ. Anh rảo bước theo con đường mòn trong khu vườn khuya khoắt. Nhưng rồi không dẫn nổi lòng mình, anh ngoái nhìn lại. Cánh cửa tiền sảnh vẫn mở, một vệt sáng vàng hắt ra khu vườn tối. Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na đứng trên thềm cửa và hình dáng gầy gò lạng lẽ của cô in rõ nét trong khung cửa.

Suốt dọc đường đến tận Mat-xơ-va, Xa-phô-nốp không sao bình tâm được, một cảm giác hồ thẹn đến rất mặt luôn dây vò anh. Anh nghĩ đến Vit-ka Xnhê-ghi-rep, đến Sêkh-chê-ro, đến Xa-môi-lốp, đến tất cả những người từng cùng học với anh ngần ấy năm ròng, anh muốn tìm địa chỉ của họ để viết cho họ những bức thư đầy lời lẽ giận dữ tàn tạc nhất. Nhưng anh đâu có địa chỉ của họ. Sau đó, anh định viết một lá thư thật dài xin lỗi cô Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na, nhưng đau buồn sức nhớ ra rằng anh không biết số nhà của cô...

Đến một ga lớn, Xa-phô-nốp bước xuống, nhìn cầu cô và lòng xúc động. Anh đến thẳng trạm bưu điện. Dừng lưỡng lự giây lát, anh gửi một bức điện đề địa chỉ trường và tên cô giáo Ma-ri-a Pê-tơ-rốp-na. Bức điện ấy chỉ vền vền một câu:

« Xin cô tha lỗi cho chúng em! »

IU. BÓN ĐA RÉP (Hạ Minh Thắng dịch)

1 - (1) *Thảo nguyên*: vùng đồng cỏ rộng mênh mông
(2) *Bán đảo Krım*: trên bờ Biển Đen miền Nam Liên Xô.
(3) *An dưỡng đường*: nhà an dưỡng, nơi nghỉ ngơi để dưỡng sức. (4) *Thung*: thung lũng (nơi tái). (5) *Tại*: để: yếm dài đeo trước ngực và bụng của người làm bếp, phục vụ bàn ăn hoặc bán hàng, v.v... (từ gốc tiếng Pháp biến âm: « ta-bli-ê »). (6) *Ma Pa-na-ma*: kiểu mũ của người Pa-na-ma (một nước Trung Mỹ). (7) *Đi-văng*: kiểu giường hẹp vừa dùng để ngủ lạng nghĩ ngơi vừa dùng làm chỗ ngồi tiếp khách được (từ gốc tiếng Pháp). (8) *Tiền sảnh*:

căn phòng hẹp được bố trí giữa cửa ra vào một căn nhà và cửa vào phòng ở. (9) *Cấu kiện*: bộ phận cấu tạo của thiết bị, máy móc.

II - Truyện có thể chia thành 3 phần.

1. Phần một (Từ đầu đến « Xin lỗi cho mình về tội đã quấy rầy nhé... »):

Pa-ven Ghe-or-ghi-e-vits Xa-phô-nốp, một công trình sư nổi tiếng của đất nước Xô Viết, đã từ giả nơi an dưỡng trước thời hạn để đáp chuyến tàu tốc hành từ vùng bờ nam bán đảo Krım miền Nam Liên Xô về Mat-xơ-va với công việc của anh và gia đình riêng của anh. Khi đi ngang qua quê nhà ở vùng thảo nguyên quen thuộc, nơi anh sinh ra và lớn lên và đã lâu lắm chưa về thăm lại, anh bỗng thêm khát được thăm lại cái thành phố nhỏ thảo thương giữa thảo nguyên ấy với biết bao kỉ niệm êm đẹp và những băn khoăn thiết nhất của anh thời niên thiếu: anh đã quyết định xuống tàu từ một ga xép ở ngoại ô để được đi bộ vào thành phố và sống lại với từng kỉ niệm thời thơ ấu trên từng bước đường quê xưa.

2. Phần hai (« Thế rồi, anh về đến thành phố quê mình... Trở lại mẹ của Vê-ra... »)

Xa-phô-nốp suốt một ngày đi lang thang qua lại nhiều lần khắp các phố xá nơi quê hương. Nhưng anh hết sức buồn bã, chán nản vì thành phố đã thay đổi quá nhiều, khó tìm ra dấu vết kỉ niệm cũ, và anh cũng không gặp lại được người thân nào xưa kia, cũng như không còn một ai ở thành phố này biết đến anh nữa trừ mỗi một bà mẹ của Vê-ra, người bạn gái thân thiết với mỗi thanh đầu trong trắng của anh xưa, đến nay anh mới hay tin người bạn gái bỏ bồng thân yêu ấy đã hi sinh trong cuộc chiến tranh vệ quốc từ lâu rồi!

3. Phần ba (« Pa-ven Ghe-or-ghi-e-vits đi đến cạnh trạm đỗ xe buýt điện... » đến hết):

Đây là phần chính của truyện kể lại cuộc gặp gỡ bất ngờ và đầy xúc động giữa Pa-ven và cô giáo dạy Toán hồi nhỏ của anh ở ngay tại phòng riêng của cô giữa ngôi trường cũ thuở xưa đầy kỉ niệm đối với anh.

Cần đọc cả truyện để nắm bắt được đầy đủ nội dung truyện. Sau đó tập đọc diễn cảm phần chính của truyện (Phần ba). Giọng đọc cần diễn tả được mọi nỗi ngỡ ngàng

và xúc động của Pa-ven Xa-phô-nốp đối với trường cũ, đối với cô giáo cũ, kể cả nỗi hồ hẹn và hồi hận ghê gớm về lỗi lầm của anh và hận thù anh đối với cô giáo cũ từ ngày anh rời ghế nhà trường và sau trở thành một nhân vật có danh tiếng trong giới khoa học Xô Viết.

Mặt khác, giọng đọc cũng cần diễn tả được nỗi mừng rỡ và ngạc nhiên đến mức bối rối của cô Ma-ri-a Pe-tơ-rốp-na trước cuộc gặp gỡ hết sức bất ngờ của cô với người học trò 'cung' xưa kia của cô ngày nay đã nổi tiếng khắp đất nước mà cô lẽ có ngờ rằng chẳng bao giờ anh còn quay trở lại gặp cô nữa.

III - 1. Em hãy tìm hiểu tâm trạng của Pa-ven Xa-phô-nốp từ lúc anh rời bỏ con tàu tốc hành cho tới lúc anh lang thang suốt ngày trên khắp các phố xá ở thành phố quê hương cũ của anh? Tình tiết nào trong phần truyện này đã làm cho em xúc động như thế?

2. Tình huống nào đã dẫn đến cuộc gặp gỡ giữa Pa-ven Xa-phô-nốp và cô giáo cũ Ma-ri-a Pe-tơ-rốp-na của anh? Theo ý em, tác giả có dụng ý nghệ thuật gì khi đưa ra cái tình huống ngẫu nhiên đó cho cuộc gặp gỡ giữa hai người?

3. Phân tích diễn biến của câu chuyện trao đổi giữa hai thầy trò cô Ma-ri-a sau bao năm xa cách: Đối với cô Ma-ri-a thì điều gì là không bất ngờ và điều gì là bất ngờ nhất? Tại sao lại đối với Xa-phô-nốp thì những điều gì là bất ngờ và điều gì là bất ngờ nhất? Vì sao cô không lúc anh làm cho cô giáo cũ tỏ ra lúng túng trước những lời thăm hỏi của anh? Và vì sao có những lúc chính anh cũng tỏ ra rất lúng túng và bối rối trước cô giáo cũ?

4. Theo ý em, câu hỏi cuối cùng của cô Ma-ri-a và câu trả lời cuối cùng của Xa-phô-nốp trước khi hai thầy trò chia tay nhau có ý nghĩa gì sâu sắc? Tác giả có dụng ý gì khi lấy câu kết thúc truyện (Nội dung bức điện của Xa-phô-nốp) để đặt tên cho truyện này?

IV - 1. Hãy kể tóm tắt lại cả truyện. Đọc diễn cảm một đoạn truyện mà em thích thú nhất.

2. Em hãy chứng minh: chính những tình tiết bất ngờ chứa đựng trong truyện đã làm cho ý nghĩa của truyện trở nên hết sức sâu sắc và tạo cho nó một sức hấp dẫn mạnh.

BÀI 41

LÍ LỊCH

Tăng I. Ger-man

Trưởng tá bưu điện (1) Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits là người giản dị, đi làm luôn luôn đúng giờ, gặp cô thư kí thì miệng chào tay bắt, thỉnh thoảng lại còn viết báo tường với bút danh 'Tốt đẹp'. Ở phòng đón khách của ông thường có người chờ từ sáng, người thì có việc quan trọng, người thì chỉ việc linh tinh, cấp dưới cũng giải quyết được, chẳng cần đến ông, nhưng ông vẫn có lỗi làm việc là sẵn sàng tiếp bất cứ ai và trực tiếp đi vào sự việc.

Phòng đón khách bày biện đơn giản, nhưng tiện lợi. Cạnh cửa vào là bàn của cô thư kí trên đặt chiếc máy chữ khổng lồ. Trong góc treo một chiếc loa truyền thanh để cho khách nghe đài trong lúc ngồi chờ và cũng để át đi tiếng thủ trưởng vắng từ trong ra. Chà là khách khứa thì đông, biết ai vào với ai.

Phòng làm việc toát lên đức độ khiêm nhường vốn là bản tính của Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits. Trong cùng kê một chiếc bàn viết rộng trên đó những lọ mực bằng đồng, phía trước đặt hai chiếc ghế bành bọc da. Bên phải là một chiếc bàn dài phủ da xanh dùng cho khi họp hành, hai bên ghế xếp ngay ngắn. Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits rất không bằng lòng khi thấy ai ngồi vào chiếc bàn đó và hễ thấy chiếc ghế nào bị dịch ra là bao giờ cũng tự dưng vào chỗ cũ, lưng ghế kéo thành hàng thẳng tắp.

Vào cái hôm mở đầu câu chuyện này, cuộc sống trong phòng đón khách vẫn như thường lệ. Cô thư kí đóng dấu gán xi vào phong bì công văn, khách chờ đến lượt mình, đài phát thanh truyền đi điệu nhạc du dương. Đứng mười giờ vắng lên một tiếng chuông ngân.

Cô thư kí nhanh nhẹn biến vào phòng trong một lát, quay ra nói:

— Đồng chí Ê-fi-mô-va, xin mời vào.

Người thiếu phụ đầu đội chiếc mũ dôm đang đi vào phòng. Có lẽ chị ta hồi hộp khi bước vào phòng, vì quên khép đôi cánh cửa bọc vải sơn đen.

Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits đang chậm rãi viết, đầu nghiêng nghiêng theo thói quen.

— Mời đồng chí ngồi — ông nói, vẫn không ngước mắt.

Ê-fi-mô-va ngồi ghé xuống mép ghế lạnh ngắt, đưa mắt nhìn Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits qua tấm thành bằng đồng ở bộ lọ mực. Ông có khuôn mặt đầy đặn và nhìn của một người không hút thuốc lá, tóc bạc phơ.

— Đồng chí nói đi, tôi nghe đây — ông nói, tay vẫn viết.

— Tôi là Ê-fi-mô-va — người phụ nữ khế khang giọng, mở đầu câu nói đã sắp sẵn và cân nhắc từ lâu — Cách đây một tuần, tôi đã gặp bác đề xin vào làm việc. Bác đã nhận bản tự thuật và li lịch của tôi và hẹn tôi hôm nay...

Thủ trưởng vẫn lặng lặng viết. Chỉ ta đưa mắt nhìn ông, dường như không hiểu được là cứ việc ngồi chờ đấy đã.

— Vâng — Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits đáp.

Thủ trưởng không dễ chuyển từ việc này sang việc khác. Trước mặt ông là bản sao lá đơn của dân làng Vui khiêu nại về hoạt động yếu kém của mạng lưới chuyển phát^(*). Chủ tịch thế nào lá đơn được đưa thẳng lên Mat-xcơ-va. Vì thế ở đây nhận được bản sao lá đơn kèm theo một công văn yêu cầu nhanh chóng chấm dứt tình trạng bê trễ, trừng phạt những người có lỗi và báo cáo lại việc thực hiện vào ngày nhất định (đã là ngày hôm qua). Công văn có lời lẽ gay gắt lại có ý nói về công tác lãnh đạo non yếu khiến Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits rất bức. Đối với những văn bản như thế, thủ trưởng tự thảo công văn phúc đáp.

Trước hết, như thường lệ, ông đóng dấu «Mặt» lên góc trên tờ giấy. Rồi ông viết rằng vào mùa hè, tại một số huyện trong tỉnh, mạng lưới chuyển phát hoạt động không được chính xác lắm vì trên đường dây, các máy biến thế hay bị cháy. Mà biến thế cháy là vì

mùa hè hay cô đông. Việc sửa chữa không được kịp thời do ba nguyên nhân; một, yêu cầu bổ sung cán bộ chuyên môn đề đạt tại văn bản số ấy số họ mới được đáp ứng không quá mười phần trăm, cán bộ phụ trách đường dây đến nay vẫn thiếu; hai, công việc thường bị kéo dài do điều kiện khí tượng bất lợi, ba.

Vâng, tôi nghe đây — Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits nhắc lại, ông hơi bức vì nguyên nhân thứ ba đã biến khỏi trí nhớ. Tất nhiên cũng chẳng có gì là lạ, mỗi cán bộ có ít nhiều trọng trách đều dễ rời trí khi có người lạ trong phòng làm việc. Chỉ có Giuy-li Xe-da^(*) là có tài vừa đọc vừa viết và diễn thuyết không cần dàn bài. Nhưng đó là vào thời cổ La Mã và những yêu cầu hồi đó cũng hoàn toàn khác.

— Tôi là Ê-fi-mô-va — người thiếu phụ^(*) hay quấy rầy lên tiếng — Tôi xin vào làm việc.

— Chỉ phải sang phòng tổ chức, khai li lịch, — Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits dịu dàng đáp.

— Li lịch và bản tự thuật bác đã cầm.

— Chỉ họ gì nhỉ?

— Ê-fi-mô-va.

Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits lục trong ngăn kéo dưới, lôi ra chiếc cặp giấy có nhãn «Cán bộ» hồ sơ của Ê-fi-mô-va ông đã giữ thật.

Bản li lịch cho biết Ê-fi-mô-va Ep-ghê-ni Va-xi-li-ep-na, nữ, người Nga, sinh năm 1922, gia đình công nhân, năm 1940 theo học trường đại học Lê-nin-grat, tốt nghiệp kỹ sư vô tuyến điện, loại giỏi. Cán bộ ngành chuyên môn này thì hệ thống minh lúc nào cũng cần lắm đấy, Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits tự nhủ và bắt đầu đọc chăm chú hơn. Bản tự thuật nói rõ quá trình học đại học của Ê-fi-mô-va bị gián đoạn do chiến tranh và chỉ bảo vệ luận án năm 1950. 1952 chỉ lấy chồng, 1953 thì li dị.

Những chữ «g» trong bản tự thuật ngắn ngủi, vắn vắn một trang viết tay, đều chổng lên những cái đuôi tỉ mỉ. Nom thấy nét chữ buồn cười đó, Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits nhớ ra là cách dạy li lâu, ông đã cầm trong tay cả bản li lịch lẫn bản tự thuật này và khi đã nhớ ra hồ sơ, ông lại nhớ ra khuôn mặt người thiếu phụ rặt rề, mảnh dẻ và phần nội dung không được suôn sẻ ở cái hồ sơ ấy.

Ông rời mắt khỏi tập giấy, ngược lên nhìn Ê-fi-mô-va. Mối chi tỏ son một cách vụng về, rõ ràng là với chủ định để đến đây và cái thói lẳng lơ như thế tất nhiên không thể không gây ấn tượng không hay cho thủ trưởng.

«Đấy, cảnh cán bộ tổ chức cơ quan này như thế đấy. — Ông nghĩ — sợ trách nhiệm như quý sợ bùa» (1).

Cái mắc là ở chỗ hồi chiến tranh Ê-fi-mô-va đã ở trong vùng tam chiến.

Vì thế hồ sơ của chị ta đã chuyển từ chuyển lại từ chiếc tủ sắt của phòng tổ chức sang bản viết của Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits.

Do đó thứ tư tuần trước Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits báo chị một tuần nữa thì quay lại.

Sau khi tốt nghiệp đại học, Ê-fi-mô-va đã công tác hai năm với chức trách kỹ sư đường dây tại trạm vô tuyến điện do Xa-vê-li-ep phụ trách và thời việc năm 1952 «do hoàn cảnh gia đình», như đã ghi trong li lịch. Tuần qua, ông trưởng ti đã định gọi điện cho Xa-vê-li-ep, một người hiện giữ chức vụ như ông ở tỉnh bên cạnh, tìm hiểu về phẩm chất nghề nghiệp của Ê-fi-mô-va.

Nếu Xa-vê-li-ep không khen Ê-fi-mô-va thì ông có thể yên tâm từ chối chị ta và chấm dứt vấn đề khó xử này.

Nhưng vì quá bận, Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits đã không kịp làm việc đó. Ông khát Ép-ghe-ni Vuxi-li-ep-na một tuần nữa và chị ta vừa đi khỏi là ông đặt luôn điện thoại đường dài.

Nhưng Xa-vê-li-ep tỏ ra thiếu nghiêm túc trong vấn đề này. Ông nói rằng Ê-fi-mô-va là một cán bộ trung thực, có trình độ chuyên môn và ông sẵn sàng chứng nhận cho chị ta.

— Nhưng anh không cảm thấy cô ta khó lòng đương nổi công việc tuyển đường dây hay sao? — Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits hỏi — Có ta yếu dưới thế nào ấy, bác nhợc. Nhất nhất thế nào...

Xa-vê-li-ep không cảm thấy thế. Theo ông, Ê-fi-mô-va luôn luôn kiên trì và nghiêm khắc.

— Về mặt sinh hoạt của cô ta thì thế nào? — Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits hỏi — Lấy chồng rồi lại li dị. Không đứng đắn...

Xa-vê-li-ep giải thích rằng chị ta lấy một anh phát thanh viên của trạm vô tuyến điện huyện. Anh chồng cũ đòi vợ phải bỏ việc. Li lâu sau mới vỡ lẽ ra là anh chàng có vợ và con nhỏ ở quê. Thế là chị ta li dị «Theo tôi, cô ta làm như vậy là đúng» — Xa-vê-li-ep nói thêm.

— Thế anh có biết là đã nửa năm nay cô ta không đi làm ở đâu cả không?

Cái đó thì Xa-vê-li-ep không biết.

— Đấy đấy — Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits nói — Phải xem xét cho kĩ cán bộ của mình.

— Anh cứ nhận cô ấy đi, cứ nhận đi! — Xa-vê-li-ep nói to — Anh sẽ không phải hối tiếc đâu!

Câu chuyện chấm dứt ở đó. Dù sao Xa-vê-li-ep cũng dễ ăn dễ nói vì Ê-fi-mô-va được Tổng cục điều xuống với ông ta. Còn Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits phải tự mình tiếp nhận chị ta, tự chịu trách nhiệm. Nhìn

bề ngoài, tất nhiên có thể nhận Ê-fi-mô-va vào làm việc, chả sao, nhưng nếu xem xét vấn đề sâu hơn một chút thì lí lịch dù sao cũng không được trong sạch. Nhận vào chỉ trễ thôi. Chẳng hạn đoán thanh tra đến, khai hồ sơ cá nhân ra thì phiền lắm đấy. Phòng kĩ thuật có một gã xuất thân từ tầng lớp quý tộc, một gã khác trước cách mạng chả hiểu làm cái quái gì... đầu như trụ tể^(*) thì phải, đại khái là những kẻ lạc loài. Giờ lại thêm cô nàng này nữa. Rõ, bây giờ người ta mới nói, thế này thì đủ hiểu tại sao máy biến thế của các ông hay bị cháy. Các ông tập hợp quanh mình toàn những kẻ không ra gì, mất cảnh giác. Họ lại còn cười cho là khờ khạo nữa...

Một tuần sau Ê-fi-mô-va lại ngồi trong phòng làm việc của Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits.

— Gia đình chị thế nào nhỉ? — ông trưởng ti hỏi.
— Tôi ở với bố mẹ tôi, — Ep-ghe-ni Va-xi-li-ep-na lên tiếng — Phố Lò Gạch, nhà số 10.

— Canh vườn hoa «1 — 5» chẳng?
— Vâng, đúng, ngay cạnh vườn hoa, ngôi nhà nhỏ ấy. Hai cửa sổ ngoài cùng là của chúng tôi, những cửa sổ khác là của các nhà bên cạnh. Mẹ tôi làm ở nhà máy gạch. Bố tôi già lắm rồi. Ông là người tàn tật. Phải chở bằng xe.

— Ông cụ phải có xe kéo tay chứ?
— Vâng, xe loại nhẹ... có tay kéo. Nhưng bố tôi yếu lắm không kéo nổi.

— Phải đặt cho ông cụ một chiếc xe gắn máy. Công nghiệp của ta hiện nay có chế tạo xe gắn máy.

— Chúng tôi xin rồi nhưng không được giải quyết. Họ đòi đủ thứ giấy tờ.

Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits rất lấy làm công phần.
— Quái gở, — ông nói — Đã thế chị phải kiên gan hơn nữa. Viết lên báo ấy. Nếu cần viết thẳng lên Mat-xơ-va.

— Cảm ơn bác. Bác biết đấy, cũng vì bố mà tôi ở lại đây. Không thì tôi đã đến với Xa-vê-li-ep từ lâu, ông ấy sẵn sàng nhận tôi.

— Nghĩa là chị không đi xa được phải không?
— Bác cũng hiểu là rất khó cho tôi.
— Vâng, đáng tiếc. Vậy mà tôi đã chọn cho chị một chỗ ở vùng ven.

— Ở đâu đấy ạ?
— Làng Vui. Ở đó rất cần kĩ sư đường dây.
— Ở xa lắm ạ?
— Cách đây gần một trăm ki-lô-mét. Một trăm hai mươi thì phải.

— Thế thì tôi không thể nào đi được — Ê-fi-mô-va nói, với vẻ buồn bình thường thấy ở phần lớn các vị khách — Không có chỗ nào gần hơn hở bác? Tôi đồng ý đi, có điều là làm sao có thể sang đi tối về.

Tôi lại còn không hiểu hay sao — Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits mỉm cười dịu dàng — Tôi thấy hoàn cảnh của chị. Tôi cũng đã từng khốn khổ với ông già nhà tôi.

— Bác đừng nói thế! Tôi chẳng khổ tí nào... Liệu có chỗ nào gần hơn chút nữa không ạ?

— Khó nói trước được. Một tuần nữa chị đến đây.

Một tuần sau Ê-fi-mô-va lại đến gặp ông. Lần này chị hết sức bồn chồn, tay bóp chặt chiếc khăn nhỏ viền đăng ten.

— Việc của tôi thế nào, thưa đồng chí trưởng ti? — Chị ta hỏi, cố tình không gọi Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits bằng tên riêng.

— Vẫn chưa có gì. Vẫn chỉ có làng Vui thôi — Làm như không đề ý đến giọng nói của chị, ông trưởng ti đáp — Ở đây rất cần kĩ sư đường dây.

—Tôi vừa nhìn thấy cô thư kí của bác đánh máy bản quyết định phân công một cán bộ kĩ thuật vào khu vực nội thành... Như vậy là trong này trước đây còn thiếu cán bộ. Và có lẽ đến nay vẫn thiếu. Chẳng qua là bác thoái thác đấy thôi.

Trước những lời dốp chát như vậy, một thủ trưởng nào khác hẳn đã yêu cầu khách phải ăn nói cẩn thận rồi. Đáng này không, Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits không câu kinh, không to tiếng. Ông chỉ rời ghế đứng lên, nói dè dặt:

—Đồng chí Ê-fi-mô-va!

—Tôi đoán ra rồi—Ê-fi-mô-va cũng đứng lên. Trên đôi má nhợt nhạt của chị bỗng nổi lên những vết sẫm màu. —Bác ngại là tôi đã ở trong vùng tạm chiếm chứ gì.

—Chán chưa, nói chuyện vùng tạm chiếm làm gì? —Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits ngồi xuống, đưa tay sửa lại chông cặp giấy. Ông rất thích có chiếc bàn làm việc lúc nào cũng gọn gàng ngăn nắp miễn chê. Hắn thấy điều gì sơ suất như bát chè không nhón, mực không đầy là thế nào ông cũng gọi cô thư kí vào quở trách đến nơi đến chốn.

—Không, đồng chí cứ cho tôi được trình bày—Ê-fi-mô-va vẫn không thôi—Trường chúng tôi ngay từ đầu chiến tranh đã rời Le-nin-grat để tránh bị bao vây, sơ tán xuống Pa-ti-gorxk. Ở đây chúng tôi tiếp tục học. Rồi khi mặt trận đến gần, người ta hứa sẽ có tàu cho chúng tôi xuống Trung Á, nhưng cứ lần lữa hết ngày này sang ngày khác, cuối cùng không kịp. Một số bạn, tất nhiên là những người táo tợn, đã leo lên mái, và bám lấy bậc lên xuống mà đi, nhưng tôi thì chịu... Ở ga thì không mua nổi vé... Người ta đi có đoàn có toán, chẳng ai cho theo... Chúng tôi đành đi bộ... Rồi bị địch bao vây... Hồi ấy thật là gay go gian khổ...

—Phải rồi, cái thời buổi ấy đến nay tôi vẫn nhớ.
—Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits thở dài, —Chính tôi đến phút chót mới được lên tàu rời khỏi Krum(?), — và ông sửa lại những cặp bìa giấy trên bàn.

—Các bác thì rõ ràng phải được đưa đi.

—Vâng, lệnh của Trung ương. Yêu cầu đi ngay. Tôi thì chỉ ao ước liên lạc được với anh em du kích, tôi có sở trường hoạt động du kích từ bé đấy. Nhưng biết làm sao, mệnh lệnh là mệnh lệnh.

—Hồi ấy tôi cũng muốn bắt liên lạc với du kích, nhưng không biết họ ở đâu.

—Chị thì hoạt động du kích làm sao được! Thế chị ở trong vùng bọn Đức có lâu không?

—Năm tháng. Buộc phải làm giáo viên. Cũng phải có cách sinh sống chứ? Tất nhiên tôi có lỗi là đã không vào du kích... Bây giờ tôi sẵn sàng nhận việc ở bất cứ ngành nào, làm nhân viên kĩ thuật thôi. Thế mà chẳng được lấy cả.

—Người ta sợ trách nhiệm đấy mà.

—Không phải, không phải sợ trách nhiệm gì đâu. Có chỉ thị không được sắp xếp người có bằng đại học làm lao động giản đơn. Bác đừng cười mím như thế, đó là một quyết định đúng đắn. Nhà nước chỉ tiền cho chúng tôi học tập. Chúng tôi phải làm việc hết sức mình. Xin nói thêm là sau chiến tranh tôi đã được học tiếp và ban giám hiệu có biết việc tôi đã ở trong vùng tạm chiếm.

—Vâng—Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits thở dài—Chị được đào tạo theo một chuyên môn hẹp.

—Tôi đã định đổi nghề. Cách đây ít lâu, tôi có nộp đơn vào đại học ngoại ngữ. Nhưng người ta bảo tôi: «Vi chị đã có bằng đại học nên đơn của chị chúng tôi sẽ xét sau cùng. Nếu còn thừa chỗ»

—Sợ trách nhiệm mà. — Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits lại nói.

— Theo tôi họ làm như vậy là đúng. Những người khác cũng muốn có bằng đại học. Nhưng quả thật tôi không biết làm thế nào. Chẳng thà tàn phế, cụt chân cụt tay còn hơn không có việc làm.

Chị nhìn vào khoảng không trước mặt và hỏi:

— Đến đây thì đi như thế nào, làng Vui ấy...

Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits chịu khó giảng cho chị rõ, trước hết phải đi tàu hỏa, rồi chuyển sang ô tô buýt. Cách lên ô tô ba ki-lô-mét, không hơn. Nhưng nên nhớ là mùa đông ô tô buýt chạy không đều, nhất là thời gian tuyết đổ nhiều, đường tắc. Còn về tàu thì phải tự túc. Nhưng nói chung thì giao thông cũng bình thường. Riêng về khoản nhà ở thì ở Vui chán quá. Khả năng duy nhất là thuê nhà tư nhân.

Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits dịch ghế đứng lên, bắt tay từ biệt Ê-fi-mô-va và dặn chị một hai tuần nữa cứ đến xem sao.

Hai tuần sau, Ê-fi-mô-va lại đến, về hớn hờ. Chị không đánh môi son nữa.

— Bác biết chứ, đau vào đấy cả rồi, Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits ạ! — Chưa chào hỏi gì chị đã nói luôn — Giám đốc nhà máy gạch đã chuyển mẹ tôi sang ca hai theo lời xin của tôi. Một cô gái có họ xa với nhà bên cạnh sẽ đến với chúng tôi vào buổi sáng. Cô ta mới ở nông thôn ra. Cô ta sẽ làm bữa trưa, dọn dẹp trong nhà. Tôi sẽ về nhà vào chủ nhật. Được chứ ạ?

— Chị đã xin được ở đâu? — Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits hỏi.

— Ở đâu là thế nào? Tôi đi Vui.

— Ấy chết, thế này chị ạ — Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits hạ mắt xuống và sửa lại những chiếc cặp giấy — Chúng tôi đã không trì hoãn được đến bằng ấy thời gian. Ở Vui đã bỏ sung xong biên chế.

Ê-fi-mô-va từ từ dịch ghế đứng lên và đưa mắt nhìn quanh.

— Ông đã nói là... — Chị cất tiếng — Ông bảo là... Sau hai tuần, ông...

Chị bỗng quay người, úp mặt vào hai bàn tay và chạy ra khỏi phòng. Người khác lại phải khép hộ chị đôi cánh cửa.

Ê-fi-mô-va không đến nữa. Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits dường như không bận tâm lắm đến điều đó và dần dần ông quên hẳn người thiếu phụ hay đến làm rầy ông. Nhưng có lần trong khi dọn dẹp bàn viết, ông tình cờ trông thấy cái bàn tự thuật ngân ngân. Dưa mắt lướt qua những dòng chữ loang thoáng những cái đuôi chữ "g" ngo ngo, ông chợt nhớ tới người thiếu phụ đội mũ cắm lông chim và ngẫm nghĩ. Không hiểu chị ta bây giờ ra sao? Chị ta đang ở đâu? Chị ta đã xin được việc chưa? Chưa chắc. Toàn bộ hồ sơ của chị ta vẫn ở đây. Mà chị ta cũng chỉ có thể làm việc trong ngành bưu điện thôi, chuyên ngành hợp mã. Hay chị ta đã đi Mat-xcơ-va khiêu nài rồi, lên tận bộ trưởng rồi? Nếu vậy thì mai kia thế nào mình chả bị hạch là tại sao không bố trí công tác cho kỹ sư Ê-fi-mô-va, nào họ có năm được thực chất vấn đề đâu. Họ sẽ nói là chính anh làm công văn kêu thiếu cán bộ chuyên môn, vậy mà cán bộ chuyên môn lại bị khước từ. Nói thế nào lúc bấy giờ?

Xê-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits gọi cô thư ký vào và trong khi trao đổi về công việc, ông hỏi thời gian qua có người phụ nữ nào gầy gầy, họ là Ê-fi-mô-va thì phải, đến ghi tên xin gặp thủ trưởng không.

Trong số không có Ê-fi-mô-va.

Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits lại nghĩ ngợi. Có thể ông đã nhớ tới câu chuyện ngày nào có một người đàn bà mãi không xin được việc làm vì chồng chỉ ta có dính vào một chuyện mờ ám và bị bắt. Chỉ ta làm đơn gửi lên trên và nhảy xuống sông trầm mình.

Mặc dù không phải là sự việc xảy ra trong ngành và đã bao nhiêu năm về trước, một chuyện như thế tất nhiên không thể không để lại dấu vết trong tâm hồn nhạy cảm của Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits.

Ông bỗng chôn không yên. Y như năm ngoái, hồi có các cán bộ đại diện Tổng cục xuống, hai tay ông ửng đầy nốt đỏ.

Ba tuần sau, để xóa tình trạng hồ nghi, Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits đã định phải một cán bộ được ông tin cậy đến gặp Ê-fi-mô-va tại nhà riêng, nhưng sau khi trao đổi với người này, ông bỗng tỉnh ngộ và bỏ ý định đó. Nói gì thì nói, thăm viếng kiểu này xem ra hơi kì, chỉ ít cũng không được dăng hoàng.

Cuối cùng Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits quyết định không nghĩ ngợi gì nữa, kiên nhẫn chờ đợi, rồi sẽ lại yên tâm thôi. Nhưng một nỗi lo lắng mơ hồ ngày càng mạnh hơn, riết ráo hơn trong tâm lòng vị tha⁽⁵⁾ của ông. Ông sinh ra hay quát hét, dăm bản uyển uyển và có lần còn quên đóng dấu "Mặt" vào văn bản quan trọng, thật chưa từng có.

Một hôm dự hội nghị xong trên đường về nhà, ông cho xe chạy đến phố Lò Gạch, bảo lái xe chờ ở góc đường, xuống đi bộ đến nhà số 10. Chiều tháng chín chớm tối. Ngọn đèn đường chiếu sáng những bức vách ghép bằng gỗ sục của ngôi nhà nhỏ một tầng, máng thêm nhám nhò, cánh cửa sổ đã tróc sơn, mái hiên bằng sắt bị gió dày ken ken kết, đôi cánh cửa chính xộc xệch, cái khe bỏ thư đã bị băng giẻ. Bên các máng tường vẫn lủng lẳng những sợi dây trước kia dùng cho cây hoa bia leo lên. Quanh thềm hồi mùa hè tầm ma mọc um tùm, giờ đây những cánh tầm ma vàng ủa tua tủa trời lên giữa những bậc lên xuống. Rõ ràng cửa chính đã bị lại để đi công sau,

Trên tường có ba cửa sổ rực sáng ánh đèn, còn hai cái ngoài cùng mà Ê-fi-mô-va đã nói đến thì tối om. Nhưng tấm kính đen xỉn rêu rĩ nhìn Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits.

Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits đứng sững hồi lâu trên phố vắng, trơ trọi một mình một bóng giữa trời gió lạnh mà suy ngẫm mien mai. Biết bao sự tình cờ nhỏ nhặt đang ngáng trở công việc bình thường, biết mấy khó khăn trong công việc lãnh đạo một tập thể lớn, quá nhiều thử thách đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo phải kiên gan bền chí. Rồi ông bỗng rết có người lại, liền rào bước ra xe.

Sáng đây ông đau đầu, thế là đi làm luôn, không ăn sáng.

Ông ngạc nhiên khi thấy Ê-fi-mô-va trong phòng đợi. Chỉ đã nhờ có thư kí ghi tên xin gặp thủ trưởng ngày hôm nay. Lần này Ê-fi-mô-va nom bạo dạn và cương quyết, mặt ửng hồng tươi tắn, trẻ trung.

— Ghi tên ghi tiếc gì, Ep-ghe-ni Vu-xi-li-ep-na-Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits kêu lên, ông chúa ghét hình thức — Vào đi, vào đi! — Và ông khoác tay đưa chỉ vào phòng.

— Tôi đến xin lại hồ sơ, thưa đồng chí trưởng ti-Ê-fi-mô-va vừa nói vừa gỡ tay ra.

— Chị đã tìm được chỗ làm rồi à?

— Vâng.

— Chị có thể cho biết là ở đâu không?

— Ở chỗ Xa-vê-li-ep. Được biết hoàn cảnh của tôi, thế là ông ấy gửi thư. Ông ta bảo thời gian đầu thì hãy dùng một phòng trong khu tập thể, một năm sau sẽ có căn hộ riêng.

— Tốt thôi, chúc chị lên đường may mắn — Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-e-vits nói, ông thực lòng vui sướng — Tôi cũng đã giữ cho chị một chỗ đấy, lâu lắm chị chẳng đến.

— Tôi có ở trong thành phố đâu. Đi đỡ khoai tay.

— Sao lại đến nông nỗi ấy?

— Nhà máy gạch người ta cử mẹ tôi đi. Nhưng mẹ tôi đi thì vất vả quá nên tôi đi thay. À quên, làng Vui cách trung tâm không đến một trăm ki-lô-mét đâu, có bảy mươi hai thôi.

— Chị đến Vui rồi đấy à?

— Vâng. Và đã được chứng kiến những chuyện lạ lùng ở cái trạm truyền thanh ấy?

— Sao kia?

— Thợ sửa chữa đường dây chuyên trị ⁽¹⁾ đầu cơ dây điện Nhà nước. Họ đánh lừa những người nhẹ dạ cả tin là trong kho hết vật liệu, rồi làm ra bộ tư chạy lấy dây đề mắc, lấy tiền dứt tối.

— Bầy quá — Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits nói — Thế lãnh đạo ở đây trông nom quản lí cái gì?

— Lấy ai ra mà trông nom. Nửa năm trời không có kĩ sư đường dây. Cơ sở dưới đó của ông thật nát bét, vậy mà ông... ông chỉ ngồi đọc giấy tờ thôi.

Ê-fi-mô-va quay người đi thẳng, không chào.

« Những vị khách nông này, bộp chộp đến thế là cùng » — Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits nghĩ. Ông lắc đầu với vẻ độ lượng và đưa tay với chiếc cặp giấy có nhãn: « Trao đổi với cấp trên ».

A. AN-TÔ-NÔP
(Vũ Minh Phú dịch)

I — (1) *Trưởng tí bưu điện*: Cán bộ quản lí đứng đầu ngành bưu điện của một tỉnh (tức cũ — nay ta gọi là: Giám đốc sở bưu điện). (2) *Mạng lưới chuyên phát*: mạng lưới chuyên tin và phát tin. (3) *Giấy-lì Xe-đa*: tên một hoàng đế đọc tài chuyên chế của La Mã cổ đại (thế kỉ I trước CN). (4) *Thiếu phụ*: người đàn bà còn

trẻ đã có chồng. (5) *Bùa*: tờ giấy hay miếng vải mà thợ phù thủy viết chữ và vẽ dấu hiệu vào rồi phủ phép, để dán ở vách, chôn dưới đất hoặc cho đeo vào người nhằm trừ ma quỷ (theo quan niệm mê tín ngày xưa). (6) *Trợ tá*: cứu tá. (7) *Crum*: bán đảo thuộc Biển Đen ở phía Nam Liên Xô. (8) *Vị tha*: vì người khác, vì lợi ích của người khác. (9) *Chuyên trị*: chuyên làm một việc (khẩu ngữ thông tục).

II — Đọc một hai lần cả truyện để nắm bắt toàn bộ nội dung truyện. Sau đó tập đọc diễn cảm phần chính của truyện (« Có thư kí nhanh nhẹn biến vào phòng trong một lát... Người khác lại phải khép hộ chị đôi cánh cửa »).

Giọng đọc cần diễn tả được tác phong, thái độ quan liêu, hình thức giấy tờ đến mức đối trá, vô trách nhiệm của nhân vật « Trưởng tí bưu điện » Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits; mặt khác, bộc lộ rõ được tâm trạng chờ đợi, bồn chồn lo lắng, có lúc sợ hãi và tuyệt vọng của người kĩ sư Ê-phi-mô-va Êp-ghe-ni Va-xi-li-ep-na trước cách giải quyết công việc của trưởng tí Xe-mi-ôn.

III — 1. Em hãy phân tích và nhận xét về tác phong làm việc nói chung và đạo đức tư cách của Trưởng tí bưu điện Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits trong cách đối xử với nữ kĩ sư vô tuyến điện Ê-phi-mô-va Êp-ghe-ni Va-xi-li-ep-na.

2. Theo ý em, ở nữ kĩ sư Ê-phi-mô-va có những đặc điểm gì về phẩm chất và đạo đức tác phong? (Đặc biệt ở chị có những nét gì trái ngược với Xe-mi-ôn Ê-rê-mê-ê-vits?).

3. Giữa hai nhân vật cũng là « Trưởng tí bưu điện » (Xe-mi-ôn và Xa-ve-li-ep) cũng có những nét hoàn toàn tương phản nhau; em thử nói rõ xem.

4. Cuộc gặp gỡ và đối thoại lần cuối giữa Trưởng tí Xe-mi-ôn và chị Ê-phi-mô-va đã đem lại ý nghĩa gì thú vị cho câu chuyện?

IV - 1. Kể tóm tắt lại câu chuyện. Tập đọc diễn cảm phần chính của truyện (theo Mục II ở trên).

2. (HS khá và giỏi) Em thử nêu một vài nét chấm biếm sau sắc thái của tác giả trong cách kể chuyện của mình.

ĐỌC THÊM (ở lớp)

BÀI 42

KÊ GIÀ CHẾT

(Truyện ngắn)

Một buổi sáng, họa sĩ quen biết Lu-xi-ô Prê-dôn-da-ni, 46 tuổi, bấy lâu nay đã lui về quê ở Vi-mec-ca-tê ăn cư, mở tờ báo hằng ngày ra đọc. Ông đã vô cùng sửng sốt khi thấy ở trang ba có một dòng tít:

Một tôn thất lớn đời vọt nặn nghệ thuật Ý - họa sĩ Prê-dôn-da-ni đã từ trần.

Bên dưới là một mẫu tin nhỏ: «Vi-mec-ca-tê đêm 21 tháng 2. Sau một cơn đau ngắn, mặc dù được các bác sĩ cố gắng cứu chữa nhưng không có kết quả, cách đây hai hôm họa sĩ Lu-xi-ô Prê-dôn-da-ni đã từ trần. Thê theo ý muốn của người quá cố, bản cáo phó này được đăng sau khi đã tiến hành lễ mai táng».

Tiếp theo là một bài tường niệm dài gần một cột báo đầy những lời tán dương và người kí tên là nhà phê bình nghệ thuật Gi-ô-van-ni Stê-pha-ni. Thậm chí còn có cả một bức ảnh chụp nhà họa sĩ cách đây khoảng 20 năm.

Vô cùng kinh ngạc, Prê-dôn-da-ni vội đọc lướt bài diếu văn, và mặc dù vội vã, ông vẫn nhanh chóng phát hiện ra một vài câu văn có ý châm chọc xen kẽ một cách khéo léo giữa những lời tán tụng.

- Ma-tin! Cô Ma-tin đâu!

Prê-dôn-da-ni gọi to khi đã định thần.

- Chuyện gì thế hả mình? - tiếng vợ ông ở phòng bên vọng ra.

- Ra đây, ra đây tôi bảo!

- Dợi em một chút, em đang dở tay là mấy cái áo.

- Cứ ra đây đã nào, trời đất ơi!

Giọng ông tỏ ra hết hoảng đến nỗi Ma-tin vội vàng vứt bỏ bàn là dấy dề chạy vào phòng ông.

- Nay, cô xem đi! - ông họa sĩ rên rỉ đưa tờ báo cho vợ.

Cô đọc báo mặt tai đàn, và với sự phi lí kì diệu của đàn bà, chỉ bật khóc một cách tuyệt vọng:

- Ôi, anh Lu-xi-ô thân yêu, anh Lu-xi-ô khôn khổ của em, cục vàng của em-chị ta thồn thức sau tiếng nấc lên.

Cuối cùng thì cái cảnh này đã làm cho ông chồng phát điên lên.

- Nay, cô điên đấy à? Thế cô không thấy tôi ngồi sờ sờ ra đây à? cô không thấy họ nhầm à?

Chị Ma-tin lập tức nín bặt, nhìn chồng, và nét mặt trở lại tươi tỉnh, rồi đột nhiên, cũng thật dễ dàng như cơn khóc vừa rồi, chị lại không nhận được cười.

- Ôi, lạy chúa tôi, thật buồn cười, ôi, thật là hồ... Thả lởi cho em nhé... một tôn thất đối với nền nghệ thuật... thế mà ở đây anh vẫn khỏe như vạm! -chị ta ôm bụng vừa nói vừa cười.

— Thôi đủ rồi! — Ông họa sĩ bực mình quát lên — Có không hiểu gì cả à? Thật kinh khủng, kinh khủng! Được rồi, tôi sẽ cho tay chủ bút biết tay. Hứa sẽ phải trả giá đắt cho cái trò đùa này!

Thế rồi ông Pre-don-da-ni vội vàng ra thành phố và đến ngay tòa báo. Ông chủ bút nồng nhiệt đón tiếp ông:

— Ô, thưa nhà họa sĩ bậc thầy, mời ngài ngồi. Ấy đừng, mời ngài ngồi sang đây. Xin mời ngài hút thuốc... Ôi, cái bát lửa chết tiệt này... Cắt tàn đây... Nào, bây giờ mời ngài cho biết lí do gì mà tôi lại hân hạnh được tiếp ngài thế này?

Ông ta vờ vịt hay là quả không biết gì về cái chuyện đăng báo kia. Ông Pre-don-da-ni cảm thấy lung túng.

— Ở ... À ... báo hôm nay ... ở trang ba ... có đăng tin là tôi đã chết ...

— Đăng tin ngài chết à? — Ông chủ bút cầm lấy một tờ báo để sẵn trên bàn, giở ra và đọc. Ông ta có vẻ lung túng giây lát, chỉ giây lát thôi, rồi bình tĩnh lại một cách tài tình.

— À vâng, vâng, có chuyện không ổn đây, phải không ạ? Một sự nhầm lẫn kì lạ.

Ông ta làm ra vẻ như một người bố đang trách mắng con mình trước mặt một người qua đường bị trêu ghẹo.

Ông Pre-don-da-ni nóng tiết:

— Nhầm lẫn cái gì? — Ông gầm lên. — Ông giết tôi rồi đấy! Thật ghê tởm.

— Vâng, vâng, — ông chủ bút bẽn lẽn thân nói — Có lẽ ... bài báo đã vượt quá dự định ban đầu ... Nhưng mặt khác, tôi hi vọng là ông đã đánh giá đúng lòng tôn kính của bản báo đối với tác phẩm của ông chứ ...

— Tôn kính cái gì! Ông làm hại tôi thì có.

— Vâng, phải công nhận là có mấy điểm không chính xác ...

— Tôi còn sống mà ông bảo là tôi đã chết ... Thế mà ông lại gọi đó là mấy điểm không chính xác à? Ông làm tôi phát điên lên được! Ông phải đính chính ngay đi. Và tôi có quyền yêu cầu phải được bồi thường thiệt hại.

— Thiệt hại à? Nhưng, ông bạn thân mến của tôi ơi — Ông ta chuyển từ chữ «ngài» sang chữ «ông bạn» một cách đơn giản, điều này chứng tỏ một dấu hiệu chẳng tốt đẹp gì — Ông không thấy là ông đã gặp một điều cực kì may mắn à? Nếu là người khác thì người ta đã nhảy cẫng lên vì vui sướng đấy.

— May mắn cái gì?

— Là vì sau khi một nghệ sĩ qua đời thì tác phẩm của ông ta lập tức được tăng giá lên ngay. Thật vô tình, vâng thật vô tình mà chúng tôi đã tạo cho ông một dịp may mắn hiếm có.

— Thế tôi ... tôi phải giá vờ chết thật à ... tôi phải biến đi à?

— Hẳn rồi, nếu ông muốn lợi dụng dịp may có một không hai này ... Trời đất ơi, chẳng lẽ ông lại bỏ lỡ dịp này hay sao! Đấy ông thử nghĩ xem: người ta sẽ tổ chức cho ông một cuộc trưng bày tranh sau khi chết ... chính chúng tôi cũng sẽ cố gắng quảng cáo cho ông ... Cái đó sẽ đem lại cho ông hàng triệu đồng, ông ạ, và không phải chỉ có thế thôi đâu.

— Thế còn tôi? Tôi sẽ không được lợi một nửa à?

— Yên xem nào: ông có cậu em trai nào không?

— Có, nhưng để làm gì? Chú ấy hiện đang sống ở Nam Phi.

— Tuyệt! anh ấy có giống ông không?

— Cũng khá giống. Chỉ có điều là chú ấy dề râu.

— Hay quá! Ông cũng sẽ dề râu đi. Và ông sẽ đóng giả làm em trai mình. Mọi việc sẽ đầu vào đấy cả... Ông cứ nghe tôi: tốt hơn hết là ông cứ dề mặc mọi việc muốn ra sao thì ra... Sau này ông sẽ hiểu... Còn nếu ông muốn đính chính cái tin này thì... Thực tình tôi cũng không biết là sau này ai sẽ được lợi... Xin lỗi ông nhé, nhưng tôi xin nói thật là có đính chính cũng vô ích. Người ta không tra những người sống lại đâu. Ngay cả trong giới nghệ thuật cũng vậy, ông biết đấy, người ta đã tốn bao nhiêu hương nến cho ông rồi mà bây giờ ông sống lại thì chỉ làm cho mọi người khó chịu mà thôi.

Ông Prê-dôn-da-ni không thể nói là không đồng ý. Ông về quê, giam mình trong buồng kín dề cho râu mọc dài ra. Còn vợ ông thì mặc đồ tang. Ban bè lần lượt đến chia buồn cùng vợ ông, đặc biệt là Ô-scar Pra-di-li, anh này cũng là họa sĩ và trước đây luôn là cái bóng của Prê-dôn-da-ni. Sau đó là những người đến mua tranh: đó là các nhà buôn, các nhà sưu tầm tranh, những người đánh hơi thấy một món hời. Những bức tranh trước kia khó mà bán được 40, 50 nghìn đồng thì giờ đây bán với giá 200 nghìn là thường. Trong khi đó tại một nơi kín đáo Prê-dôn-da-ni tiếp tục vẽ hết bức tranh này đến bức tranh khác và dĩ nhiên là ông dề lại ngay tháng lại.

Sau một tháng cấm cố, giờ đây ông thả sức dạo chơi, và một lần vì tò mò ông đã vào thăm nghĩa địa. Tại khu nhà mồ của dòng họ ông, ông thấy một ông thợ khắc đang khắc tên cùng ngày sinh và ngày mất lên tấm bia đá trước cửa nhà mồ.

Sau một tháng — khi râu đã mọc khá tốt — ông Prê-dôn-da-ni bắt đầu xuất hiện, tự giới thiệu là em trai của nhà họa sĩ quá cố, vừa ở Nam Phi trở về. Ông đeo kính và cố pha một giọng nói ngoại lai. Tuy

vậy thiên hạ vẫn bảo rằng ông giống anh trai như hai giọt nước.

Ông nói với người thợ khắc rằng ông là em trai của người quá cố. Ông mở khóa cửa đồng của nhà mồ và bước vào bên trong. Một loạt quan tài xếp chồng lên nhau, trong đó có một chiếc mới đóng, rất đẹp, trên nắp có gắn tấm bảng bằng đồng thau với dòng chữ « Lu-xi-ô Prê-dôn-da-ni ». Nắp quan tài được gắn bằng đinh vít. Với một nỗ lực âu mô hồ, ông gõ gõ ngón tay vào một đầu của quan tài. Tiếng gõ vang lên của một chiếc quan tài rỗng. Ông yên trí tự nhủ: càng tốt.

Thật kỳ lạ. Khi Ô-scar Pra-di-li càng năng lui tới nhà ông, thì Ma-tin — vợ ông — xem ra ngày lại càng như hồi xuân trở lại. Bộ đồ tang trông rất hợp với chị. Ông Prê-dôn-da-ni theo dõi sự biến đổi của vợ mình với một thái độ bao dung pha lẫn nỗi lo âu. Ông đang thêm khát chính người vợ góa của mình.

Và phần Pra-di-li, liệu nhiệt tình của anh ta có không thích hợp không? Nhưng khi Prê-dôn-da-ni lưu ý chị Ma-tin về chuyện này thì chị ta giận dữ mắng ông:

— Anh đừng có nghĩ vớ vẩn! Tôi nghiệp anh Ô-scar. Anh ấy là người bạn chân chính duy nhất của anh đấy. Anh ấy là người duy nhất thực lòng thương tiếc anh. Anh ấy đã làm hết sức mình để làm dịu đi nỗi cô đơn của em, thế mà anh lại nghi ngờ anh ấy. Anh kia, ông biết xấu hổ à?

Trong lúc đó ở thành phố người ta tổ chức một cuộc triển lãm tranh của Prê-dôn-da-ni, thật là một thành công lớn. Trừ những khoản chi phí đi, cuộc triển lãm đã thu được 5 triệu rưỡi đồng. Sau đấy, người ta đã nhanh chóng quên đi ông họa sĩ Prê-dôn-da-ni cùng những bức tranh của ông, nhanh chóng một cách kỳ lạ. Trên báo chí càng ngày người ta càng ít nhắc đến tên ông và chẳng bao lâu người ta đã quên bằng ông đi.

Ông Prê-dôn-da-ni ngạc nhiên và đau đớn nhận thấy rằng thiếu ông thế giới vẫn không hề suy chuyển, thiếu ông, mặt trời vẫn mọc dâng đông và lặn dâng tây như ngày nào, cũng như trước đây, sáng sáng các bà nội trợ vẫn rũ thảm ngoài trời, tàu hỏa vẫn chạy ngược chạy xuôi, thiên hạ vẫn ăn uống và giải trí bình thường và đêm đêm, trai gái vẫn dắt tay nhau đi chơi trong công viên thành phố.

Cho đến một hôm, sau khi lang thang ngoài đồng về, ông Prê-dôn-da-ni nhận ra chiếc áo di mưa của ông bạn quý hóa Ô-scar Pra-di-li của mình treo trước cửa. Ngôi nhà chìm trong im ắng đầy vẻ thân thiết và hiếu khách. Bên trong vọng ra những tiếng nói thì thầm, những tiếng thở dài ngọt ngào.

Ông Prê-dôn-da-ni rón rén quay ra. Ông nghe thấy bước ra công và đi về phía nghĩa địa. Tối hôm đó, trời mưa lâm thâm và êm ả.

Bước tới trước cổng nhà mồ của dòng họ, ông đưa mắt nhìn quanh. Không một bóng người. Ông liền rút chìa khóa mở cánh cửa đồng.

Trong khi bóng tối cứ lan dần, ông Prê-dôn-da-ni thông thả dùng con dao nhíp vặn những chiếc đinh vít trên nắp chiếc quan tài mới nhất ra, đó là chiếc quan tài « của ông » : ông Lu-xi-ô Prê-dôn-da-ni.

Ông bình tĩnh mở nắp quan tài, nằm vào trong, lựa chiều cho đúng với tư thế của những người sẽ vĩnh viễn ngủ giấc ngủ ngàn thu. Ông cảm thấy dễ chịu hơn là ông vẫn tưởng.

Không một chút bối rối. Ông thông thả kéo nắp quan tài dậy lại. Khi nắp quan tài sắp đóng kín, ông dừng lại một chút để nghe ngóng xem có ai gọi mình không. Nhưng chẳng có ai gọi cả.

Thế là ông liền buông tay cho nắp quan tài đóng kín.

DI-NÔ BU-DA-TI (I-ta-li-a)
(N.V.D. dịch)

Chà giết

Di-nô Bu-da-ti là nhà văn hiện đại I-ta-li-a, sinh năm 1906, tại Be-lu-nô. Ông là họa sĩ, nhạc sĩ, nhà văn. Tác phẩm của ông là sự kết hợp thành công cái hiện thực với cái huyền tưởng. Ông được coi là một trong những nhà văn tiêu biểu của nền văn học I-ta-li-a hiện đại và là nhà văn nổi tiếng của văn học thế giới.

BÀI 43

ĐỢI ANH VỀ

Em ơi đợi anh về
Đợi anh hoài, em nhé
Mưa có rơi đậm đà
Ngày có dài lê thê
Em ơi em, cứ đợi!
Dù tuyết rơi giỗ nổi
Đời này hay đời kia, em ơi
Bận cứ có quên rồi
Đợi anh về, em nhé!

Tin anh dù vắng vẻ
Lòng anh dù tái tẻ
Chẳng mong chỉ ngày về
Thì em ơi, cứ đợi!

Em ơi em, cứ đợi!
Dù ai nhớ thương ai
Chẳng mong có ngày mai...
Dù mẹ già con dại
Hết mong anh trở lại
Dù bạn vắng hờn anh

Yên nghỉ năm mồ xanh
Nàng chén tình độc cạn
Thì em ơi, mặc bạn
Đợi anh hoài, em nghe

Tin rằng anh sắp về!
Đợi anh, anh lại về
Trông chờ cười ngạo nghệ
Ai ngày xưa rơi lệ
Hân cho sự tình cờ.

Nào có biết bao giờ
Bởi vì em ước vọng
Bởi vì em trông ngóng
Tan giấc, bước đường quê
Anh của em lại về!

Vì sao anh chẳng chết
Nào bao giờ ai biết?
Có gì đâu em ơi
Chỉ vì không ai người
Biết như em chờ đợi.

XI-MÔ-NÔP
(Tô Hữu dịch)

I — Xi-mô-nôp là một nhà thơ nổi tiếng của Liên Xô. Thời chiến tranh chống phát xít, bài « Dợi anh về » là một bài thơ được truyền tụng rộng rãi, người lính Xô Viết ra trận đều mang theo bài thơ này.

II — Bài thơ dịch nhưng có những sáng tạo phát huy nhạc tính của tiếng Việt để thể hiện tinh thần của bài thơ gốc. Khi đọc, chú ý tới nhạc điệu buồn tả những cảnh ngộ bất hạnh trong chiến tranh nhưng điều quan trọng là phải biết nhận mạnh cái điệp khúc bất hủ của lòng tin kết thúc từng khổ thơ và toàn bài thơ.

III — 1. Tìm nghĩa đen và nghĩa bóng của nhan đề: « Dợi anh về ».

2. Đọc bài thơ em có ấn tượng gì sâu sắc nhất về cuộc sống và tâm hồn của người lính và người dân Xô Viết trong chiến tranh chống phát xít? Bằng nghệ thuật biểu hiện như thế nào nhà thơ đã tập trung gây cho ta ấn tượng đó? (Phân tích xem hàng loạt khổ thơ khác nhau có cấu tạo giống nhau ở chỗ nào? Giọng điệu trong từng khổ thơ khi nói đến gian khổ trong chiến tranh và lòng tin ở thắng lợi có gì đặc biệt dễ đi vào lòng người?).

3. Giảng nghĩa khổ thơ cuối cùng và hình tượng của nhà thơ trong khổ thơ ấy.

IV — Tập đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ. Chỉ ý nhạc điệu.

BÀI 44

CÁI ĐÀN BẦU

Chạm lại trong bóng chiều
Chúng tôi lắng nghe kinh ngạc
Một cây đàn đàn tộc Việt Nam.
Nhưng ngón tay khô như gỗ
Lay động bởi một thứ gió lạ kì
Nhấn trên một sợi dây độc nhất.

YA từ sợi dây ấy vọt lên một dòng suối
Tiếng chim, tiếng nước nõ
Điệu ru con, con đông bão
Rồi sợi dây một mình



Tự vọng mãi tiếng ngân nga
Tôi run rẩy như tôi hóa đay ca
Và tôi hiểu: Khi đay càng rất mực
Càng đến mức

sắp đứt — thì đay

Cả vũ trụ về rung động trên đay.

ELA-GA DI-MI-TƠ-RÔ-VA⁽¹⁾
(Nhà thơ Bun-ga-ri — Tế Hanh dịch)

I — Bla-ga Di-mi-tơ-rô-va là một nhà thơ nữ nổi tiếng của Bun-ga-ri. Thời kháng chiến chống Mĩ, bà đã sang nước ta hai lần, viết nhiều bài thơ, bài báo lên án đế quốc Mĩ, ca ngợi dân tộc ta.

II — Bài thơ dịch theo thể thơ tự do. Dựa vào nội dung mà thay đổi cách đọc từng phần. Mỗi câu mở đầu đọc giọng bình thường; đoạn tả tiếng đàn, đọc trầm bổng tha thiết, say mê; đoạn kết đọc rành rọt, đồng đều, nhấn mạnh.

III — 1. Phân tích cách nhà thơ miêu tả tiếng đàn bầu Việt Nam (Nghe đàn trong hoàn cảnh nào, cây đàn và người gảy đàn ra sao? Tiếng đàn như thế nào, gây cho nhà thơ cảm xúc gì về đất nước, cuộc sống, tâm hồn Việt Nam?)

2. Giảng nghĩa đoạn kết xem nhà thơ đã cất nghĩa vì sao tiếng đàn bầu Việt Nam rung động đất trời và lòng người đến thế? Đi sâu tìm hiểu ý nhà thơ, ngoài chuyện cái đàn bầu, còn muốn nói gì về dân tộc ta?

IV — 1. Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ.

2. Bắt chước bài thơ trên, viết một đoạn văn miêu tả nhạc điệu của một nhạc cụ dân tộc mà em đã được thưởng thức (tiếng đàn bầu, đàn tranh, sáo, nhị, khèn, trống v.v.).

HÀM ĐỌC THÊM

HÀNH KHÚC

Giữa hồi phản phúc
Tối đen tù ngục

Suối đã đục giòng
Chỉ lệ còn trong

Tai nghe những tiếng ré điên cuồng
Nhưng lời tàn tỉnh, lời quay quắt

Giặc « xanh » đến với lũ điều hầu⁽¹⁾
Che ánh mặt trời, đen mặt đất

Chúng bảo ta: Rồi bay dơi khát
Và giăng tay cướp bắt cơm ta

Chúng bảo ta: Rồi bay chết rét
Và đàn ta ăn tuyết năm băng

Chúng bảo ta: Phải quăng đốt sách
Chú đi đâu, chó xích theo sau

Chúng bảo ta: Cái đầu tôi mọi
Phải phục tùng không nói năng chi

Chúng bảo ta: Tất cả phải quý
Những đứa khỏe thì đi sang Đức

Chúng bảo ta: Tên này vào ngục
Nhưng tên kia tổng cổ đi dày

Nhưng chúng quên còn những người ngay
Lòng căm giận và bao người trẻ

Nhưng chúng quên quyết tâm bao kẻ
Mất hay còn một lẽ mà thôi

(1) Giặc Đức mặc quần áo xanh

Chúng ta như ào ào gió lốc
Chúng ta như lửa bốc trong lò

Phất cờ lên đánh lại tự do
Không liều lĩnh, không hi sinh vô ích

Chúng ta đi đánh quân thù địch
Chúng ta đi cứu nước non ta!

Duổi đuổi đi những thằng chủ mới
Quân giặc cướp, giết người, quân phản bội

Phan rõ trắng đen, phan rõ chính tà
Phải xứng danh Tò quốc chúng ta!

Phải giành lại từ tay gian ác
Từng trái đồi ngọn núi vườn hoa

Phải giành lại từ tay quân giặc
Từng cửa nhà mồ mả ông cha

Bao đồng cỏ ngàn xưa dẫm máu
Và cả trời hiền hậu bao la

Máy không vùn giặc không còn bóng
«Tất tất cả kêu lên giải phóng»

Những gì ta yêu phải cứu thoát ra
Tự mình ta, tự mình ta.

A-RA-GÔNG (Pháp)
(Tổ Hưu dịch).

TỪ BIỆT

Nếu tôi chết đi
Xin cứ để ban công rộng mở

Em nhỏ đang ăn trái cam
Từ trên ban công tôi còn được thấy

Những người gặt mùa đi gặt lúa mì
Từ trên ban công tôi còn được nghe

Nếu tôi chết đi
Xin cứ để ban công rộng mở

PH. GẮC-XI-A LOR-CA
(Bảng Việt dịch)

Chú giải:

Phê-dê-ri- cô Gác-xi-a Lor-ca, nhà thơ lớn nhất Tây Ban Nha sinh năm 1898 và bị bọn phát xít sát hại ở Gơ-na-đa năm 1936. Thơ ông chan chứa lòng yêu đời, yêu con người, trong phong cách độc đáo khi khai thác thành công những mô-típ dân gian kết hợp nhuần nhuyễn với cách nói hiện đại.

BÀI 45

SƠ LƯỢC MỘT SỐ KHÁI NIỆM LÍ LUẬN VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC

1. CHỦ ĐỀ

— Nhà văn lấy tài liệu trong cuộc sống để xây dựng tác phẩm. Tài liệu mà cuộc sống cung cấp cho nhà văn gọi là đề tài. Đề tài gồm người, việc, cảnh trong cuộc sống. Đề tài có thể rộng lớn (Truyện Kiều, Hoàng Lê nhất thống chí) có thể nhỏ hẹp (Bánh trôi nước, Qua đèo Ngang, Cái dân bầu). Nhưng quan trọng là chủ đề chứ không phải đề tài, từ một đề tài nhỏ vẫn có thể rút ra một chủ đề lớn (Bánh trôi nước, Cái dân bầu).

— Vậy chủ đề là gì? Chủ đề là vấn đề mà nhà văn nhận thức được từ đề tài trong cuộc sống, nêu lên thành vấn đề chủ yếu và tìm cách giải quyết trong tác phẩm theo cách nhìn nhận riêng của mình. Ví dụ: từ đề tài «Bánh trôi nước» Hồ Xuân Hương đã rút ra, nêu lên, thể hiện thành công một chủ đề có ý nghĩa xã hội sâu sắc: Vấn đề thân phận và phẩm chất của người phụ nữ trong xã hội cũ.

— Chủ đề là xương sống, linh hồn của tác phẩm. Nó thống nhất mọi yếu tố, mọi sáng tạo trong tác phẩm thành một khối, theo một hướng nhất định; ngược lại mọi yếu tố, mọi sáng tạo đều phải nhằm mục đích phục vụ chủ đề, làm rõ chủ đề.

— Một chủ đề hay phải là một chủ đề có cái mới, sâu và đúng, phát hiện được vấn đề mới của cuộc sống và đề ra được cách giải quyết hợp lí, rõ ràng.

II - CỐT TRUYỆN

Không phải thể loại văn học nào cũng cần đến cốt truyện.

Thơ trữ tình chủ yếu giải bày tâm tình không cần đến cốt truyện. Nhưng thể truyện, tiểu thuyết lại cần đến cốt truyện.

— Truyện phản ánh cuộc sống bằng một câu chuyện. Sẽ không thành câu chuyện nếu không có nhân vật hành động trong những hoàn cảnh nhất định và trong những quan hệ với các nhân vật khác, làm nảy sinh những tình thế, những vấn đề rắc rối cần giải quyết. Cốt truyện chính là toàn bộ diễn biến những hành động và sự việc mà các nhân vật trong truyện đã làm dẫn tới những vấn đề và những cách giải quyết theo cách riêng của từng nhân vật.

— Một cốt truyện hay là một cốt truyện, dù lấy trong cuộc sống hay tưởng tượng ra, đều phải gây được hứng thú cho người đọc, có tính chân thật hợp lí, góp phần làm rõ chủ đề và tính cách nhân vật. Ví dụ: Truyện Người con gái Nam Xương.

III - KẾT CẤU

Kết cấu là cách tổ chức tác phẩm làm cho các bộ phận, yếu tố, chi tiết hợp lại thành một thể thống nhất, hợp lí, mạch lạc góp phần thể hiện rõ chủ đề và nội dung.

Trong cách kết cấu một tác phẩm có hai vấn đề chính cần giải quyết một cách sáng tạo.

1. Vấn đề phân lượng: cái gì cần nói nhiều, cái gì chỉ nói ít, cái gì cần đi sâu, cái gì chỉ lướt qua.

2. Vấn đề trình tự: cái gì nói trước, cái gì nói sau, sắp xếp phân bố nội dung thế nào cho hợp lí, mạch lạc, hấp dẫn.

Một số trình tự kết cấu tác phẩm văn học thường gặp là những trình tự sau, được dùng riêng rẽ hoặc phối hợp:

— Trình tự thời gian (Truyện Kiều, Truyện Lục Vân Tiên)

— Trình tự song song (Truyện Kiều kể xong một chặng đường đời của Kiều, rồi chuyển sang kể chuyện Kim Trọng từ khi xa Kiều... Truyện Lục Vân Tiên cũng thế, kể về đời Lục Vân Tiên rồi kể về đời Kiều Nguyệt Nga...)

— Trình tự hồi ức: Từ hiện tại nhớ lại dĩ vãng.

— Trình tự tâm lí: Theo diễn biến của cảm xúc, tâm trạng (thường gặp trong thơ).

IV - NỘI DUNG

* — Văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng, ghi lại bao cảnh đời, sự việc, con người và những vấn đề của con người, cung cấp cho ta một kho hiểu biết rất lớn về cuộc sống và con người. Nhưng văn học không phản ánh máy móc, thụ động như một tấm

gương mà thông qua tư tưởng, tình cảm, cách nhìn, cách đánh giá của từng nhà văn. Nó không chỉ miêu tả cuộc sống mà còn biểu hiện tư tưởng, nó phản ánh cuộc sống với một thái độ nhất định. Vì thế, nội dung tác phẩm văn học có hai mặt gắn bó không khít, ảnh hưởng lẫn nhau là nội dung hiện thực trực tiếp miêu tả cuộc sống và nội dung tư tưởng biểu hiện cách nhìn, cách nghĩ, lí tưởng và tư tưởng của nhà văn trước những vấn đề của cuộc sống.

— Vì thế xem xét nội dung của một tác phẩm văn học phải chú ý hai mặt: nội dung phản ánh có chân thật không và nội dung tư tưởng có nhân đạo không. Nội dung chân thật nghĩa là không che giấu sự thật, đi vào cái cơ bản, phát hiện được những vấn đề mới bức thiết của đời sống, dự báo được tương lai. Nội dung nhân đạo nghĩa là quan tâm đến số phận của con người, đấu tranh cho quyền sống của con người, làm cho con người giữ được tính người, nâng cao làm giàu tâm hồn con người, chống cái ác, cái xấu, cái thấp hèn, lạc hậu.

IV — HÌNH THỨC

Nội dung là cái quan trọng nhất trong một tác phẩm văn học nhưng chỉ có nội dung cũng không thành tác phẩm văn học. Nội dung phải được thể hiện bằng một hình thức sáng tạo, thích hợp thì mới có sức mạnh. Nội dung quyết định hình thức nhưng hình thức ảnh hưởng to lớn đến nội dung. Nội dung và hình thức gắn bó với nhau như thịt với da, như ánh sáng trong thủy tinh. Xem xét một tác phẩm, phải xem xét hai mặt nội dung và hình thức trong sự gắn bó với nhau.

— Hình thức của tác phẩm văn học bao gồm thể loại, kết cấu, bút pháp, cách xây dựng hình tượng, cách sử dụng ngôn ngữ v.v..

— Hình thức hay là hình thức sáng tạo, sinh động, phù hợp nhất với nội dung, có sức biểu hiện nội dung hùng hồn nhất, gây được ấn tượng sâu sắc nhất. Trong văn học, mọi hình thức sáng tạo đều có thể chấp nhận nếu có hiệu quả cao trong việc biểu hiện nội dung.

Ví dụ: Bài Đề đơn Sầm Ngột Đông của Hồ Xuân Hương—từ cách đặt câu, dùng từ, chọn vần đều có cái nghịch, cái xắc rất phù hợp với nội dung chống thần quyền và nam quyền rất Hồ Xuân Hương của bà. Hình thức hoành tráng trong phần II của truyện « Người con gái Nam Xương » là cần thiết để nói lên đầy đủ nỗi oan khuất của con người — Nhịp thơ khoáng đạt, rộng mở và hình ảnh khoa trương phóng túng tràn đầy trong bài « Chí anh hùng » của Nguyễn Công Trứ và bài « Đường đi khó » của Lý Bạch là thích hợp để biểu hiện khí phách của con người.

BÀI 46

ÔN TẬP

1. Tóm tắt lại 8 truyện đã học và đọc thêm trong học kì II (mỗi truyện tóm tắt trong khoảng từ 15 đến 30 dòng)

- Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long)
- Con voi ở công viên Thủ Lệ (Ngô Văn Phú)
- « Mặt trời bé con » của tôi (Thùy Linh)
- Trên công trường Bai-ac-ca (N.Ô-xtơ-rốp-xki)
- Không thể sống như thế được ! nt
- Xin có tha lỗi cho chúng em (Iu. Bôn-đa-rốp).

- Li lịch (X. An-tô-nôp)
- Kẻ giả chết (Đ. Bu-đa-ti)

2. Đọc diễn cảm và thuộc lòng 10 bài thơ đã học trong học kì II

- Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận)
- Mùa xuân nho nhỏ (Thanh Hải)
- Lên núi Ba Vì (Phạm Tiến Duật)
- Kẻ lại ở Thạch Hào (Đỗ Phú)
- Bài hát gió thu tốc nhà (Đỗ Phú)
- Đường đi khó (Lí Bạch)
- Xa ngắm thác núi Lư (Lí Bạch)
- Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh (Lí Bạch)
- Dợi anh về (Xi-mô-nôp)
- Cái đàn bầu (Đ.-mi-tơ-rô-va)

MỤC LỤC

PHẦN MỘT: VĂN HỌC VIỆT NAM (tiếp theo)

Trang

Chương II - VĂN THƠ HIỆN ĐẠI

Bài 27: Đoàn thuyền đánh cá	(Huy Cận)	3
Bài 28: Mùa xuân nho nhỏ	(Thanh Hải)	5
Bài 29: Lên núi Ba Vì	(Phạm Tiến Duật)	7
Bài đọc thêm:		
"Người đi tìm hình của nước"	(Chế Lan Viên)	8
"Vàm Cỏ Đông"	(Hoài Vũ)	11
"Xóm đá"	(Phan Thị Thanh Nhàn)	13
"Tiếng đàn Ba-la-lai-ca trên sông Đà"	(Quang Huy)	14
"Chiều biên giới"	(Lê Ngân Sơn)	15
Bài 30: Lăng lê Sa Pa	(Nguyễn Thành Long)	17
Bài 31: Con voi ở công viên Thủ Lệ	(Ngô Văn Phú)	30
Bài 32: Bài đọc thêm (tự chọn):		
" Mặt trời bé con" của tôi	(Thơ Linh)	43

PHẦN HAI

VĂN HỌC THẾ GIỚI

Chương I - VĂN THƠ CỔ

Bài 33: Kẻ lại ở Thạch Hào (Đỗ Phú)	61
Bài 34: Bài hát gió thu tốc nhà (Đỗ Phú)	61
Bài đọc thêm:	64
" Nam sập hết"	(Đỗ Phú) 66

thuongmaitruongxua.vn

VĂN 9

TẬP HAI

1a 288000 bản, khổ 13x19
tại Nhà máy in

Sách Giáo Khoa — Hà Nội

Số in 15—Số XB 04-PTCS

In xong và nộp lưu chiểu
tháng 10 năm 1989

Giá: 930,đ